

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Mã số: 9310110

Hải Dương, tháng 10/2023

Số: 93 /QĐ-ĐHTĐ

Hải Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ
Trường Đại học Thành Đông**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học và Trường khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ, mã số 9310110 của Trường Đại học Thành Đông. (Có bản mô tả chương trình và đề cương chi tiết các học phần kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Thành Đông bắt đầu thực hiện khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định mở mã ngành.

Điều 3. Các ông, bà Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học, Trường khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG

* **Lê Văn Hùng**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
Mã số: 9310110

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 983/QĐ-ĐHTĐ ngày 01/11/2023,
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông)*

1. TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên tiếng Việt: **Quản lý kinh tế;**
- Tên tiếng Anh: **Economic Management**

2. MÃ SỐ: 9310110

3. TÊN VĂN BẰNG SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tên tiếng Việt: **Tiến sĩ Quản lý kinh tế**
- Tên tiếng Anh: **The Degree of Doctor of Philosophy in Economic Management**

4. MỤC TIÊU

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình Tiến sĩ quản lý kinh tế của Trường Đại học Thành Đông được thiết kế để đào tạo ra những người có phương pháp tư duy khoa học, có kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế để nghiên cứu độc lập; có kỹ năng tiếp cận, phân tích, luận giải, đánh giá, phát hiện, đề xuất các vấn đề mới trong lĩnh vực quản lý kinh tế; có kỹ năng hoạch định và tổ chức, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề tài, dự án; có trách nhiệm xã hội cao trong phân tích, tư vấn, phản biện chính sách kinh tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

- (1) Phát triển khả năng nghiên cứu và nắm vững các kiến thức hệ thống, nâng cao, liên thông, hiện đại và cập nhật về quản lý kinh tế cho nghiên cứu sinh;
- (2) Nâng cao kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp luận và sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung, phương pháp nghiên cứu liên ngành, ngành quản lý kinh tế vào thực tiễn; có kỹ năng trao đổi, phản biện học thuật và đối thoại về các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc chuyên ngành Quản lý kinh tế; có kỹ năng công bố các công trình nghiên cứu; có khả năng tham gia và phát triển các mạng lưới hợp tác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế;
- (3) Nâng cao năng lực phát hiện vấn đề, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu giải quyết độc lập các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế cho nghiên cứu sinh;
- (4) Rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ và trách nhiệm xã hội cho nghiên cứu sinh.

5. CHUẨN ĐẦU RA

5.1. Chuẩn đầu ra theo thang Bloom

Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ quản lý kinh tế xác định theo thang Bloom, theo 3 nhóm, mỗi nhóm có 3 bậc từ thấp lên cao (Bảng 5.1).

Bảng 5.1. Chuẩn đầu ra theo thang Bloom

TT	Mã hóa	Chuẩn đầu ra
I	KIẾN THỨC	
1	PLO1.1	Có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu của chuyên ngành quản lý kinh tế;
2	PLO1.2	Có kiến thức để sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học, hệ thống các công cụ, kỹ thuật nghiên cứu đặc trưng của chuyên ngành quản lý kinh tế;
3	PLO1.3	Có kiến thức để tổ chức hoạt động nghiên cứu chuyên quản lý kinh tế; biết cách xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế nhằm phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường.
II	KỸ NĂNG	
4	PLO2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý kinh tế và chính sách kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân;
5	PLO2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý kinh tế để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách kinh tế có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách kinh tế; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách kinh tế;
6	PLO2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế.
III	TRÁCH NHIỆM TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	
7	PLO3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách kinh tế;
8	PLO3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý kinh tế;
9	PLO3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý kinh tế.

5.2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO PHÂN CHO CÁC HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra phân cho các học phần thể hiện bằng ma trận liên kết các thành phần bắt buộc của chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra (Bảng 5.2).

Bảng 5.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phân cho các học phần

Số TT	PLO Học phần	Kiến thức			Kỹ năng			Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
I.	CÁC HỌC PHẦN, TIỂU LUẬN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ QLKT									
1.	Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế	4	4	4	4	4	4	4	4	4
2.	Quản lý khu vực công	4	4	4	4	4	4	4	4	4
3.	Nghệ thuật lãnh đạo	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4.	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	4	4	4	4	4	4	4	4	4
5.	Tiểu luận tổng quan	4	5	5	4	4	5	4	4	5
6.	Chuyên đề 1	4	4	5	4	4	5	4	4	5
7.	Chuyên đề 2	4	4	5	4	4	5	4	4	5
8.	Luận án tiến sĩ	4	4	5	4	4	5	4	4	5
II.	CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ QLKT									
9.	Triết học	4	4	4	4	4	4	4	4	4
10.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	4	4	4	4	4	4	4	4
11.	Khoa học quản lý	4	4	4	4	4	4	4	4	4
12.	Quản lý nhà nước về kinh tế	4	4	4	4	4	4	4	4	4
13.	Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4
14.	Phân tích chính sách KT-XH	4	4	5	4	4	4	4	4	4
15.	Quản lý tiền tệ và ngân hàng	4	4	5	4	4	5	4	5	4

Số TT	PLO Học phần	Kiến thức			Kỹ năng			Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
16.	Quản lý doanh nghiệp	4	4	5	4	4	5	4	5	4
17.	Quản lý dự án	4	4	4	4	4	4	4	4	4
18.	Quản lý tài chính công	4	4	5	4	4	4	4	4	4
19.	Quản lý kinh tế dịch vụ	4	4	4	4	4	4	4	4	4
20.	Quản lý kinh tế nông thôn	4	4	4	4	4	4	4	4	4
21.	Kinh tế tài nguyên và môi trường	4	4	4	4	4	4	4	4	4
22.	Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	4	4	4	4	4	4	4	4	4
23.	Kinh tế và quản lý lao động	4	4	4	4	4	4	4	4	4

Ghi chú: Điểm trong ma trận là kỳ vọng mức độ đạt được theo thang đo MIT trên Bảng 5.3.

Bảng 5.3. Thang đo năng lực tổng hợp MIT

Bậc Năng lực tổng hợp	Mô tả	Điểm
1.	Có trải nghiệm hoặc hoạt động kinh tế và hoạch định, thực thi chính sách quản lý kinh tế;	1
2.	Có thể tham gia vào và đóng góp cho hoạt động kinh tế và chính sách quản lý kinh tế;	2
3.	Có thể hiểu và giải thích các hiện tượng kinh tế và chính sách quản lý kinh tế;	3
4.	Có kỹ năng thực hành và triển khai trong quản lý kinh tế	4
5.	Có thể lãnh đạo hoặc phát minh trong quản lý kinh tế	5

6. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thành Đông áp dụng gồm:

6.1. Chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành gần

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
TỔNG SỐ CÁC HỌC PHẦN, TÍN CHỈ			90	10	80
PHẦN I. CÁC HỌC PHẦN, TIỂU LUẬN VÀ CHUYÊN ĐỀ TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ			20	10	10
I.1 Các học phần ở trình độ Tiến sĩ			12	8	4
1	RMT1511	Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ quản lý kinh tế (Research Methodology and Doctoral thesis)	3	2	1
2	PPM1511	Quản lý khu vực công (Public Policy Management)	3	2	1
3	ALS1511	Nghệ thuật lãnh đạo (Art of Leadership)	3	2	1
4	MMT1511	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô (Macroeconomic Management Tools)	3	2	1
I.2. Tiểu luận tổng quan			2	0	2
5	LRR1511	Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	2	0	2
I.3 Chuyên đề			6	2	4
6	RTO1511	Chuyên đề 1 (Research topic 1)	3	1	2
7	RTT1511	Chuyên đề 2 (Research topic 2)	3	1	2
PHẦN II . LUẬN ÁN TIẾN SĨ			70	0	70
8	DTT1511	Luận án tiến sĩ (Doctoral thesis)	70	0	70
PHẦN III. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
Không tính tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng là điều kiện bắt buộc để được cấp bằng tiến sĩ. Cụ thể là:					

- Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

- Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

PHẦN IV. SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO

Không tính tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng là điều kiện bắt buộc để được cấp bằng tiến sĩ. Cụ thể là:

- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức;

- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn người học, người học cao học thực hành, thực tập;

- Hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.

6.2. Chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành khác

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
TỔNG SỐ CÁC HỌC PHẦN, TÍN CHỈ			99	12	87
PHẦN I. CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ			9	5	4
II.1. Các học phần bắt buộc			3	2	1
1	SME1521	Quản lý nhà nước về kinh tế (State Economic Management)	3	2	1
I.2. Các học phần tự chọn (6 TC/10 TC)			6	3	3
2	EMG1521	Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa (Economic Management in Globalization)	2	1	1
4	CPM1521	Quản lý doanh nghiệp (Business Administration)	2	1	1

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
5	PMN1521	Quản lý dự án (Project Management)	2	1	1
6	REM1521	Quản lý kinh tế nông thôn (Rural Economic Management)	2	1	1
7	PFM1521	Quản lý tài chính công (Public Financial Management)	2	1	1
PHẦN II. CÁC HỌC PHẦN, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ			20	10	10
II.1 Các học phần ở trình độ Tiến sĩ			12	8	4
10	RMT1511	Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ quản lý kinh tế (Research Methodology and Doctoral thesis)	3	2	1
11	PPM1511	Quản lý khu vực công (Public Policy Management)	3	2	2
12	ALS1511	Nghệ thuật lãnh đạo (Art of Leadership)	3	2	1
13	MMT1511	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô (Macroeconomic Management Tools)	3	1	1
II.2. Tiểu luận tổng quan			2	0	2
24	LRR1511	Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	2	0	2
II.3 Chuyên đề			6	2	4
15	RTO1511	Chuyên đề 1 (Research topic 1)	3	1	2
16	RTT1511	Chuyên đề 2 (Research topic 2)	3	1	2
PHẦN III . LUẬN ÁN TIẾN SĨ			70	0	70
17	DTT1511	Luận án tiến sĩ (Doctoral thesis)	70	0	70
PHẦN IV. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
Tương tự như nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành đúng.					
PHẦN V. SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO					
Tương tự như nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành đúng.					

6.3. Chương trình dành cho NCS có bằng cử nhân loại giỏi

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
TỔNG SỐ CÁC HỌC PHẦN, TÍN CHỈ			120	25	95
PHẦN I. CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ			30	18	12
I.1. Phần kiến thức chung (học phần bắt buộc)			6	4	2
1	PHI1521	Triết học (Philosophy)	3	2	1
2	SRM1521	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)	3	2	1
I.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			24	14	10
I. 2.1. Các học phần bắt buộc			12	8	4
3	MNS1521	Khoa học quản lý (Management Science)	3	2	1
4	SME1521	Quản lý nhà nước về kinh tế (State Economic Management)	3	2	1
5	EMG1521	Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa (Economic Management in Globalization)	3	2	1
6	EPA1521	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội (Economic-Social Policy Analysis)	3	2	1
I.2.2. Các học phần tự chọn (12 TC/18 TC)			12	6	6
7	AMB1521	Quản lý tiền tệ và ngân hàng (Money and banking management)	2	1	1
8	CPM1521	Quản lý doanh nghiệp (Business Administration)	2	1	1
9	PMN1521	Quản lý dự án (Project Management)	2	1	1
10	SEM1521	Quản lý kinh tế dịch vụ (Service Economics Management)	2	1	1
11	REM1521	Quản lý kinh tế nông thôn (Rural Economic Management)	2	1	1
12	PFM1521	Quản lý tài chính công (Public Financial Management)	2	1	1
13	ERE1521	Kinh tế Tài nguyên và Môi trường (Resource and Environmental Economics.)	2	1	1

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
14	SES1521	Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (Economic-Social Development Strategy and Plan)	2	1	1
15	ELM1521	Kinh tế và quản lý lao động (Economics and Labor Management)	2	1	1
PHẦN II. CÁC HỌC PHẦN, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ			20	10	10
II.1 Các học phần ở trình độ Tiến sĩ			12	8	4
16	RMT1511	Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ quản lý kinh tế (Research Methodology and Doctoral thesis)	3	2	1
17	PPM1511	Quản lý khu vực công (Public Policy Management)	3	2	1
18	ALS1511	Nghệ thuật lãnh đạo (Art of Leadership)	3	2	1
19	MMT1511	Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô (Macroeconomic Management Tools)	3	2	1
II.2. Tiểu luận tổng quan			2	0	2
20	LRR1511	Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	2	0	2
II.3 Chuyên đề			6	2	4
21	RTO1511	Chuyên đề 1 (Research topic 1)	3	1	2
22	RTT1511	Chuyên đề 2 (Research topic 2)	3	1	2
PHẦN II . LUẬN ÁN TIỀN SĨ			70	0	70
23	DTT1511	Luận án tiến sĩ (Doctoral thesis)	70	0	70
PHẦN III. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC					
Tương tự như nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành đúng.					
PHẦN IV. SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO					
Tương tự như nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành đúng.					

7. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

7.1. Đề cương chi tiết các học phần, tiểu luận tổng quan và chuyên đề trình độ tiến sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Hữu Ngoan

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0913394482; Email: nhngoan1952@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 2: Lê Hoàng Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0904173736, -mail: lehoangnga2015@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Giảng viên 3: Nguyễn Thị Lan Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0913383942; E-mail: nguyenlanhuong1060@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghiên cứu khoa học và luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế	
- Tên học phần (tiếng Anh): Research Methodology and Doctoral thesis	
- Mã số học phần: RMT1511	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	03

+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận	20
+ Số tiết ứng dụng	10
+ Số tiết hoạt động nhóm	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	90
- Học phần song hành	Kinh tế học
- Học phần bổ sung	Nghệ thuật lãnh đạo

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho NCS những kiến thức, kỹ năng tổ chức và thực hiện một nghiên cứu độc lập; cấu trúc cơ bản của nghiên cứu; quá trình nghiên cứu; các phương pháp cơ bản sử dụng trong phân tích, xử lý thông tin kinh tế và quản lý; thiết kế và trình bày một luận án tiến sĩ; và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học. Đây là môn học giúp NCS phối kết hợp các kiến thức của các môn học khác nhau trong chương trình. Trong chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế, các nội dung đều là bậc nâng cao và định hướng nghiên cứu độc lập dưới dạng khung logic (logframe).

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Trang bị cho người học phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và cách thức tiếp cận để nghiên cứu một vấn đề khoa học về quản lý kinh tế	1.1 1.2 1.3	4,0
2	Nâng cao kỹ năng thực hiện một nghiên cứu độc lập, thiết kế và trình bày một luận án tiến sĩ, viết và công bố các bài báo khoa học	2.1 2.2 2.3	4,0
3	Kỹ năng nghiên cứu độc lập, truyền cảm hứng, tổ chức nhóm nghiên cứu và giải quyết các phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học	3.1 3.2 3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Nắm vững các các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	I, T,U
G1.2	Có kiến thức để vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	I, T,U

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.3	Có kiến thức để phân tích, lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp nhất;	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp;	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	U

Ghi chú:

(3): *Mức độ: I (Introduce):Giới thiệu, T(Teach): dạy, U(Utilize):Sử dụng*

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần NCKH và Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế với CĐR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần

NCKH và Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	4,0	1.1
G1.2	Có kiến thức để vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	4.0	1.2
G1.3	Có kiến thức để phân tích, lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	4,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	4.0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	4.0	2.2

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G2.3	Có kỹ năng phổ biến các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp nhất;	4.0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp;	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ(%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,G1.3	15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống	G2.1, G2.2,G2.3	15%
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	50%

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 1 đến tiết 6	Chương 1. Quá trình và cấu trúc của nghiên cứu 1.1. Cấu trúc của nghiên cứu 1.2. Quá trình nghiên cứu (theo luận điểm; theo đường xoắn ốc; và theo giai đoạn) 1.3. Giai đoạn kế hoạch nghiên cứu 1.3.1. Xác định lĩnh vực và vấn đề nghiên cứu 1.3.2. Xác định tên đề tài nghiên cứu 1.3.3. Quyết định mục tiêu, hướng tiếp cận, phương pháp, nội dung, phạm vi, câu hỏi, giả thuyết và giả thiết nghiên cứu 1.4. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu (dạng Logframe) 1.5. Giai đoạn thực hiện nghiên cứu 1.5.1. Xây dựng đề cương nghiên cứu 1.5.2. Một số nội dung cần chú ý khi làm nghiên cứu	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 7 đến tiết 12	Thảo luận chương 1	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3
Từ tiết 12 đến tiết 18	Chương 2. Thu thập số liệu và thông tin 2.1. Vai trò của thông tin trong nghiên cứu 2.2. Tìm kiếm thông tin 2.3. Các phương pháp thu thập số liệu/dữ liệu định tính 2.4. Các phương pháp thu thập số liệu/dữ liệu định lượng 2.5. Kỹ thuật xây dựng bảng hỏi	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3
Từ tiết 19 đến tiết 24	Thảo luận chương 2	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 25 đến tiết 30	Chương 3. Xử lý, phân tích số liệu và thông tin 3.1. Kiểm tra và mã hóa số liệu (thông tin) 3.2. Các phương pháp phân tích thông tin/dữ liệu định tính 3.2.1. Ma trận phân tích SWOT (chiến lược kết hợp SO, WO, ST, WT) 3.2.2. Phân tích lợi ích và chi phí (trong phân tích chính sách) 3.2.3. Cây vấn đề, ... 3.3. Các phương pháp phân tích thông tin/dữ liệu định lượng 3.3.1. Các phương pháp thống kê (kiểm định, phân tích phương sai) 3.3.2. Phương pháp so sánh tĩnh (trong điều kiện cân bằng) 3.3.3. Một số mô hình kinh tế lượng 3.3.4. Mô hình hóa, ...	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 30 đến tiết 36	Thảo luận chương 3	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3
Từ tiết 37 đến tiết 42	Chương 4. Trình bày và phổ biến kết quả nghiên cứu 4.1. Phương pháp viết báo cáo khoa học 4.2. Phân tích dữ liệu/thông tin và Kiểm định giả thuyết 4.3. Viết bài cho tạp chí (thẩm định) 4.4. Phổ biến kết quả nghiên cứu	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3
Từ tiết 43 đến tiết 48	Thảo luận chương 4	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3
Từ tiết 49 đến tiết 54	Chương 5: Luận án tiến sĩ 5.1. Những qui định chung 5.2. Sự khác biệt giữa luận án tiến sĩ với luận văn thạc sĩ và các báo cáo khoa học khác	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	5.3. Một số qui định cụ thể về luận án tiến sĩ 5.4. Viết luận án 5.5. Bảo vệ luận án tiến sĩ 5.6. Các rủi ro thường gặp khi làm nghiên cứu và luận án				
Từ tiết 55 đến tiết 60	Thảo luận chương 5	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G2.3	A1, A2, A3

7. Nguồn học liệu

7.1. Tài liệu bắt buộc

(1)- Vũ Cao Đàm (2012), *Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

(2) - Bài giảng môn học Phương pháp nghiên cứu cho quản lý (Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội).

7.2. Tài liệu tham khảo thêm

(3)- TS. Đinh Bá Hùng Anh, Tô Ngọc Hoàng Kim (2017), *Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội*, Nxb Kinh tế TP Hồ Chí Minh

(4)- Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh (2001), *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội .

(5)- Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

8. Quy định của học phần

8.1. Đối với giảng viên

- Đây là môn học chuyên ngành quản lý kinh tế đòi hỏi giảng viên có hiểu biết sâu rộng về quản lý kinh tế. Người dạy cần linh hoạt vận dụng các phương pháp nhằm truyền tải tốt nhất những kiến thức nâng cao cho học viên về môn quản lý kinh tế với thực tiễn quản lý kinh tế ở Việt Nam thông qua các phương pháp giúp người học phát

huy tính chủ động, sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và có khả năng hoạt động nhóm.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá được thực hiện theo đúng quy chế.

8.2. Đối với học viên

- Phần học trên lớp: Sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số; yêu cầu số giờ nghe giảng trên lớp chiếm 80% số tiết học. Tham gia tích cực các buổi sinh hoạt nhóm thảo luận theo các chủ đề của từng chương trong môn học, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên cần tham gia 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

9. PHỤ TRÁCH MÔN HỌC

PGS,TS Nguyễn Hữu Ngoan, Khoa Kinh tế và QTKD - Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương.

Điện thoại: 0913394482;

Email: nhngoan1952@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ KHU VỰC CÔNG

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Phạm Quý Thọ

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0912244884; Email: phamquytho@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

Giảng viên 2: Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0903434746, E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý khu vực công (tiếng Anh) Public Policy Management	
- Mã số học phần: PPM1511	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	04
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận	20
+ Số tiết ứng dụng	10
+ Số tiết tự nghiên cứu	90
- Học phần song hành	Quản lý nhà nước về kinh tế
- Học phần bổ sung	Nghệ thuật lãnh đạo

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho NCS kiến thức về quản lý khu vực công bao gồm: Vai trò, cơ cấu và những đặc điểm cơ bản của quản lý trong khu vực công; đặc điểm tổ chức và hoạt động của các tổ chức công; vai trò chức năng và cơ cấu thực hiện chức năng của hành chính công trong quản lý xã hội; những bài học thành công trong quản lý của khu

vực tư, các mô hình quản lý công, các xu hướng cải cách khu vực công trên thế giới và liên hệ với thực tiễn Việt Nam; tổng quan lãnh đạo các khu vực công ở các yếu tố cấu thành, mục tiêu lãnh đạo, nội dung lãnh đạo các khu vực công, các yêu cầu cần có của nhà lãnh đạo; một số mô hình, phong cách, nghệ thuật, các kỹ năng lãnh đạo.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Làm cho người học hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản về khu vực công, quản lý trong khu vực công, quản lý các tổ chức công nói chung và các tổ chức công ở Việt Nam nói riêng; có kiến thức chuyên sâu về khoa học lãnh đạo và kỹ năng quản lý của người lãnh đạo và có thể vận dụng những kiến thức này vào phân tích, đánh giá thực tiễn; có thể phân tích, đánh giá, phản biện, đề xuất các giải pháp liên quan đến các hoạt động quản lý công;	1.1 1.2 1.3	3.0
2	Giúp người học xác lập được năng lực tư duy sáng tạo và phương pháp tiếp cận mới đối với những vấn đề liên quan đến khu vực công, quản lý công trong tổ chức công; có khả năng vận dụng các kỹ thuật phân tích và thiết kế các tổ chức công để cải tiến các bộ phận trong đơn vị, tổ chức mà học viên đang công tác;	2.1 2.2 2.3	3.0
3	Làm cho người học ý thức được những vấn đề liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với khu vực công, quản lý công của đất nước; ý thức và trách nhiệm trong việc tham gia, góp ý đối với hoạt động của tổ chức công; nâng cao trách nhiệm cá nhân của mình đối với công việc nếu học viên làm việc tại khu vực công.	3.1 3.2 3.3	3.0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Nắm vững các kiến thức về khu vực công và quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	I, T,U
G1.2	Vận dụng các kiến thức về khu vực công và quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản	I, T,U

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
	lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công vào hoạt động thực tiễn;	
G1.3	Có kiến thức để phân tích về khu vực công và quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất đối với quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững các kiến thức về khu vực công và quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công,	4,0	1.1

	quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;		
G1.2	Vận dụng các kiến thức về khu vực công và quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công vào hoạt động thực tiễn;	4.0	1.2
G1.3	Có kiến thức để phân tích về khu vực công và quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	5,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	4.0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	4.0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	4.0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo về quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất đối với quản lý khu vực công, hành chính công, quản lý và cung cấp dịch vụ công, quản lý chiến lược trong tổ chức công, quản lý và phát triển tổ chức công;	4.0	3.3

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Quản lý khu vực công với CĐR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Quản lý khu vực công

Quản lý khu vực công	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý khu vực công được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý khu vực công đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,G1.3	15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống	G2.1, G2.2,G2.3	15%
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	50%

(*): Đánh giá giữa kì có thể tổ chức nhiều lần

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

6.1. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: KHU VỰC CÔNG VÀ QUẢN LÝ KHU VỰC CÔNG

1.1. Khu vực công và vai trò của khu vực công trong nền kinh tế quốc dân

- 1.1.1. Khái niệm
- 1.1.2. Khu vực công và lợi ích công chúng
- 1.1.3. Vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường
- 1.1.4. Khu vực công và khu vực tư trong nền kinh tế thị trường
- 1.2. Quản lý khu vực công
 - 1.2.1. Đặc điểm cơ bản của quản lý trong khu vực công
 - 1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý khu vực công
 - 1.2.3. Vai trò của nhà nước trong quản lý khu vực công
 - 1.2.4. Quản lý các nguồn lực công
- 1.3. Quản lý khu vực công trong một thế giới đang thay đổi
 - 1.3.1. Những thay đổi địa chính trị
 - 1.3.2. Những thay đổi quan hệ kinh tế
 - 1.3.3. Xu hướng cấu trúc lại khu vực nhà nước của các nước

CHƯƠNG 2: HÀNH CHÍNH CÔNG

- 2.1. Các cách tiếp cận hành chính công
 - 2.1.1. Cách tiếp cận chính trị
 - 2.1.2. Cách tiếp cận pháp lý
 - 2.1.3. Cách tiếp cận quản lý
 - 2.1.4. Cách tiếp cận nghề nghiệp
 - 2.1.5. Cách tiếp cận khoa học
- 2.2. Các yếu tố cấu thành hành chính công
 - 2.2.1. Yếu tố thể chế
 - 2.2.2. Yếu tố hệ thống tổ chức
 - 2.2.3. Yếu tố nhân sự
 - 2.2.4. Yếu tố tài chính
- 2.3. Chức năng của hành chính công
 - 2.3.2. Chức năng quản lý, điều hành xã hội
 - 2.3.3. Chức năng cung cấp dịch vụ công
- 2.4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hành chính công
 - 2.4.1. Các nguyên tắc chung
 - 2.4.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hành chính công Việt Nam
- 2.5. Cải cách hành chính
 - 2.5.1. Khái niệm và cách tiếp cận cải cách hành chính
 - 2.5.2. Xu hướng triển khai cải cách nền hành chính của các nước trên thế giới
 - 2.5.3. Cải cách hành chính ở Việt Nam

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG

- 3.1. Khái niệm và phân loại dịch vụ công

- 3.1.1. Khái niệm dịch vụ công
 - 3.1.2. Phân loại dịch vụ công
 - 3.1.3. Vai trò của các chủ thể trong cung cấp dịch vụ công
 - 3.2. Đặc điểm của dịch vụ công và vai trò của nhà nước trong quản lý và cung cấp dịch vụ công
 - 3.2.1. Đặc điểm của dịch vụ công
 - 3.2.2. Vai trò của dịch vụ công đối với phát triển kinh tế - xã hội
 - 3.2.3. Vai trò của nhà nước trong quản lý và cung ứng dịch vụ công
 - 3.3. Các xu hướng cải cách hoạt động quản lý và cung cấp DVC trên thế giới
 - 3.3.1. Chuyển giao hoạt động cung ứng dịch vụ công cho xã hội
 - 3.3.2. Đa dạng hoá phương pháp quản lý dịch vụ công
 - 3.4. Xã hội hóa cung ứng dịch vụ công
 - 3.4.1. Khái niệm xã hội hóa cung ứng dịch vụ công
 - 3.4.2. Sự cần thiết phải xã hội hóa dịch vụ công
 - 3.4.3. Các hình thức và nguyên tắc xã hội hoá dịch vụ công
 - 3.5. Quan hệ đối tác công - tư trong cung ứng dịch vụ công
 - 3.5.1. Khái niệm
 - 3.5.2. Sự cần thiết sử dụng quan hệ đối tác công - tư
 - 3.5.3. Các hình thức của quan hệ đối tác công - tư
 - 3.5.4. Yêu cầu khi thực hiện quan hệ đối tác công - tư trong cung ứng DVC
 - 3.6. Quản lý và cung ứng một số dịch vụ công hiện nay ở Việt Nam
 - 3.6.1. Tình hình quản lý và cung ứng một số loại dịch vụ công ích cơ bản
 - 3.6.2. Quản lý và cung ứng một số loại dịch vụ sự nghiệp công chủ yếu
- CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ CÔNG MỚI**
- 4.1. Vai trò của nhà nước và hành chính công trong nền kinh tế thị trường
 - 4.1.1. Những thách thức đối với hành chính công truyền thống trong nền kinh tế thị trường
 - 4.1.2. Các quan niệm mới về vai trò của nhà nước và hành chính công trong nền kinh tế thị trường
 - 4.2. Quản lý công mới
 - 4.2.1. Các trường phái lý thuyết
 - 4.2.2. Những nội dung cơ bản của quản lý công mới
 - 4.2.3. Phong trào quản lý công mới trong thực tiễn
 - 4.3. Các chiến lược quản lý khu vực công hiệu quả
 - 4.3.1. Đa dạng hóa hoạt động
 - 4.3.2. Tự do hóa thị trường
 - 4.3.3. Cải cách doanh nghiệp Nhà nước

4.3.4. Tăng quyền tự quản cho chính quyền địa phương

4.3.5. Tư nhân hóa

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC TRONG CÁC TỔ CHỨC CÔNG

5.1. Chiến lược của tổ chức

5.1.1. Khái niệm chiến lược

5.1.2. Vai trò của chiến lược

5.1.3. Đặc điểm của chiến lược

5.2. Quản lý chiến lược

5.2.1. Khái niệm quản lý chiến lược

5.3. Xây dựng chiến lược trong các tổ chức

5.3.1. Quy trình xây dựng chiến lược trong các tổ chức

5.3.2. Các phương pháp thu thập thông tin xây dựng chiến lược

5.3.3. Mô hình lựa chọn chiến lược tối ưu

5.4. Tổ chức điều hành, thực hiện chiến lược

5.4.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức điều hành, thực hiện chiến lược

5.4.2. Nội dung tổ chức điều hành, thực hiện chiến lược quản lý

5.5. Kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược

5.5.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược

5.5.2. Mục tiêu kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược

5.5.3. Yêu cầu của kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược quản lý

5.5.4. Hệ thống kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược quản lý

CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC CÔNG

6.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về tổ chức công

6.1.1. Khái niệm và phân loại tổ chức công

6.1.3. Nguyên tắc hoạt động của các tổ chức khu vực công

6.2. Quản lý tổ chức công

6.2.1. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành tổ chức

6.2.2. Các chức năng quản lý tổ chức

6.2.3. Hiệu lực và hiệu quả của tổ chức công và các tiêu chí đánh giá

6.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức công

6.3. Phát triển các tổ chức công

6.3.1. Quan niệm về phát triển tổ chức

6.3.2. Chu trình phát triển tổ chức

6.4. Tổ chức nhà nước và quản trị nhà nước “tốt”

6.4.1. Tổ chức nhà nước

6.4.2. Quản trị nhà nước “tốt”

6.2. Kế hoạch giảng dạy

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 1 đến tiết 4	CHƯƠNG 1: KHU VỰC CÔNG VÀ QUẢN LÝ KHU VỰC CÔNG 1.1. Khu vực công và vai trò của khu vực công trong nền kinh tế quốc dân 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Khu vực công và lợi ích công chúng 1.1.3. Vai trò của khu vực công trong nền kinh tế thị trường 1.1.4. Khu vực công và khu vực tư trong nền kinh tế thị trường 1.2. Quản lý khu vực công 1.2.1. Đặc điểm cơ bản của quản lý trong khu vực công 1.2.2. Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý khu vực công 1.2.3. Vai trò của nhà nước trong quản lý khu vực công 1.2.4. Quản lý các nguồn lực công 1.3. Quản lý khu vực công trong một thế giới đang thay đổi 1.3.1. Những thay đổi địa chính trị 1.3.2. Những thay đổi quan hệ kinh tế 1.3.3. Xu hướng cấu trúc lại khu vực nhà nước của các nước	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	A1, A2, A3
Từ tiết 5 đến tiết 8	Thảo luận và thực hành chương 1	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng,	Chuẩn bị chu đáo	G1.1, G1.2, G2.1,	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
		đẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	nội dung thảo luận	G2.2, G3.	
Từ tiết 9 đến tiết 13	CHƯƠNG 2: HÀNH CHÍNH CÔNG 2.1. Các cách tiếp cận hành chính công 2.1.1. Cách tiếp cận chính trị 2.1.2. Cách tiếp cận pháp lý 2.1.3. Cách tiếp cận quản lý 2.1.4. Cách tiếp cận nghề nghiệp 2.1.5. Cách tiếp cận khoa học 2.2. Các yếu tố cấu thành hành chính công 2.2.1. Yếu tố thể chế 2.2.2. Yếu tố hệ thống tổ chức 2.2.3. Yếu tố nhân sự 2.2.4. Yếu tố tài chính 2.3. Chức năng của hành chính công 2.3.2. Chức năng quản lý, điều hành xã hội 2.3.3. Chức năng cung cấp dịch vụ công 2.4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hành chính công 2.4.1. Các nguyên tắc chung 2.4.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hành chính công Việt Nam 2.5. Cải cách hành chính 2.5.1. Khái niệm và cách tiếp cận cải cách hành chính				

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	2.5.2. Xu hướng triển khai cải cách nền hành chính của các nước trên thế giới 2.5.3. Cải cách hành chính ở Việt Nam				
Từ tiết 14 đến tiết 16	Thảo luận và thực hành chương 2	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3
Từ tiết 17 đến tiết 21	CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG 3.1. Khái niệm và phân loại dịch vụ công 3.1.1. Khái niệm dịch vụ công 3.1.2. Phân loại dịch vụ công 3.1.3. Vai trò của các chủ thể trong cung cấp dịch vụ công 3.2. Đặc điểm của dịch vụ công và vai trò của nhà nước trong quản lý và cung cấp dịch vụ công 3.2.1. Đặc điểm của DVC 3.2.2. Vai trò của dịch vụ công đối với phát triển kinh tế - xã hội 3.2.3. Vai trò của nhà nước trong quản lý và cung ứng dịch vụ công 3.3. Các xu hướng cải cách hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công trên thế giới				

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	3.3.1. Chuyển giao hoạt động cung ứng dịch vụ công cho xã hội 3.3.2. Đa dạng hoá phương pháp quản lý dịch vụ công 3.4. Xã hội hóa cung ứng dịch vụ công 3.4.1. Khái niệm xã hội hóa cung ứng dịch vụ công 3.4.2. Sự cần thiết phải xã hội hóa dịch vụ công 3.4.3. Các hình thức và nguyên tắc xã hội hoá dịch vụ công 3.5. Quan hệ đối tác công - tư trong cung ứng dịch vụ công 3.5.1. Khái niệm 3.5.2. Sự cần thiết sử dụng quan hệ đối tác công - tư 3.5.3. Các hình thức của quan hệ đối tác công - tư 3.5.4. Yêu cầu khi thực hiện quan hệ đối tác công - tư trong cung ứng dịch vụ công 3.6. Quản lý và cung ứng một số DVC hiện nay ở Việt Nam 3.6.1. Tình hình quản lý và cung ứng một số loại DVC ích cơ bản 3.6.2. Quản lý và cung ứng một số loại dịch vụ sự nghiệp công chủ yếu				
Từ tiết 22 đến tiết 26	Thảo luận và thực hành chương 3	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2,	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
		quyết vấn đề và kết luận		G3.	
Từ tiết 27 đến tiết 29	CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ CÔNG MỚI 4.1. Vai trò của nhà nước và hành chính công trong nền kinh tế thị trường 4.1.1. Những thách thức đối với hành chính công truyền thống trong nền kinh tế thị trường 4.1.2. Các quan niệm mới về vai trò của nhà nước và hành chính công trong nền kinh tế thị trường 4.2. Quản lý công mới 4.2.1. Các trường phái lý thuyết 4.2.2. Những nội dung cơ bản của quản lý công mới 4.2.3. Phong trào quản lý công mới trong thực tiễn 4.3. Các chiến lược quản lý khu vực công hiệu quả 4.3.1. Đa dạng hóa hoạt động 4.3.2. Tự do hóa thị trường 4.3.3. Cải cách doanh nghiệp Nhà nước 4.3.4. Tăng quyền tự quản cho chính quyền địa phương 4.3.5. Tư nhân hóa				

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 30 đến tiết 33	Thảo luận chương 4 và kiểm tra giữa kì	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3
Từ tiết 34 đến tiết 37	CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC TRONG CÁC TỔ CHỨC CÔNG 5.1. Chiến lược của tổ chức 5.1.1. Khái niệm chiến lược 5.1.2. Vai trò của chiến lược 5.1.3. Đặc điểm của chiến lược 5.2. Quản lý chiến lược 5.2.1. Khái niệm quản lý chiến lược 5.3. Xây dựng chiến lược trong các tổ chức 5.3.1. Quy trình xây dựng chiến lược trong các tổ chức 5.3.2. Các phương pháp thu thập thông tin xây dựng chiến lược 5.3.3. Mô hình lựa chọn chiến lược tối ưu 5.4. Tổ chức điều hành, thực hiện chiến lược 5.4.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức điều hành, thực hiện chiến lược 5.4.2. Nội dung tổ chức điều hành, thực hiện chiến lược quản lý				

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	5.5. Kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược 5.5.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược 5.5.2. Mục tiêu kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược 5.5.3. Yêu cầu của kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược quản lý 5.5.4. Hệ thống kiểm tra, đánh giá trong thực hiện chiến lược quản lý				
Từ tiết 38 đến tiết 40	Thảo luận và thực hành chương 5	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3
Từ tiết 39 đến tiết 41	CHƯƠNG 6: QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC CÔNG 6.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về tổ chức công 6.1.1. Khái niệm và phân loại tổ chức công 6.1.3. Nguyên tắc hoạt động của các tổ chức khu vực công 6.2. Quản lý tổ chức công 6.2.1. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc vận hành tổ chức 6.2.2. Các chức năng quản lý tổ chức				

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	6.2.3. Hiệu lực và hiệu quả của tổ chức công và các tiêu chí đánh giá 6.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức công 6.3. Phát triển các tổ chức công 6.3.1. Quan niệm về phát triển tổ chức 6.3.2. Chu trình phát triển tổ chức 6.4. Tổ chức nhà nước và quản trị nhà nước “tốt” 6.4.1. Tổ chức nhà nước 6.4.2. Quản trị nhà nước “tốt”				
Từ tiết 42 đến tiết 45	Thảo luận chương 6 và tổng kết học phần	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3

7. Nguồn học liệu

7.1. Tài liệu bắt buộc

- (1) - Phan Huy Đường (2016) Giáo trình Quản lý công, Nxb ĐHQGH;
- (2)- Phan Huy Đường (2015), Quản lý nhà nước về kinh tế, Nxb ĐHQGHN.

7.2. Tài liệu tham khảo

- (3)- Phan Huy Đường (2017) Chuyên khảo: Các công cụ quản lý kinh tế, Nxb ĐHQGHN;
- (4)- Hành chính công và quản lý hiệu quả chính phủ (2005) sách dịch từ tiếng Trung, NXB Lao động xã hội, Hà Nội;
- (5)- Flynn N. (1997), Public Sector Management, 3rd edition.

8. Quy định của học phần

8.1. Đối với giảng viên

- Đây là môn học chuyên ngành quản lý kinh tế đòi hỏi giảng viên có hiểu biết sâu rộng về quản lý kinh tế. Người dạy cần linh hoạt vận dụng các phương pháp nhằm truyền tải tốt nhất những kiến thức nâng cao cho học viên về môn quản lý kinh tế gắn với thực tiễn quản lý kinh tế ở Việt Nam thông qua các phương pháp giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và có khả năng hoạt động nhóm.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá được thực hiện theo đúng quy chế.

8.2. Đối với học viên

- Phần học trên lớp: Sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số; yêu cầu số giờ nghe giảng trên lớp chiếm 80% số tiết học. Tham gia tích cực các buổi sinh hoạt nhóm thảo luận theo các chủ đề của từng chương trong môn học, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên cần tham gia 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

9. PHỤ TRÁCH MÔN HỌC

PGS,TS Nguyễn Hữu Ngoan, Khoa kinh tế và QTKD - Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương.

Điện thoại: 0913394482; Email: nhngoan1952@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Hữu Ngoan

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0913394482; Email: nhngoan1952@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 2: Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0903434746, E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

1.2 Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt) Nghệ thuật lãnh đạo (tiếng Anh) Art of Leadership	
- Mã số học phần: ALS1511	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành	
- Số tín chỉ	03
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận	15
+ Số tiết hoạt động nhóm	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	60
- Học phần song hành	Khoa học quản lý
- Học phần bổ sung	

2. Mô tả học phần

Học phần Nghệ thuật lãnh đạo nâng cao cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về khoa học lãnh đạo ,trong đó tập trung vào 05 nội dung chính là: Các chức năng và nguyên tắc lãnh đạo; lãnh đạo tổ chức; lãnh đạo con người và vấn đề nâng cao kỹ năng và nghệ thuật của nhà lãnh đạo khi ra các quyết định hoặc sử dụng quyền lực

trong thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở những kiến thức đó, học viên ứng dụng vào thực tế đang và sẽ phát sinh trong quản lý kinh tế - xã hội hoặc trong lĩnh vực công tác mà từng học viên quan tâm.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Nâng cao kiến thức về lãnh đạo, quản lý	1.1,1.2,1.3	4,0
2	Kỹ năng lãnh đạo quản lý, Kỹ năng làm việc độc lập, lập kế hoạch, ra quyết định truyền cảm hứng, tạo động lực và tổ chức nhóm.	2.1,2.2,2.3	4,0
3	Có khả năng phát hiện, đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất đối với lĩnh vực lãnh đạo quản lý	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Nắm vững các kiến thức về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	I, T,U
G1.2	Vận dụng các kiến thức về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo vào hoạt động thực tiễn;	I, T,U
G1.3	Có kiến thức để phân tích về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng để thực hiện chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và	T, U

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
	tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất đối với chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Nghệ thuật lãnh đạo với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Nghệ thuật lãnh đạo

Nghệ thuật lãnh đạo	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Nghệ thuật lãnh đạo được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Nghệ thuật lãnh đạo đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững các kiến thức về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	4,0	1.1
G1.2	Vận dụng các kiến thức về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo vào hoạt động thực tiễn;	4.0	1.2
G1.3	Có kiến thức để phân tích về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	5,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng để thực hiện chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	4,0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	4,0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo về chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất đối với chức năng, nguyên tắc lãnh đạo; môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế; lãnh đạo con người và tổ chức; quyền uy lãnh đạo; phát triển các kỹ năng lãnh đạo;	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ(%)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,G1.3	15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống	G2.1, G2.2,G2.3	15%
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	50%

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

6.1. Nội dung

Chương 1. Chức năng và nguyên tắc lãnh đạo

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của lãnh đạo

1.1.1. Khái niệm và phân biệt sự khác nhau giữa lãnh đạo và quản lý

1.1.2. Đặc điểm của lãnh đạo

1.1.3. Vai trò của lãnh đạo

1.2. Các chức năng và nguyên tắc lãnh đạo

1.2.1. Các chức năng của lãnh đạo

1.2.2. Các nguyên tắc lãnh đạo

1.2.3. Vận dụng các nguyên tắc và quy luật trong lãnh đạo

Chương 2. Môi trường lãnh đạo và hội nhập quốc tế

2.1. Môi trường lãnh đạo

2.1.1 Đặc điểm của môi trường lãnh đạo

2.1.2 Phân loại môi trường lãnh đạo

2.1.3 Yêu cầu của lãnh đạo khi môi trường thay đổi

2.1.4 Hệ thống thông tin bảo đảm cho lãnh đạo

2.2. Hội nhập quốc tế

2.2.1 Đặc điểm của hội nhập quốc tế

2.2.2 Các tác động của hội nhập

2.2.3 Quá trình hội nhập và cuộc cách mạng 4.0

Chương 3. Lãnh đạo con người và tổ chức

3.1. Lãnh đạo con người

3.1.1. Đặc điểm và ý nghĩa của lãnh đạo con người

3.1.2. Nội dung và nguyên tắc lãnh đạo con người

3.1.3. Nhiệm vụ lãnh đạo con người

3.1.4. Nghệ thuật tạo động lực cho con người

3.2. Lãnh đạo tổ chức

3.2.1. Nhóm/đội và vai trò của nhóm/đội

3.2.1.1. Bồi dưỡng nhóm/đội

3.2.2. Tổ chức và bộ máy tổ chức

3.2.3. Người đứng đầu và lựa chọn người đứng đầu tổ chức

3.2.4. Xây dựng văn hóa tổ chức

Chương 4. Quyền uy lãnh đạo

4.1 Cơ sở khoa học của quyền uy, quyền lực và uy tín của lãnh đạo

4.1.1 Khái niệm và đặc điểm của quyền uy, quyền lực

4.1.2 . Vai trò của quyền lực

4.1.3. Các loại quyền lực

4.1.4. Nghệ thuật sử dụng quyền lực để đạt được quyền uy

4.2 Lãnh đạo ủy quyền và phân quyền

4.2.1 Nội dung lãnh đạo ủy quyền

4.2.2. Nguyên tắc ủy quyền

4.3 Các phương pháp ủy quyền và kiểm soát quyền lực

4.3.1 Các phương pháp ủy quyền

4.3.2 Kiểm soát quyền lực

4.3.3 Tình huống trong lãnh đạo

4.3.4 Giao tiếp và đàm phán trong lãnh đạo

Chương 5. Phát triển các kỹ năng lãnh đạo

5.1. Bản chất và vai trò của các kỹ năng lãnh đạo

5.1.1 Khái niệm và đặc điểm kỹ năng lãnh đạo

5.1.2 Tư duy lãnh đạo

5.2 Các kỹ năng lãnh đạo

5.2.1 Kỹ năng ra quyết định

5.2.2 Kỹ năng lập kế hoạch

5.2.3. Kỹ năng truyền cảm hứng

6.2. Hình thức tổ chức dạy học

Lịch trình chung: (Ghi tổng số giờ tín chỉ cho mỗi cột)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần					Tổng
	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	6	0	3	0	10	19
Chương 2	6	0	3	0	14	23
Chương 3	6	0	3	0	14	23
Chương 4	6	0	3	0	14	23
Chương 5	6	0	3	0	8	17
Tổng	30	0	15	0	60	105

7. Nguồn học liệu

7.1. Tài liệu bắt buộc

(1). Giáo trình Quản lý học (2020); PGS TS Nguyễn thị Ngọc Huyền; PGS TS Đoàn thị Thu Hà; TS Đỗ thị Hải Hà, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

7.2. Tài liệu tham khảo

(2). Nghệ thuật quản lý con người (2021), Michael Armstrong, Nxb Hồng Đức.

(3) Sách: Nghệ thuật lãnh đạo Trần Long Vân (2016); NXB CTQG Sự thật Hà Nội.

8. Quy định của học phần

8.1. Đối với giảng viên

- Đây là môn học chuyên ngành quản lý kinh tế đòi hỏi giảng viên có hiểu biết sâu rộng về quản lý, nghệ thuật lãnh đạo. Người dạy cần linh hoạt vận dụng các phương pháp nhằm truyền tải tốt nhất những kiến thức nâng cao cho học viên về nghệ thuật lãnh đạo thông qua các phương pháp giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và có khả năng hoạt động nhóm.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá được thực hiện theo đúng quy chế.

8.2. Đối với học viên

- Phần học trên lớp: Sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số; yêu cầu số giờ nghe giảng trên lớp chiếm 80% số tiết học. Tham gia tích cực các buổi sinh hoạt nhóm thảo luận theo các chủ đề của từng chương trong môn học, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên cần tham gia 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

9. PHỤ TRÁCH MÔN HỌC

PGS,TS. Nguyễn Hữu Ngoan, Khoa kinh tế và QTKD - Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương.

Điện thoại, Email: 0913394482; nhngoan1952@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ KINH TẾ VĨ MÔ

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Lê Hoàng Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0904173736, E-mail: lehoangnga2015@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Giảng viên 2. Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD
- Điện thoại: 0903434746 E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô (Macroeconomic Management Tools)	
- Mã số học phần: MMT1511	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	03
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận	15
+ Số tiết ứng dụng	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	90
- Học phần song hành	Quản lý nhà nước về kinh tế
- Học phần bổ sung	Nghệ thuật lãnh đạo

2. Mô tả học phần

Học phần Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trang bị cho người học những kiến thức có hệ thống các công cụ quản lý mà nhà nước có thể sử dụng trong quản lý nền kinh tế quốc dân. Học phần nghiên cứu, luận giải một số công cụ quản lý kinh tế cơ bản, chủ yếu, như: Công cụ pháp luật và các văn bản pháp quy của nhà nước; Công cụ kế hoạch; Công cụ chính sách tài khóa; Công cụ chính sách tiền tệ; Công cụ chính sách Thương mại và Công cụ thuế, trợ cấp của Chính phủ, mà các nền kinh tế trên thế giới thường sử dụng cũng như thực tiễn quản lý kinh tế ở Việt Nam được sử dụng trong bối cảnh liên kết Khu vực, Hội nhập và tham gia ngày càng sâu, rộng vào Thị trường toàn cầu.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Làm cho người học nắm vững, hiểu rõ nội dung cũng như các ưu điểm, nhược điểm và điều kiện áp dụng của từng công cụ quản lý kinh tế vĩ mô từ đó có thể phân tích, giải thích và sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô tại Việt Nam;	1.1,1.2,1.3	4,0
2	Làm cho người học có kỹ năng sử dụng thành thạo và phối hợp sử dụng nhịp nhàng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô từ tại Việt Nam;	2.1,2.2,2.3	4,0
3	Làm cho người học có khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các kiến nghị, đề xuất sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô ở Việt Nam.	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Hiểu rõ nội dung, vai trò và cách sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô;	I, T,U
G1.2	Giải thích được việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước trong từng giai đoạn	I, T,U
G1.3	Vận dụng thành thạo kiến thức đã được trang bị vào quản lý và điều hành nền kinh tế.	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý kinh tế	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá về việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong từng thời kỳ;	T, U

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G2.3	Có kỹ năng phổ biến cách sử dụng và phối hợp sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý kinh tế;	T, U
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề hợp lý và bất hợp lý trong sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý và điều hành nền kinh tế;	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo về trong sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý và điều hành nền kinh tế;	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất trong sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý và điều hành nền kinh tế;	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô

Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu rõ nội dung, vai trò và cách sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô;	4,0	1.1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.2	Giải thích được việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước trong từng giai đoạn	4.0	1.2
G1.3	Vận dụng thành thạo kiến thức đã được trang bị vào quản lý và điều hành nền kinh tế.	4,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý kinh tế	4,0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá về việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong từng thời kỳ;	4,0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến cách sử dụng và phối hợp sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý kinh tế;	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề hợp lý và bất hợp lý trong sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý và điều hành nền kinh tế;	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo về trong sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý và điều hành nền kinh tế;	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các trong sử dụng các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô trong quản lý và điều hành nền kinh tế;	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ(%)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ(%)
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3	15% 15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống		
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	50%

(*): Đánh giá giữa kì có thể tổ chức nhiều lần

7. Nội dung học phần kế hoạch giảng dạy

7.1. Nội dung dung phần

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ KINH TẾ

1.1. Công cụ quản lý kinh tế

1.1.1. Khái niệm công cụ quản lý kinh tế

1.1.2. Vai trò của công cụ quản lý kinh tế

1.1.3. Các công cụ quản lý kinh tế cơ bản

1.1.4. Phối hợp các công cụ quản lý trong quản lý kinh tế vĩ mô

1.2. Công cụ pháp luật và các văn bản pháp quy của nhà nước trong QLKT

1.2.1. Công cụ pháp luật

1.2.2. Văn bản pháp quy của nhà nước trong QLKT

1.2.3. Sử dụng công cụ pháp luật và các VB PQ trong quản lý kinh tế ở Việt Nam

Chương 2. CÔNG CỤ KẾ HOẠCH TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ

2.1. Khái niệm, bản chất của của công cụ kế hoạch

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Bản chất công cụ kế hoạch

2.2. Hệ thống kế hoạch kinh tế quốc dân

2.2.1. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội

2.2.2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội

2.2.3. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

2.2.4. Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội

2.3. Vai trò của kế hoạch trong quản lý kinh tế

2.3.1. Khắc phục những khuyết tật của thị trường

2.3.2. Ổn định kinh tế vĩ mô và định hướng tương lai

2.3.3. Huy động và phân bổ nguồn lực khan hiếm

2.3.4. Huy động nguồn lực của xã hội để thực hiện mục tiêu

2.4. Sử dụng công cụ kế hoạch trong quản lý kinh tế ở Việt Nam

Chương 3. CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

3.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách tài khóa

3.1.1. Khái niệm chính sách tài khóa

3.1.2. Mục tiêu của chính sách tài khóa

3.2. Các công cụ của chính sách tài khóa

3.2.1. Chi tiêu của Chính phủ

3.2.2. Thuế

3.3. Phân loại chính sách tài khóa

3.3.1. Chính sách tài khóa trung lập

3.3.2. Chính sách tài khóa mở rộng

3.3.3. Chính sách tài khóa thu hẹp

3.4. Chính sách tài khóa và vấn đề thâm hụt ngân sách

3.4.1. Khái niệm về thâm hụt ngân sách

3.4.2. Chính sách tài khóa thuận chiều và chính sách tài khóa ngược chiều

3.4.3. Thâm hụt ngân sách và vấn đề tháo lui đầu tư

3.4.4. Các biện pháp tài trợ cho thâm hụt ngân sách

3.5. Sử dụng chính sách tài khóa trong quản lý kinh tế ở Việt Nam

3.5.1. Những tác động tích cực của chính sách tài khóa

3.5.2. Những tác động tiêu cực của chính sách tài khóa

Chương 4. CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

4.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách tiền tệ

4.1.1. Khái niệm chính sách tiền tệ

4.1.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ

4.2. Các công cụ của chính sách tiền tệ

4.2.1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc

4.2.2. Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)

4.2.3. Lãi suất

4.2.4. Công cụ tái cấp vốn

4.2.5. Chính sách tạm ứng cho ngân sách Nhà nước

4.3. Sự truyền dẫn các công cụ chính sách tiền tệ đến nền kinh tế

4.3.1. Truyền dẫn qua kênh lãi suất

4.3.2. Truyền dẫn qua kênh giá tài sản

4.3.3. Truyền dẫn qua kênh tín dụng

4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách tiền tệ

4.4.1. Hiệu quả của các kênh truyền dẫn

4.4.2. Mức độ nhạy cảm của cầu tiền đối với lãi suất

4.4.3. Mức độ nhạy cảm của đầu tư và tiêu dùng đối với lãi suất

4.4.4. Tốc độ ảnh hưởng của chính sách tiền tệ

4.4.5. Tính độc lập của Ngân hàng Nhà nước

4.4.6. *Cơ chế tỷ giá và mức độ mở cửa của nền kinh tế*

3.5. Sử dụng chính sách tiền tệ trong quản lý kinh tế ở Việt Nam

4.5.1. Những tác động tích cực của chính sách tiền tệ

4.5.2. Những tác động tiêu cực của chính sách tiền tệ

Chương 5. CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI

5.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách thương mại

5.1.1. Khái niệm chính sách thương mại

5.1.2. Mục tiêu của chính sách thương mại

5.2. Các công cụ của chính sách thương mại

5.2.1. Thuế quan

5.2.2. Hạn ngạch thương mại

5.2.3. Giấy phép

5.2.4. Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật

5.2.5. Các chính sách đồn bẫy

5.3. Sử dụng chính sách thương mại trong quản lý kinh tế ở Việt Nam

5.3.1. Những tác động tích cực của chính sách thương mại

5.3.2. Những tác động tiêu cực của chính sách thương mại

Chương 6 : CÔNG CỤ THUẾ VÀ TRỢ CẤP CỦA CHÍNH PHỦ

6.1. Chính sách Thuế

6.1.1. Khái niệm về thuế

6.1.2. Đặc điểm của thuế

6.1.3. Công cụ của thuế

6.1.4. Phân biệt thuế với lệ phí, phí

6.1.5. Thuế bên cung (thuế tác động đến người bán)

6.1.6. Thuế bên cầu (thuế tác động đến người mua)

6.2. Trợ cấp của Chính phủ

6.2.1. Khái niệm về trợ cấp

6.2.2. Trợ cấp bên cung

6.2.3. Trợ cấp bên cầu

6.2.4. Căn cứ xác định mức trợ cấp

6.3. Sử dụng các công cụ thuế, trợ cấp trong quản lý kinh tế ở Việt Nam

6.3.1. Công cụ thuế, trợ cấp ở VN trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

6.3.2. Thực trạng sử dụng các công cụ thuế, trợ cấp ở Việt Nam.

7.2. Kế hoạch giảng dạy

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 1 đến tiết 5	Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ KINH TẾ 1.1. Công cụ quản lý kinh tế 1.1.1. Khái niệm công cụ quản lý kinh tế 1.1.2. Vai trò của công cụ quản lý kinh tế 1.1.3. Các công cụ quản lý kinh tế cơ bản 1.1.4. Phối hợp các công cụ quản lý trong quản lý kinh tế vĩ mô 1.2. Công cụ pháp luật và các văn bản pháp quy của nhà nước trong QLKT 1.2.1. Công cụ pháp luật 1.2.2. Văn bản pháp quy của nhà nước trong QLKT 1.2.3. Sử dụng công cụ pháp luật và các VB PQ trong quản lý kinh tế ở Việt Nam	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	A1, A2, A3
Từ tiết 6 đến tiết 10	Chương 2. CÔNG CỤ KẾ HOẠCH TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ 2.1. Khái niệm, bản chất của công cụ kế hoạch 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Bản chất công cụ kế hoạch 2.2. Hệ thống kế hoạch kinh tế quốc dân	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	2.2.1. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2.2.2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội 2.2.3. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2.2.4. Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội 2.3. Vai trò của kế hoạch trong quản lý kinh tế 2.3.1. Khắc phục những khuyết tật của thị trường 2.3.2. Ổn định kinh tế vĩ mô và định hướng tương lai 2.3.3. Huy động và phân bổ nguồn lực khan hiếm 2.3.4. Huy động nguồn lực của xã hội để thực hiện mục tiêu				
Từ tiết 11 đến tiết 13	Thảo luận chương 1 và 2	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3
Từ tiết 14 đến tiết 18	Chương 3. CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA 3.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách tài khóa 3.1.1. Khái niệm chính sách tài khóa 3.1.2. Mục tiêu của chính sách tài khóa	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	3.2. Các công cụ của chính sách tài khóa 3.2.1. Chi tiêu của Chính phủ 3.2.2. Thuế 3.3. Phân loại chính 3.3. Phân loại chính sách tài khóa 3.3.1. Chính sách tài khóa trung lập 3.3.2. Chính sách tài khóa mở rộng 3.3.3. Chính sách tài khóa thu hẹp 3.4. Chính sách tài khóa và vấn đề thâm hụt ngân sách 3.4.1. Khái niệm về thâm hụt ngân sách 3.4.2. Chính sách tài khóa thuận chiều và chính sách tài khóa ngược chiều 3.4.3. Thâm hụt ngân sách và vấn đề tháo lui đầu tư 3.4.4. Các biện pháp tài trợ cho thâm hụt ngân sách 3.5. Sử dụng chính sách tài khóa trong quản lý kinh tế ở Việt Nam 3.5.1. Những tác động tích cực của chính sách tài khóa 3.5.2. Những tác động tiêu cực của chính sách tài khóa				

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
Từ tiết 19 đến tiết 21	Thảo luận chương 3	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3
Từ tiết 22 đến tiết 26	Chương 4. CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ 4.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách tiền tệ 4.1.1. Khái niệm chính sách tiền tệ 4.1.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ 4.2. Các công cụ của chính sách tiền tệ 4.2.1. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc 4.2.2. Nghiệp vụ thị trường mở (OMO) 4.2.3. Lãi suất 4.2.4. Công cụ tái cấp vốn 4.2.5. Chính sách tạm ứng cho ngân sách Nhà nước 4.3. Sự truyền dẫn các công cụ chính sách tiền tệ đến nền kinh tế 4.3.1. Truyền dẫn qua kênh lãi suất 4.3.2. Truyền dẫn qua kênh giá tài sản 4.3.3. Truyền dẫn qua kênh tín dụng	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách tiền tệ 4.4.1. Hiệu quả của các kênh truyền dẫn 4.4.2. Mức độ nhạy cảm của cầu tiền đối với lãi suất 4.4.3. Mức độ nhạy cảm của đầu tư và tiêu dùng đối với lãi suất 4.4.4. Tốc độ ảnh hưởng của chính sách tiền tệ 4.4.5. Tính độc lập của Ngân hàng Nhà nước 4.4.6. Cơ chế tỷ giá và mức độ mở cửa của nền kinh tế 4.5. Sử dụng chính sách tiền tệ trong quản lý kinh tế ở Việt Nam 4.5.1. Những tác động tích cực của chính sách tiền tệ 4.5.2. Những tác động tiêu cực của chính sách tiền tệ				
Từ tiết 27 đến tiết 29	Thảo luận chương 4	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3
Từ tiết 30 đến tiết 34	Chương 5. CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI 5.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách thương mại 5.1.1. Khái niệm chính sách thương mại	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép.	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	5.1.2. Mục tiêu của chính sách thương mại 5.2. Các công cụ của chính sách thương mại 5.2.1. Thuế quan 5.2.2. Hạn ngạch thương mại 5.2.3. Giấy phép 5.2.4. Các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật 5.2.5. Các chính sách đòn bẩy 5.3. Sử dụng chính sách thương mại trong quản lý kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Những tác động tích cực của chính sách thương mại 5.3.2. Những tác động tiêu cực của chính sách thương mại		- Nghiên cứu trước tài liệu		
Từ tiết 35 đến tiết 37	Thảo luận chương 5 và làm bài kiểm tra giữa kì	Nêu vấn đề, truyền cảm hứng, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3
Từ tiết 38 đến tiết 42	Chương 6 : CÔNG CỤ THUẾ VÀ TRỢ CẤP CỦA CHÍNH PHỦ 6.1. Chính sách Thuế 6.1.1. Khái niệm về thuế 6.1.2. Đặc điểm của thuế 6.1.3. Công cụ của thuế 6.1.4. Phân biệt thuế với lệ phí, phí	Trình bày, phát vấn, hỏi đáp	- Chuẩn bị tài liệu học tập vở ghi chép. - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2	A1, A2, A3

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR môn học (G.x.x.)	Bài đánh giá
	6.1.5. Thuế bên cung (thuế tác động đến người bán) 6.1.6. Thuế bên cầu (thuế tác động đến người mua) 6.2. Trợ cấp của Chính phủ 6.2.1. Khái niệm về trợ cấp 6.2.2. Trợ cấp bên cung 6.2.3. Trợ cấp bên cầu 6.2.4. Căn cứ xác định mức trợ cấp 6.3. Sử dụng các công cụ thuế, trợ cấp trong quản lý kinh tế ở Việt Nam 6.3.1. Công cụ thuế, trợ cấp ở VN trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế 6.3.2. Thực trạng sử dụng các công cụ thuế, trợ cấp ở Việt Nam.				
Từ tiết 43 đến tiết 45	Thảo luận chương 6 và tổng kết học phần	Nêu vấn đề, dẫn dắt giải quyết vấn đề và kết luận	Chuẩn bị chu đáo nội dung thảo luận	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.	A1, A2, A3

8. Nguồn học liệu

8.1. Tài liệu bắt buộc

- (1) - Phan Huy Đường (2017) Các công cụ quản lý kinh tế, Nxb ĐHQGHN;
- (2) - Phan Huy Đường (2017) Khoa học quản lý, Chương: Hoạch định chiến lược, Nxb ĐHQGHN;
- (3) - Phan Huy Đường (2015) Giáo trình: Quản lý nhà nước về kinh tế, Nxb ĐHQGHN;
- (4)- Phan Huy Đường (2016) Giáo trình Quản lý công, Nxb ĐHQGHN;

7.2. Học liệu tham khảo

- (5)- Nguyễn Văn Công (2015), *Giáo trình Nguyên lý kinh tế vĩ mô*, Nxb Lao động, Hà Nội

(6)- Phạm Thị Định, Nguyễn Văn Định (2015), *Giáo trình Kinh tế bảo hiểm*, Nxb ĐH KTQD, Hà Nội;

(7)- Hệ thống Pháp luật - Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật - Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật - NXB Chính trị quốc gia, năm 1995, trang 82 – 213;

(8)- Giáo trình Kinh tế Quốc tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nxb ĐHKQTQD.

9. Quy định của học phần

9.1. Đối với giảng viên

- Đây là môn học chuyên ngành quản lý kinh tế đòi hỏi giảng viên có hiểu biết sâu rộng về quản lý kinh tế, công cụ quản lý kinh tế. Người dạy cần linh hoạt vận dụng các phương pháp nhằm truyền tải tốt nhất những kiến thức nâng cao cho học viên về môn Các công cụ quản lý kinh tế gắn với thực tiễn quản lý kinh tế ở Việt Nam thông qua các phương pháp giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và có khả năng hoạt động nhóm.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá được thực hiện theo đúng quy chế.

9.2. Đối với học viên

- Phần học trên lớp: Sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số; yêu cầu số giờ nghe giảng trên lớp chiếm 80% số tiết học. Tham gia tích cực các buổi sinh hoạt nhóm thảo luận theo các chủ đề của từng chương trong môn học, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên cần tham gia 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

10. PHỤ TRÁCH MÔN HỌC

PGS,TS. Ngô Trí Long, Khoa KT- QTKD - Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương.

Email: ngotrilong2@yahoo.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Người hướng dẫn khoa học 1:

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: , E-mail:
- Các hướng nghiên cứu chính:

Người hướng dẫn khoa học 2:

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: , E-mail:
- Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	
- Mã số học phần: MMT1511	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	02
+ Số tiết lý thuyết	15
+ Số tiết thảo luận	15
+ Số tiết ứng dụng	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	90

2. Mô tả học phần

- Về nội dung: Tiểu luận tổng quan giúp NCS khái quát những vấn đề liên quan đến đề tài luận án, bao gồm: Lý do chọn đề tài; tình hình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước liên quan đến đề tài và khoảng trống khoa học cần tiếp tục nghiên cứu; mục tiêu nghiên cứu; đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp và công cụ nghiên cứu; dự kiến các đóng góp mới của luận án cả về lý luận và thực tiễn đối với khoa học quản lý kinh tế.

- Về hình thức: Tiểu luận được viết trong khoảng 7.000 - 10.000 từ gồm các phần: Bìa tiểu luận; mục lục; phần nội dung; tài liệu tham khảo; phụ lục (nếu có) Định dạng văn bản, cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, hình vẽ... tuân thủ quy định về hình thức trình bày của luận án tiến sĩ.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Tính toàn diện: NCS phải tổng hợp được những nghiên cứu điển hình, nghiên cứu nền tảng và nghiên cứu được công bố gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu.	1.1,1.2,1.3	4,0
2	Tính phê phán: NCS phải tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước, từ đó xác định “khoảng trống” tri thức hoặc những câu hỏi nghiên cứu còn bỏ ngỏ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam.	2.1,2.2,2.3	4,0
3	Tính phát triển: Trên cơ sở tổng hợp và phân tích những nghiên cứu trước, NCS gợi mở những chủ đề cần tiếp tục nghiên cứu liên quan đến đề tài.	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Nắm chắc các hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện, những cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.	I, T,U
G1.2	Giải thích được các hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện, những cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.	I, T,U
G1.3	Xác định được khoảng trống khoa học liên quan đến vấn đề nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu cần sử dụng để thực hiện luận án	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng tổng hợp được những nghiên cứu điển hình, nghiên cứu nền tảng và nghiên cứu được công bố gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu.	T, U
G2.2	Có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả	T, U

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
	đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước, từ đó xác định “khoảng trống” tri thức hoặc những câu hỏi nghiên cứu còn bỏ ngỏ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam.	
G2.3	Có kỹ năng gợi mở những chủ đề cần tiếp tục nghiên cứu liên quan đến đề tài.	T, U
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề trong quản lý kinh tế cả cấp độ vi mô và vĩ mô.	T, U
G3.2	Có khả năng đề xuất lý thuyết mới để giải quyết một vấn đề trong quản lý kinh tế.	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Tiểu luận tổng quan với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Tiểu luận tổng quan

Tiểu luận tổng quan	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiểu luận tổng quan được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tiểu luận tổng quan đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm chắc các hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện, những cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.	4,0	1.1
G1.2	Giải thích được các hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện, những cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để	4.0	1.2

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
	nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.		
G1.3	Xác định được khoảng trống khoa học liên quan đến vấn đề nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu cần sử dụng để thực hiện luận án	4,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng tổng hợp được những nghiên cứu điển hình, nghiên cứu nền tảng và nghiên cứu được công bố gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu.	4,0	2.1
G2.2	Có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước, từ đó xác định “khoảng trống” tri thức hoặc những câu hỏi nghiên cứu còn bỏ ngỏ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam.	4,0	2.2
G2.3	Có kỹ năng gợi mở những chủ đề cần tiếp tục nghiên cứu liên quan đến đề tài.	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề trong quản lý kinh tế cả cấp độ vi mô và vĩ mô.	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng đề xuất lý thuyết mới để giải quyết một vấn đề trong quản lý kinh tế.	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế	4.0	3.3

6. Nội dung chuyên đề tổng quan

1. Tên chuyên đề
2. Lý do lựa chọn đề tài
3. Tình hình nghiên cứu
 - 3.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước
 - 3.1.1. Các công bố trên tạp chí khoa học
 - 3.1.2. Các công bố xuất bản thành sách
 - 3.2. Các nghiên cứu trong nước
 - 3.2.1. Công bố trên tạp chí khoa học, hội nghị, hội thảo
 - 3.2.2. Các công bố xuất bản thành sách
 - 3.2.3. Các luận án, luận văn

4. Khái quát các nghiên cứu liên quan đến đề tài

NCS phải tổng hợp được những nghiên cứu điển hình, nghiên cứu nền tảng và nghiên cứu được công bố gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu.

4.1. Những kết quả đạt được

NCS phải tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được.

4.2. Những hạn chế

NCS phải tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những hạn chế.

4.3. Những câu hỏi còn bỏ ngỏ và đề xuất vấn đề nghiên cứu

NCS phải tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, xác định “khoảng trống” tri thức hoặc những câu hỏi nghiên cứu còn bỏ ngỏ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam.

Trên cơ sở tổng hợp và phân tích những nghiên cứu trước, NCS gợi mở những chủ đề cần tiếp tục nghiên cứu liên quan đến đề tài.

7. Đánh giá học phần

7.1. Thang điểm

Nội dung	Điểm
Tính thuyết phục của đề tài nghiên cứu	1.0
Tổng quan nghiên cứu	
- Tính toàn diện	2.0
- Tính phê phán	2,0
- Tính phát triển	1.5
Cách trình bày tài liệu tham khảo	0.5
Mục tiêu (câu hỏi) nghiên cứu	1.0
Phương pháp nghiên cứu dự kiến	1.0
Đóng góp mới dự kiến	1.0
Tổng	10

7.2..Cách thức đánh giá

Sau khi hoàn thành bài tiểu luận tổng quan và được người hướng dẫn kiểm tra độ trùng lặp của bài tiểu luận qua phần mềm chuyên dụng theo quy định của Nhà trường, NCS gửi bài tiểu luận tổng quan tới phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

Phòng Quản lý Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm lựa chọn người đánh giá và nhận điểm chấm tiểu luận.

Bài tiểu luận tổng quan được coi là đạt nếu có điểm trung bình từ 5 trở lên. NCS được phép viết lại bài tiểu luận tổng quan một lần. Nếu cả hai lần đều không đạt, NCS phải học lại học phần “Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế” trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

8. Qui định của học phần

8.1. Yêu cầu đối với người hướng dẫn khoa học

- Đáp ứng các điều kiện về người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo tiến sĩ.

8.2. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

- Phần học trên lớp: đúng theo lịch đã đăng ký.

- Phần chuẩn bị lên lớp: tìm đọc các luận văn, luận án, các công trình khoa học đã công bố tại thư viện và trên internet.

- Phần thảo luận: chủ động trong trao đổi, phản biện.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHUYÊN ĐỀ 1

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Người hướng dẫn khoa học 1:

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: , E-mail:
- Các hướng nghiên cứu chính:

Người hướng dẫn khoa học 2:

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: , E-mail:
- Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	
- Mã số học phần: RTO1511	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	03
+ Số tiết lý thuyết	15
+ Số tiết thảo luận	30
+ Số tiết ứng dụng	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	90

2. Mô tả học phần

- Về nội dung: Chuyên đề 1 là nội dung nghiên cứu hoàn chỉnh về khung lý thuyết của vấn đề nghiên cứu gồm: đặt vấn đề, tổng quan nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và kết luận

- Về hình thức: Chuyên đề có độ dài khoảng 20.000 - 25.000 từ gồm các phần: Bìa; mục lục, bảng chữ viết tắt; phần nội dung; tài liệu tham khảo; phụ lục (nếu có) Định dạng văn bản, cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, hình vẽ... tuân thủ quy định về hình thức trình bày của luận án tiến sĩ.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Hệ thống hóa khung lý thuyết về vấn đề nghiên cứu đã được xác lập trước đây.	1.1,1.2,1.3	4,0
2	Tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá các kết quả nghiên cứu trước, xác định những vấn đề cần kế thừa trong nghiên cứu của nghiên cứu sinh.	2.1,2.2,2.3	4,0
3	Xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu của nghiên cứu sinh.	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Nắm chắc cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.	I, T,U
G1.2	Phân tích và đánh giá được những mặt được, mặt hạn chế của cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.	I, T,U
G1.3	Đề xuất khung lý thuyết mới về vấn đề nghiên cứu của nghiên cứu sinh.	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng tổng hợp được lý thuyết của các nghiên cứu điển hình, nghiên cứu nền tảng và nghiên cứu được công bố gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu.	T, U
G2.2	Có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước.	T, U
G2.3	Có kỹ năng xây dựng khung lý thuyết mới liên quan đến đề tài nghiên cứu.	T, U
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề lý thuyết trong quản lý kinh tế cả cấp độ vi mô và vĩ mô.	T, U
G3.2	Có khả năng đề xuất lý thuyết mới để giải quyết một vấn đề trong quản lý kinh tế.	T, U

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần chuyên đề 1 với CĐR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Tiểu luận tổng quan

Tiểu luận tổng quan	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiểu luận tổng quan được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Chuyên đề 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm chắc cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.	4,0	1.1
G1.2	Phân tích và đánh giá được những mặt được, mặt hạn chế của cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề, những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng.	4,0	1.2
G1.3	Đề xuất khung lý thuyết mới về vấn đề nghiên cứu của nghiên cứu sinh.	4,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng tổng hợp được lý thuyết của các nghiên cứu điển hình, nghiên cứu nền tảng và nghiên cứu được công bố gần đây trong lĩnh vực nghiên cứu.	4,0	2.1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G2.2	Có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước.	4,0	2.2
G2.3	Có kỹ năng xây dựng khung lý thuyết mới liên quan đến đề tài nghiên cứu.	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các vấn đề lý thuyết trong quản lý kinh tế cả cấp độ vi mô và vĩ mô.	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng đề xuất lý thuyết mới để giải quyết một vấn đề trong quản lý kinh tế.	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế	4.0	3.3

6. Nội dung chuyên đề 1

1. Tên chuyên đề
2. Đặt vấn đề: làm rõ tính cấp thiết, lý do nghiên cứu của chủ đề lựa chọn, mục tiêu và/hoặc câu hỏi nghiên cứu của chuyên đề.
3. Tổng quan nghiên cứu: khái quát các nghiên cứu trước đây ở trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề lựa chọn của chuyên đề và chỉ ra được khoảng trống nghiên cứu.
4. Phương pháp nghiên cứu: trình bày khung lý thuyết, phương pháp sử dụng cho việc thu thập và phân tích dữ liệu trong chuyên đề.
5. Kết quả nghiên cứu: báo cáo các kết quả phân tích và bình luận của chuyên đề.
6. Kết luận: trình bày những kết luận căn bản về kết quả nghiên cứu của chuyên đề và các khuyến nghị nếu.

7. Đánh giá học phần

7.1. Thang điểm

Nội dung	Điểm
1- Đặt vấn đề (Tính thuyết phục của đề tài nghiên cứu)	0,5
2- Tổng quan nghiên cứu	
- Tính toàn diện	1,0
- Tính phê phán	1,0
- Tính phát triển	1,0
3- Phương pháp nghiên cứu	1,0
4- Nội dung nghiên cứu	5,0
5. Tài liệu tham khảo	0.5
Tổng	10

7.2..Cách thức đánh giá

Sau khi hoàn thành chuyên đề 1 và được người hướng dẫn kiểm tra độ trùng lặp của chuyên đề qua phần mềm chuyên dụng theo quy định của Nhà trường, NCS gửi bài chuyên đề 1 tới phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

Phòng Quản lý Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm lựa chọn người đánh giá và nhận điểm chấm chuyên đề 1.

Chuyên đề 1 được coi là đạt nếu có điểm trung bình từ 5 trở lên. NCS được phép viết lại chuyên đề một lần. Nếu cả hai lần đều không đạt, NCS phải học lại học phần “Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế” trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

8. Quy định của học phần

8.1. Yêu cầu đối với người hướng dẫn khoa học

- Đáp ứng các điều kiện về người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo tiến sĩ.

8.2. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

- Phần học trên lớp: đúng theo lịch đã đăng ký.
- Phần chuẩn bị lên lớp: tìm đọc các luận văn, luận án, các công trình khoa học đã công bố tại thư viện và trên internet.
- Phần thảo luận: chủ động trong trao đổi, phản biện.

9. Phụ trách học phần

Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHUYÊN ĐỀ 2

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Người hướng dẫn khoa học 1:

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: , E-mail:
- Các hướng nghiên cứu chính:

Người hướng dẫn khoa học 2:

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: , E-mail:
- Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Tiểu luận tổng quan (Literature Review)	
- Mã số học phần: RTT1511	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	03
+ Số tiết lý thuyết	15
+ Số tiết thảo luận	30
+ Số tiết ứng dụng	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	90

2. Mô tả học phần

- Về nội dung: Chuyên đề 2 là nội dung nghiên cứu hoàn chỉnh về thực trạng của đối tượng nghiên cứu gồm: đặt vấn đề, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và kết luận

- Về hình thức: Chuyên đề có độ dài khoảng 20.000 - 25.000 từ gồm các phần: Bìa; mục lục, bảng chữ viết tắt; phần nội dung; tài liệu tham khảo; phụ lục (nếu có) Định dạng văn bản, cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, hình vẽ... tuân thủ quy định về hình thức trình bày của luận án tiến sĩ.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Mô tả được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.	1.1,1.2,1.3	4,0
2	Sử dụng khung lý thuyết đã xây dựng ở chuyên đề 1 để phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và phát hiện vấn đề cần giải quyết của đối tượng nghiên cứu	2.1,2.2,2.3	4,0
3	Đề xuất các giải pháp, phương pháp, công cụ để giải quyết các vấn đề của đối tượng nghiên cứu.	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Mô tả được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.	I, T,U
G1.2	Sử dụng khung lý thuyết để phân tích, đánh giá, xác định được những xu hướng vận động của đối tượng nghiên cứu, phát hiện những vấn đề cần giải quyết	I, T,U
G1.3	Đề xuất được các giải pháp, phương pháp, công cụ để giải quyết các vấn đề của đối tượng nghiên cứu một cách có căn cứ khoa học và khả thi.	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng khái quát được thực trạng của đối tượng nghiên cứu	T, U
G2.2	Có kỹ năng sử dụng khung lý thuyết để phân tích, so sánh, tổng hợp và đánh giá hiện trạng của đối tượng nghiên cứu	T, U
G2.3	Có kỹ năng phát hiện các vấn đề cần giải quyết và đề xuất giải pháp, phương pháp, công cụ giải quyết.	T, U
G3.1	Có năng lực nhận diện, khái quát các sự vật, hiện tượng và vấn đề nghiên cứu.	T, U
G3.2	Có khả năng phát hiện các vấn đề mới của vấn đề nghiên cứu.	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất lý thuyết và giải pháp thực tiễn để giải quyết các vấn đề đối với một đối tượng nghiên cứu cụ thể.	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần chuyên đề 2 với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Tiểu luận tổng quan

Tiểu luận tổng quan	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiểu luận tổng quan được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Chuyên đề 2 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Mô tả được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.	4,0	1.1
G1.2	Sử dụng khung lý thuyết để phân tích, đánh giá, xác định được những xu hướng vận động của đối tượng nghiên cứu, phát hiện những vấn đề cần giải quyết	4,0	1.2
G1.3	Đề xuất được các giải pháp, phương pháp, công cụ để giải quyết các vấn đề của đối tượng nghiên cứu một cách có căn cứ khoa học và khả thi.	4,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng khái quát được thực trạng của đối tượng nghiên cứu	4,0	2.1
G2.2	Có kỹ năng sử dụng khung lý thuyết để phân tích, so sánh, tổng hợp và đánh giá hiện trạng của đối tượng nghiên cứu	4,0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phát hiện các vấn đề cần giải quyết và đề xuất giải pháp, phương pháp, công cụ giải quyết.	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực nhận diện, khái quát các sự vật, hiện tượng và vấn đề nghiên cứu.	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng phát hiện các vấn đề mới của vấn đề nghiên cứu.	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất lý thuyết và giải pháp thực tiễn để giải quyết các vấn đề đối với một đối tượng nghiên cứu cụ thể.	4,0	3.3

6. Nội dung chuyên đề 2

1. Tên chuyên đề
2. Đặt vấn đề: làm rõ tính cấp thiết, lý do nghiên cứu của chủ đề lựa chọn, mục tiêu và/hoặc câu hỏi nghiên cứu của chuyên đề.
- 3- Phương pháp nghiên cứu: trình bày khung lý thuyết, phương pháp sử dụng cho việc thu thập và phân tích dữ liệu trong chuyên đề.
- 4- Kết quả nghiên cứu: báo cáo các kết quả phân tích và bình luận của chuyên đề.
- 5- Kết luận: trình bày những kết luận căn bản về kết quả nghiên cứu của chuyên đề và các khuyến nghị nếu.

7. Đánh giá học phần

7.1. Thang điểm

Nội dung	Điểm
1- Đặt vấn đề (Tính thuyết phục của đề tài nghiên cứu)	0,5
3- Phương pháp nghiên cứu	3,0
4- Nội dung nghiên cứu	6,0
5. Tài liệu tham khảo	0.5
Tổng	10

7.2. Cách thức đánh giá

Sau khi hoàn thành chuyên đề 2 và được người hướng dẫn kiểm tra độ trùng lặp của chuyên đề qua phần mềm chuyên dụng theo quy định của Nhà trường, NCS gửi bài chuyên đề 1 tới phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

Phòng Quản lý Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm lựa chọn người đánh giá và nhận điểm chấm chuyên đề 2.

Chuyên đề 2 được coi là đạt nếu có điểm trung bình từ 5 trở lên. NCS được phép viết lại chuyên đề một lần. Nếu cả hai lần đều không đạt, NCS phải học lại học phần “Nghiên cứu khoa học và Luận án Tiến sĩ Quản lý kinh tế” trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

8. Quy định của học phần

8.1. Yêu cầu đối với người hướng dẫn khoa học

- Đáp ứng các điều kiện về người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo.
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo tiến sĩ.

8.2. Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh

- Phần học trên lớp: đúng theo lịch đã đăng ký.
- Phần chuẩn bị lên lớp: tìm đọc các luận văn, luận án, các công trình khoa học đã công bố tại thư viện và trên internet.
- Phần thảo luận: chủ động trong trao đổi, phản biện.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

1. Thông tin học phần

- Tên học phần: Luận án Tiến sĩ
- Số tín chỉ: 70

2. Nội dung

Luận án Tiến sĩ bao gồm 06 nội dung: (1) Mở đầu; (2) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu; (3) Cơ sở lý thuyết hoặc giả thuyết nghiên cứu (khung lý thuyết); (4) Kết quả nghiên cứu hiện trạng (sử dụng khung lý thuyết để phân tích, đánh giá thực trạng và vấn đề mới cần giải quyết); (5) Đề xuất giải quyết vấn đề dựa trên khung lý thuyết và đánh giá thực trạng; (6) Kết luận và kiến nghị.

(1) Mở đầu

- Lý do chọn đề tài: Nêu rõ những yêu cầu từ lý thuyết và/hoặc thực tiễn về tri thức mới làm cơ sở cho việc lựa chọn đề tài. Ở đây cần luận giải một cách thuyết phục vì sao các nhà lý luận và hoạt động thực tiễn quan tâm tới vấn đề của luận án, như tầm ảnh hưởng của vấn đề tới hoạt động thực tiễn của nền kinh tế, tính chất trường tồn của vấn đề và vì sao những nghiên cứu trước đây chưa giải đáp thỏa đáng những câu hỏi đặt ra về vấn đề này.

- Mục đích nghiên cứu: Mục này phải chỉ ra được những tri thức mới sẽ được luận án phát hiện. Những tri thức mới này có thể là cơ sở cho việc phát triển lý thuyết hoặc đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn. Tri thức mới có thể được trình bày dưới dạng những nhân tố mới, mối quan hệ giữa các nhân tố, hay quá trình phát triển của đối tượng nghiên cứu. Mục đích nghiên cứu có thể được hỗ trợ bằng các câu hỏi nghiên cứu cụ thể. Nghiên cứu sinh không trình bày mục đích nghiên cứu dưới dạng hoạt động nghiên cứu như tổng quan lý thuyết, phân tích thực trạng, hay đề xuất giải pháp.

- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: trình bày đối tượng nghiên cứu (thông thường là tên đề tài của luận án) và giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài. Phạm vi nghiên cứu cần chỉ rõ: phạm vi nội dung, phạm vi thời gian và phạm vi không gian.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: trình bày các nội dung mà luận án phải thực hiện.
- Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu là phần tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá các công trình đã nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án. Nội dung phân tổng quan tình hình nghiên cứu cần đề cập tới những vấn đề chính sau đây:

- + Những hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện;
- + Những cơ sở lý thuyết chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề;
- + Những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu;
- + Những phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng;

+ Hạn chế của những nghiên cứu trước và những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

Phân tổng quan tình hình nghiên cứu phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo yêu cầu của bài tiểu luận tổng quan.

- Những đóng góp mới của đề tài: giới thiệu những đóng góp mới của luận án dưới dạng những tri thức mới được phát hiện hoặc câu trả lời cho những vấn đề lý thuyết và thực tiễn đang đặt ra; những tri thức mới này tích hợp như thế nào với những tri thức đã biết trong cùng vấn đề nghiên cứu. Không trình bày đóng góp mới của đề tài dưới dạng các hoạt động nghiên cứu như tổng hợp được các vấn đề lý thuyết, đánh giá được thực trạng hoặc đề xuất được các giải pháp.

(2) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận: Nghiên cứu sinh phải chỉ rõ luận án tiếp cận dưới góc độ khoa học quản lý kinh tế, bao gồm: đối tượng quản lý, mục tiêu quản lý, nội dung quản lý, quy trình quản lý và đo lường kết quả quản lý kinh tế.

- Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sinh trình bày cụ thể cách thức, quy trình tiến hành nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu hoặc kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu cần được mô tả rõ ràng và chi tiết để người đọc có thể xác định được tính phù hợp và độ tin cậy của dữ liệu, phương pháp và kỹ thuật phân tích, và các kết quả nghiên cứu.

Tác giả có thể lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính hoặc định lượng, hoặc cả hai tùy theo cách tiếp cận mà mình lựa chọn, trong đó cần thể hiện mô hình và các giả thuyết nghiên cứu (nghiên cứu định lượng) và/hoặc thiết kế nghiên cứu định tính. Phần này cũng cần trình bày cách thức thu thập và phân tích dữ liệu.

(3) Cơ sở lý thuyết hoặc giả thuyết nghiên cứu (khung lý thuyết)

Phần này, nghiên cứu sinh cần phải thực hiện các nội dung sau đây:

- Lựa chọn một hoặc một số lý thuyết làm cơ sở cho đề tài nghiên cứu của mình và luận giải lý do cho sự lựa chọn đó.

- Trình bày những luận điểm chính của (các) lý thuyết được lựa chọn.

- Tóm tắt kết quả những nghiên cứu điển hình trước có ứng dụng lý thuyết vào nghiên cứu vấn đề liên quan đến đề tài.

- Trình bày định hướng nghiên cứu cho đề tài trên cơ sở những luận điểm lý thuyết và kết quả nghiên cứu trước. Phần này có thể được thể hiện dưới dạng khung nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu. Trong trường hợp vấn đề nghiên cứu quá mới, chưa có cơ sở để xác định lý thuyết phù hợp, thì mục tiêu của nghiên cứu có thể là xây dựng mô hình lý thuyết mới. Trong trường hợp này, phần Cơ sở lý thuyết có thể chỉ tổng hợp những lý thuyết có liên quan mà chưa đi đến xác định biến số cụ thể hoặc/và xây dựng mô hình cho các biến số đó.

(4) Kết quả nghiên cứu hiện trạng và phát hiện vấn đề mới cần giải quyết

Báo cáo kết quả nghiên cứu cần thể hiện rõ những tri thức mới được phát hiện trên cơ sở kết quả phân tích dữ liệu. Cụ thể là:

- Mô tả được hiện trạng của đối tượng nghiên cứu;
- Những kết quả đạt được trong thực hiện mục tiêu quản lý;
- Việc áp dụng lý thuyết về quản lý kinh tế bao gồm: nội dung dung, quy trình trong thực hiện;
- Các phát hiện mới về lý thuyết và thực tiễn cần giải quyết trong quản lý kinh tế.

(5) Đề xuất giải quyết vấn đề

Trên cơ sở các phát hiện mới về các vấn đề cần giải quyết đã trình bày ở mục (4), phần này luận án phải thể hiện các nội dung sau:

- Dự báo điều kiện, hoàn cảnh mới của vấn đề cần giải quyết;
- Giải pháp giải quyết các vấn đề được phát hiện ở mục (4);
- Các điều kiện đảm bảo thực hiện các giải pháp.

(6) Kết luận và kiến nghị

- Kết luận của luận án là nêu khái quát những nội dung căn cốt mà luận án đã giải quyết bao gồm các phát hiện mới về lý thuyết, thực tiễn.

- Kiến nghị: Các kiến nghị cần dựa trên kết quả nghiên cứu nhằm khuyến nghị đối với các cơ quan hữu trách nhằm thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý kinh tế theo thẩm quyền.

7.2. Đề cương chi tiết các học phần trình độ thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Văn Sáu

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Tiến sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: ; E-mail: saunv@thanhdong.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học

Giảng viên 2: Nguyễn Thị Thanh

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính; Tiến sỹ;
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: Email: thanhnt@thanhdong.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt) Triết học (Philosophy)	
- Mã số học phần: PHI1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức chung	
- Số tín chỉ	03
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận	15
+ Số tiết ứng dụng	-
+ Số tiết hoạt động nhóm	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	90
- Học phần song hành	-
- Học phần bổ sung	-

2. Mô tả học phần

Học phần Triết học gồm 08 chương. Chương mở đầu giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Chương 2,3,4 các nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Chương 5,6,7,8 bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người. Học phần góp phần bồi dưỡng cho người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; nâng cao khả năng nghiên cứu,

vận dụng những vấn đề lý luận vào hoạt động nhận thức và thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1 Kiến thức	Củng cố, hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình lý luận chính trị ở bậc sau đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành quản lý kinh tế.	1.1; 1.2; 1.3	4
G2 Kỹ năng	Phát triển khả năng tư duy logic, biện chứng; liên kết các kiến thức, vận dụng sáng tạo triết học vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn trong quản lý kinh tế.	2.1; 2.2; 2.3;	4
G3 Tự chủ, trách nhiệm XH	Giải thích cơ sở khoa học và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về quản lý kinh tế trên cơ sở triết học.	3.1; 3.2; 3.3	4

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Củng cố tri thức triết học, nâng cao nhận thức, cơ sở lý luận triết học của các chính sách kinh tế và hoạt động quản lý kinh tế;	I, T
G1.2	Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình lý luận chính trị ở bậc cao học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo thạc sĩ và quản lý kinh tế.	I, T
G1.3	Vận dụng tri thức về triết học để tổ chức nghiên cứu, đề xuất và thực hiện chính sách quản lý kinh tế đối với tổ chức, doanh nghiệp	T, U
G2.1	Có kỹ năng tư duy logic, biện chứng trong phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý và chính sách kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân trong bối cảnh toàn cầu hóa;	T, U
G2.2	Có kỹ năng liên kết các kiến thức và vận dụng sáng tạo triết học vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực của quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa để phát hiện, nghiên cứu	T, U

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
	và đề xuất các chính sách, công cụ quản lý có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách;	
G2.3	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức triết học vào phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế.	T, U
G3.1	Trên nền tảng kiến thức triết học, có khả năng phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách kinh tế;	T, U
G3.2	Dưới góc nhìn triết học, có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý kinh tế;	T, U
G3.3	Trên cơ sở kiến thức triết học, dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý lý kinh tế.	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Triết học với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Triết học

Triết học	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Triết học được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Triết học đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Củng cố tri thức triết học, nâng cao nhận thức, cơ sở lý luận triết học của các chính sách kinh tế và hoạt động quản lý kinh tế;	4	1.1
G1.2	Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình lý luận chính trị ở bậc cao học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo thạc sĩ và quản lý kinh tế.	4	1.2
G1.3	Vận dụng tri thức về triết học để tổ chức nghiên cứu, đề xuất và thực hiện chính sách quản lý kinh tế đối với tổ chức, doanh nghiệp	4	1.3
G2.1	Có kỹ năng tư duy logic, biện chứng trong phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý và chính sách kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân trong bối cảnh toàn cầu hóa;	4	2.1
G2.2	Có kỹ năng liên kết các kiến thức và vận dụng sáng tạo triết học vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực của quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách, công cụ quản lý có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách;	4	2.2
G2.3	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức triết học vào phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế.	4	2.3
G3.1	Trên nền tảng kiến thức triết học, có khả năng phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách kinh tế;	4	3.1
G3.2	Dưới góc nhìn triết học, có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý kinh tế;	4	3.2
G3.3	Trên cơ sở kiến thức triết học, dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý lý kinh tế.	4	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ(%)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,G1.3	15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống	G2.1, G2.2,G2.3	15%
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	50%

(*): Đánh giá giữa kì có thể tổ chức nhiều lần

4. Nội dung chi tiết của học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC

1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học
2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử
3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội
4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

CHƯƠNG 2: BẢN THỂ LUẬN

1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học
2. Nội dung bản thể luận của Triết học Mác - Lênin
3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan

CHƯƠNG 3: PHÉP BIỆN CHỨNG

1. Khái niệm biện chứng và khái quát lịch sử phép biện chứng
2. Những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật
3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật và sự vận dụng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

CHƯƠNG 4: NHẬN THỨC LUẬN

1. Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận
2. Nhận thức luận duy vật biện chứng
3. Các hình thức, phương pháp nhận thức khoa học và đặc thù của nhận thức xã hội
4. Các nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn và sự vận dụng nó vào sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương pháp tiếp cận duy vật và duy tâm về xã hội
2. Những nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ

1. Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học
2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội
3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: Ý THỨC XÃ HỘI

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội và các hình thái ý thức xã hội
2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

CHƯƠNG 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử
2. Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người
3. Vấn đề con người trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh
4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

5. Hình thức tổ chức dạy học

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động người học	Bài đánh giá
1 đến 5	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC 1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử 3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội 4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam	5	- Nêu vấn đề; - Thuyết giảng	Đọc trước Chương 1 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động người học	Bài đánh giá
6 đến 8	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN 1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học 2. Nội dung bản thể luận của Triết học Mác - Lênin 3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan	3	-Nêu vấn đề; -Thuyết giảng	Đọc trước Chương 2 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2
9 đến 11	Chương III. PHÉP BIỆN CHỨNG 1. Khái niệm biện chứng và khái quát lịch sử phép biện chứng 2. Những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật và sự vận dụng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam	3	-Nêu vấn đề; -Thuyết giảng	Đọc trước Chương 3 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2
12 đến 16	Chương IV. NHẬN THỨC LUẬN 1. Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận 2. Nhận thức luận duy vật biện chứng 3. Các hình thức, phương pháp nhận thức khoa học và đặc thù của nhận thức xã hội 4. Các nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn và sự vận dụng nó vào sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	5	-Nêu vấn đề; -Thuyết giảng	Đọc trước Chương 4 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2
17 đến 19	Chương V: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 1. Phương pháp tiếp cận duy vật và duy tâm về xã hội 2. Những nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	3	-Nêu vấn đề; -Thuyết giảng	Đọc trước Chương 5 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động người học	Bài đánh giá
20 đến 22	Chương VI. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ 1. Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học 2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội 3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay	3	-Nêu vấn đề; -Thuyết giảng	Đọc trước Chương 5 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2
23 đến 25	Chương VII. Ý THỨC XÃ HỘI 1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội và các hình thái ý thức xã hội 2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	3	-Nêu vấn đề; -Thuyết giảng	Đọc trước Chương 5 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2
26 đến 30	Chương VIII. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử 2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người 3. Vấn đề con người trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh 4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	5	-Nêu vấn đề; -Thuyết giảng	Đọc trước Chương 5 học liệu bắt buộc 1	A1.3 A2

6. Học liệu bắt buộc

6.1. Học liệu bắt buộc

1. Đại học Quốc gia Hà Nội: Giáo trình Triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn), NXB. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2013.

6.2. Học liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Chương trình môn học Triết học
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Triết học (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học), tập 1, 2, 3, NXB CTQG, Hà Nội, 1999.
3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Triết học Mác - Lênin, NXB. Chính trị quốc

gia, Hà Nội, 1999.

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

8.1. Các yêu cầu đối với học phần: Học viên phải được thực hiện học tập và có mặt trên lớp theo đúng lịch trình và học viên phải thường xuyên ôn tập các kiến thức đã học được và đọc các tài liệu tham khảo.

8.2. Các hình thức học tập của học viên:

- Học trực tuyến và học trực tiếp trên lớp theo tài liệu bắt buộc
- Nghiên cứu các học liệu theo yêu cầu của giảng viên; tham gia làm bài tập, thảo luận theo nhóm; làm bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ đầy đủ.

8.3. Yêu cầu đối với học viên trong các hình thức học tập:

Đi học đúng giờ, giữ trật tự trong giờ học, không sử dụng điện thoại trong lớp; hoàn thành các nội dung, bài tập theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận; học viên chỉ được dự thi hết môn theo đúng quy định của Trường Đại học Đại Nam, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

9.1 Mục đích và trọng số kiểm tra – đánh giá

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Thời lượng bài kiểm tra, thi	Trọng số
Chuyên cần (C)	Thường xuyên	Giúp học viên tích cực học tập		10%
Thảo luận nhóm	Biết liên hệ thực tiễn	Giúp học viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, trình bày nói và viết, đồng thời hiểu và vận dụng kiến thức của học phần.		10%
Kiểm tra giữa kỳ	Vấn đề cơ bản kết hợp liên hệ thực tiễn	Hiểu và vận dụng được kiến thức học phần	60 phút	20%
Thi hết môn (Viết tự luận)	Toàn bộ nội dung học tập	Kiến thức, kỹ năng tổng hợp	90 phút	60%
Tổng cộng				100%

9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá:

9.2.1. Chuyên cần:

Học viên đi học đầy đủ các buổi sẽ đạt được điểm tối đa của tiêu chí chuyên cần, mỗi buổi nghỉ học trừ 1 điểm.

9.2.2. Bài kiểm tra giữa kỳ: Còn gọi là bài kiểm tra điều kiện

Học viên sẽ làm bài kiểm tra điều kiện trên lớp.

Kết quả đánh giá theo thang 10 điểm

Số điểm được đánh giá theo đáp án

9.2.3. Bài tập nhóm (đánh giá mức độ đạt mục tiêu bậc 2)

Loại bài tập này được các nhóm thực hiện trước tại nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên.

Giảng viên chỉ định người đại diện cho nhóm trình bày trên lớp.

Bài tập nhóm được đánh giá thông qua chất lượng báo cáo, trình bày của đại diện nhóm tại lớp, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần.

9.2.4. Thi hết môn (theo quy chế đào tạo hiện hành)

- Nội dung

+ Tiêu chí 1: Làm được các câu hỏi trong đề thi (9 điểm)

+ Tiêu chí 2: Điểm trình bày (1 điểm)

9.3 Lịch thi, kiểm tra:

- Lịch thi cuối kỳ do Nhà trường sắp xếp.

- Lịch kiểm tra được ghi trong mục 7.1 của đề cương học phần.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1. Nguyễn Hữu Ngoan

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0913394482; E-mail: nhngoan1952@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 2: Lê Hoàng Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0904173736, E-mail: lehoangnga2015@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Giảng viên 3: Trần Thị Thanh Hồng

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính; Tiến sĩ;
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Điện thoại: 0904165905 Email: hongttt@thanhdong.edu.vn;
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế; Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Phát triển nông thôn

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt) Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methods)	
- Mã số học phần: SRM1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chung	
- Số tín chỉ	03
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận	15
+ Số tiết ứng dụng	-
+ Số tiết hoạt động nhóm	-

+ Số tiết tự nghiên cứu	90
- Học phần song hành	-
- Học phần bổ sung	-

2. Mô tả học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học các nội dung: Khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học; lý luận và kỹ năng nghiên cứu khoa học; Trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Giúp người học hiểu đúng khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học; Trang bị cho người học lý luận và kỹ năng nghiên cứu khoa học trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng..	1.1,1.2,1.3	4.0
2	Giúp người học áp dụng kiến thức được học vào hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	2.1,2.2,2.3	4.0
3	Giúp người học phân tích, đánh giá tính phù hợp của các phương pháp nghiên cứu khoa học đã sử dụng trong hoạt động nghiên cứu khoa học và giải quyết các phát sinh trong trong nghiên cứu khoa học.	3.1,3.2,3.3	4.0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Hiểu đúng khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học; nắm chắc lý luận, kỹ năng nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.;	I, T
G1.2	Có kiến thức và áp dụng lý luận, kỹ năng nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	I, T
G1.3	Có kiến thức để tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên quản lý kinh tế và công bố kết quả nghiên cứu khoa học	T, U

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp nhất;	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp;	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	U

(1): *Kí hiệu CDR học phần*

(2): *Mô tả CDR, bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CDR cấp độ 5 (X.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

(3): *Mức độ I (Introduce): Giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): Sử dụng.*

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.

Phương pháp nghiên cứu khoa học	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3

Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	U	U	U

Chú giải:

- Các CDR nhóm 1: Kiến thức Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho NCS ngành quản lý kinh tế;

- Các CDR nhóm 2: Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp, hình thành cho NCS kỹ năng trình bày, khả năng phản biện và giải quyết vấn đề.

- Các CDR nhóm 3: Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hình thành cho NCS khả năng phát hiện, đề xuất và cách *thức giải quyết các vấn đề trong quản lý lý kinh tế*.

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu đúng khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học; nắm chắc lý luận, kỹ năng nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.;	4.0	1.1
G1.2	Có kiến thức và áp dụng lý luận, kỹ năng nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	4.0	1.2
G1.3	Có kiến thức để tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên quản lý kinh tế và công bố kết quả nghiên cứu khoa học	4.0	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	4.0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	4.0	2.2

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G2.3	Có kỹ năng phổ biến các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện đề tài khoa học; cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng;	4.0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp nhất;	4.0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng phù hợp;	4.0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các phương pháp nghiên cứu khoa học, trình tự thực hiện đề tài khoa học phù hợp, cách thức trình bày một công trình khoa học nói chung và luận văn, luận án nói riêng.	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ(%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,G1.3	15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống	G2.1, G2.2,G2.3	15%
A2. Đánh giá cuối kì			50%

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CĐR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ(%) (4)
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	50%

(1): Liệt kê có hệ thống các thành phần đánh giá học phần.

(2): Liệt kê có hệ thống các bài đánh giá.

(3): Các chuẩn đầu ra được đánh giá.

(4): Tỉ lệ điểm đối với bài đánh giá trong tổng điểm học phần.

(*): Đánh giá giữa kì có thể tổ chức nhiều lần

7. Nội dung và hình thức giảng dạy học phần: (tên chương,mục, tiểu mục)

7.1. Nội dung

Chương 1. Khoa học

1.1. Khái niệm khoa học

- 1.1.1. Khoa học là một hệ thống tri thức
- 1.1.2. Khoa học là một hoạt động xã hội
- 1.1.3. Khoa học là một hình thái ý thức xã hội
- 1.1.4. Khoa học là một thiết chế xã hội

1.2. Phân loại khoa học

- 1.2.1. Phân loại theo phương pháp hình thành khoa học
- 1.2.2. Phân loại theo đối tượng nghiên cứu của khoa học

1.3. Các giai đoạn phát triển của tri thức khoa học

1.4. Lý thuyết khoa học

- 1.4.1. Khái niệm “Lý thuyết khoa học”
- 1.4.2. Hệ thống khái niệm
- 1.4.3. Mối liên hệ giữa các khái niệm

1.5. Tiêu chí nhận biết một bộ môn khoa học

- 1.5.1. Có đối tượng nghiên cứu
- 1.5.2. Có một hệ thống lý thuyết
- 1.5.3. Có hệ thống phương pháp luận
- 1.5.4. Có mục đích ứng dụng
- 1.5.5. Có một lịch sử nghiên cứu

Chương 2. Nghiên cứu khoa học

2.1. Khái niệm

2.2. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học

- 2.2.1. Tính mới
- 2.2.2. Tính tin cậy

2.2.3. Tính thông tin

2.2.4. Tính khác quan

2.2.5. Tính rủi ro

2.2.6. Tính kế thừa

2.2.7. Tính cá nhân

2.3. Phân loại nghiên cứu khoa học

2.3.1. Phân loại theo chức năng nghiên cứu

2.3.2. Phân loại theo các giai đoạn nghiên cứu

2.3.3. Phân loại theo phương thức thu thập thông tin

2.4. Một số thành tựu khoa học đặc biệt

2.4.1. Phát minh

2.4.2. Phát hiện

2.4.3. Sáng chế

Chương 3. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học

3.1. Khái niệm chung

3.1.1. Trình tự logic

3.1.2. Kiểm tra lỗi logic của người nghiên cứu

3.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài

3.2.1. Lựa chọn sự kiện khoa học

3.2.2. Nhận dạng nhiệm vụ nghiên cứu

3.2.3. Xác định mục tiêu nghiên cứu

3.2.4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

3.2.5. Đặt tên đề tài

3.2.6. Một số điểm cần tránh khi đặt tên đề tài

3.3. Xây dựng luận điểm khoa học

3.3.1. Vấn đề nghiên cứu

3.3.2. Giả thuyết nghiên cứu

3.4. Chứng minh luận điểm khoa học

3.4.1. Cấu trúc logic của chứng minh

3.4.2. Luận cứ

3.4.3. Phương pháp tìm kiếm, chứng minh và sử dụng luận cứ

Chương 4. Thu thập và xử lý thông tin

4.1. Khái niệm

4.2. Thu thập thông tin

4.2.1. Chọn mẫu khảo sát

4.2.2. Chọn phương pháp tiếp cận khảo sát

4.2.3. Đặt giả thiết nghiên cứu

4.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

4.3.1. Mục đích nghiên cứu tài liệu

4.3.2. Phân tích các nguồn tài liệu

4.3.3. Tổng hợp tài liệu

4.4. Phương pháp khảo sát thực địa

4.4.1. Theo mức độ chuẩn bị

4.4.2. Theo quan hệ giữa người quan sát và đối tượng quan sát

4.4.3. Theo mục đích nắm bắt bản chất đối tượng quan sát

4.4.4. Theo mục đích xử lý thông tin

4.4.5. Theo tính liên tục của quan sát

4.4.6. Theo các phương tiện được sử dụng trong quan sát

4.5. Phỏng vấn

4.5.1. Mục đích phỏng vấn

4.5.2. Mức độ chuẩn bị

4.5.3. Tính trực tiếp

4.6. Hội nghị khoa học

4.6.1. Các loại hội nghị

4.6.2. Kỹ yếu khoa học

4.7. Điều tra bằng bảng hỏi

4.7.1. Chọn mẫu

4.7.2. Thiết kế bảng câu hỏi

4.7.3. Xử lý kết quả điều tra

4.8. Phương pháp thực nghiệm

4.8.1. Khái niệm chung

4.8.2. Phân loại thực nghiệm

4.8.3. Các loại thực nghiệm

4.9. Trắc nghiệm xã hội

4.10. Phương pháp xử lý thông tin

4.10.1. Xử lý thông tin định lượng

4.10.2. Xử lý thông tin định tính

4.10.3. Sai số quan sát

4.10.4. Phương pháp trình bày độ chính xác của số liệu

4.10.5. Biện luận kết quả nghiên cứu

Chương 5. Trình bày luận điểm khoa học

5.1. Bài báo khoa học

5.2. Trình bày một tổng luận khoa học

5.2.1. Thông báo khoa học

5.2.2. Tổng luận khoa học

5.3. Công trình khoa học

5.3.1. Chuyên khảo khoa học

5.3.2. Tác phẩm khoa học

5.4. Luận văn, luận án

5.4.1. Bố cục chung

5.4.2. Các đánh số chương, mục

5.5. Thuyết trình khoa học

5.5.1. Vấn đề thuyết trình

5.5.2. Luận điểm thuyết trình

5.5.3. Luận cứ thuyết trình

5.5.4. Phương pháp thuyết trình

5.6. Ngôn ngữ khoa học

5.6.1. Văn phong khoa học

5.6.2. Ngôn ngữ toán học

5.6.3. Sơ đồ

5.6.4. Hình vẽ và ảnh

5.7. Trích dẫn khoa học

5.7.1. Công cụ trích dẫn

5.7.2. Nguyên tắc trích dẫn

5.7.3. Ý nghĩa của trích dẫn

5.7.4. Nơi ghi trích dẫn

5.7.5. Mẫu ghi trích dẫn

5.7.6. Một số điểm cần lưu ý khi ghi trích dẫn

Chương 6. Tổ chức thực hiện đề tài

6.1. Lựa chọn đề tài

6.2. Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu

6.3. Tổ chức nhóm nghiên cứu

6.4. Thu thập và xử lý thông tin

6.5. Viết báo cáo tổng hợp đề tài

6.6. Đánh giá và nghiệm thu đề tài

6.7. Công bố kết quả nghiên cứu

Chương 7. Đạo đức khoa học

7.1. Khái niệm

7.2. Chuẩn mực của cộng đồng nghiên cứu

7.2.1. Các chuẩn mực

7.2.2. Các dạng lệch chuẩn

7.3. Lựa chọn mục tiêu nghiên cứu

7.3.1. Khái niệm chung về các hệ lụy của nghiên cứu

7.3.2. Những nghiên cứu công nghệ

7.3.3. Những nghiên cứu xã hội

7.4. Trung thực với kết quả nghiên cứu của mình

7.5. Trung thực trong sử dụng kết quả nghiên cứu

7.5.1. Khía cạnh đạo đức của mục đích sử dụng kết quả nghiên cứu

7.5.2. Khía cạnh đạo đức về phương pháp sử dụng kết quả nghiên cứu

7.5.3. Khía cạnh đạo đức về tôn trọng quyền tác giả

7.6. Khoa học và các giá trị văn hóa

7.6.1. Phá vỡ cấu trúc

7.6.2. Tái cấu trúc

7.6.3. Tiếp biến văn hóa

7.7. Kiểm soát xã hội đối với các hành vi lệch chuẩn

7.7.1. Tác động của các hành vi lệch chuẩn tích cực

7.7.2. Tác động của các hành vi lệch chuẩn tiêu cực

7.7.3. Kiểm soát xã hội đối với các hành vi lệch chuẩn

Chương 8. Đánh giá nghiên cứu khoa học

8.1. Đại cương về đánh giá

8.1.1. Khái niệm

8.1.2. Mục đích đánh giá

8.1.3. Đối tượng đánh giá

8.1.4. Phương pháp đánh giá

8.1.5. Chủ thể đánh giá

8.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu

8.2.1. Khái niệm kết quả nghiên cứu

8.2.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu

8.2.3. Các phương pháp tiếp cận đánh giá kết quả

8.3. Đánh giá hiệu quả nghiên cứu

8.3.1. Khái niệm hiệu quả nghiên cứu

8.3.2. Đánh giá hiệu quả

8.3.3. Chỉ báo đánh giá hiệu quả

6.2. Kế hoạch giảng dạy

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR môn học (G.x.x.) (5)	Bài đánh giá (6)
Từ tiết 1 đến tiết 3	Chương 1. Khoa học 1.1. Khái niệm khoa học 1.2. Phân loại khoa học 1.3. Các giai đoạn phát triển của tri thức khoa học 1.4. Lý thuyết khoa học 1.5. Tiêu chí nhận biết một bộ môn khoa học	- Nêu vấn - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 1	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3	A1,A2,
Tiết 4 đến 5	Thảo luận chương 1	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Từ tiết 6 đến tiết 8	Chương 2. Nghiên cứu khoa học 2.1. Khái niệm 2.2. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 2.3. Phân loại nghiên cứu khoa học 2.4. Một số thành tựu khoa học đặc biệt	- Nêu vấn - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 1	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Tiết 9 đến 10	Thảo luận chương 2	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Từ tiết 11 đến tiết 13	Chương 3. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học 3.1. Khái niệm chung 3.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài 3.3. Xây dựng luận điểm khoa học 3.4. Chứng minh luận điểm khoa học	- Nêu vấn - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 2	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1,A2,

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR môn học (G.x.x.) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 14 đến 15	Thảo luận chương 3	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Từ tiết 16 đến tiết 19	Chương 4. Thu thập và xử lý thông tin 4.1. Khái niệm 4.2. Thu thập thông tin 4.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 4.4. Phương pháp khảo sát thực địa 4.5. Phỏng vấn 4.6. Hội nghị khoa học 4.7. Điều tra bằng bảng hỏi 4.8. Phương pháp thực nghiệm 4.9. Trắc nghiệm xã hội 4.10. Phương pháp xử lý thông tin	- Nêu vấn - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 2	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Tiết 20 đến 22	Thảo luận chương 4	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Từ tiết 23 đến tiết 26	Chương 5. Trình bày luận điểm khoa học 5.1. Bài báo khoa học 5.2. Trình bày một tổng luận khoa học 5.3. Công trình khoa học 5.4. Luận văn, luận án 5.5. Thuyết trình khoa học 5.6. Ngôn ngữ khoa học 5.7. Trích dẫn khoa học	- Nêu vấn - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 2	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Tiết 27, 28	Thảo luận chương 5	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR môn học (G.x.x.) (5)	Bài đánh giá (6)
Từ tiết 29 đến tiết 32	Chương 6. Tổ chức thực hiện đề tài 6.1. Lựa chọn đề tài 6.2. Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu 6.3. Tổ chức nhóm nghiên cứu 6.4. Thu thập và xử lý thông tin 6.5. Viết báo cáo tổng hợp đề tài 6.6. Đánh giá và nghiệm thu đề tài 6.7. Công bố kết quả nghiên cứu	- Nêu vấn đề - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 2	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Tiết 33, 34	Thảo luận chương 6	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Từ tiết 35 đến tiết 38	Chương 7. Đạo đức khoa học 7.1. Khái niệm 7.2. Chuẩn mực của cộng đồng nghiên cứu 7.3. Lựa chọn mục tiêu nghiên cứu 7.4. Trung thực với kết quả nghiên cứu của mình 7.5. Trung thực trong sử dụng kết quả nghiên cứu 7.6. Khoa học và các giá trị văn hóa 7.7. Kiểm soát xã hội đối với các hành vi lệch chuẩn	- Nêu vấn đề - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 2	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Tiết 39,40	Thảo luận chương 7	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR môn học (G.x.x.) (5)	Bài đánh giá (6)
Từ tiết 41 đến tiết 43	Chương 8. Đánh giá nghiên cứu khoa học 8.1. Đại cương về đánh giá 8.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu 8.3. Đánh giá hiệu quả nghiên cứu	- Nêu vấn đề - Thuyết giảng	Đọc trước tài liệu chương 2	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1,A2,
Tiết 44, 45	Thảo luận chương 8	Gợi mở Kết luận	Chuẩn bị thảo luận	G3.1,3.2,3.3	A1,A2,

8. Nguồn học liệu (Các giáo trình và tài liệu tham khảo)

8.1. Tài liệu bắt buộc

(1). Vũ Cao Đàm (2021), *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục Việt Nam;

(2). TS. Đinh Bá Hùng (2017), *Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội và hướng dẫn viết luận văn*, Nxb Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

7.2. Tài liệu tham khảo

(3). Vũ Cao Đàm (2011), *Một số vấn đề quản lý khoa học và công nghệ hiện nay*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

9. Phụ trách học phần

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: nhngoan1952@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KHOA HỌC QUẢN LÝ

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Hữu Ngoan

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0913394482; Email: nhngoan1952@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 2: Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông;
- Điện thoại: 0903434746, E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

Giảng viên 3: Đinh Văn Đăn

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính; Tiến sĩ;
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Điện thoại: 0965185115, Email: dingvandan,dhn1.2022@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế; Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Phát triển nông thôn

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt) Khoa học quản lý (Management Science)	
- Mã số học phần: MNS1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	03
+ Số tiết lý thuyết	30
+ Số tiết thảo luận	05
+ Số tiết ứng dụng	10

+ Số tiết hoạt động nhóm	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	90
- Học phần song hành	Kinh tế học
- Học phần bổ sung	Nghệ thuật lãnh đạo

2. Mô tả học phần

Học phần Khoa học quản lý là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành thuộc CTĐT thạc sỹ Quản lý kinh tế. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về khoa học quản lý, trong đó tập trung vào 05 nội dung chính là : Các chức năng và nguyên tắc quản lý; Quản lý tổ chức; Môi trường quản lý và vấn đề toàn cầu hóa; Lãnh đạo; Kiểm tra. Trên cơ sở những kiến thức đó ,học viên ứng dụng vào thực tế đang và sẽ phát sinh trong quản lý kinh tế - xã hội hoặc trong lĩnh vực công tác mà từng học viên quan tâm.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Nâng cao các kiến thức về khoa học quản lý	1.1,1.2,1.3	4.0
2	Kỹ năng ứng dụng KHQL để hoạch định các chủ trương, chính sách và tổ chức chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hoặc chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội	2.1,2.2,2.3	4.0
3	Kỹ năng làm việc độc lập,lập kế hoạch, ra quyết định truyền cảm hứng và tổ chức nhóm và giải quyết các phát sinh trong quản lý .	3.1,3.2,3.3	4.0

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR của học phần	Trình độ năng lực	CĐR của CTĐT tương ứng
G1.1	Nắm vững các chức năng, nguyên tắc quản lý; Nâng cao sự hiểu biết về bản chất và tác động của các quy luật trong quản lý.	4.0	1.2.3.4
G1.2	Nâng cao kiến thức về tổ chức, cơ cấu tổ chức .Nhận thức đúng về môi trường quản lý. Hiểu sâu về lãnh đạo và công tác kiểm tra trong quản lý	4.0	3.4.5.6
G2.1	Ứng dụng các nguyên tắc quản lý ,thực hành tốt từng chức năng của quản lý trong môi trường luôn biến động	4.0	3.2.1

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR của học phần	Trình độ năng lực	CDR của CTĐT tương ứng
G2.2	Phát triển kỹ năng lãnh đạo để thực hành ra quyết định, lập kế hoạch, tổ chức nhân sự để thực hiện những mục tiêu quản lý	4.0	2.3.6
G3	Giải quyết các phát sinh trong quản lý	4.0	7.8.5

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR môn học (G.x.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
A1. Sự chuyên cần	Tham dự lớp và các hoạt động trên lớp	G1.1; G1.2	10%
A2. Hồ sơ HP	Có tài liệu học tập và hoàn thành các tiểu luận cần thiết	G1.2; G2.1	20%
A3. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra hoặc làm chuyên đề	G2.1; G2.2	20%
A4. Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận	G1.1; G1.2	50%

7. Nội dung và hình thức giảng dạy học phần: (tên chương, mục, tiểu mục)

7.1. Nội dung

Chương 1. Chức năng và nguyên tắc quản lý

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của chức năng và nguyên tắc quản lý

1.2. Các chức năng và nguyên tắc quản lý

1.2.1. Các chức năng quản lý

1.2.2. Các nguyên tắc quản lý

1.2.3. Vận dụng các nguyên tắc và quy luật trong quản lý

Chương 2. Môi trường quản lý và toàn cầu hóa

2.1. Môi trường quản lý

2.1.1. Đặc điểm của MTQL

2.1.2. Phân loại môi trường quản lý

2.1.3. Yêu cầu của quản lý đối với môi trường QL thay đổi

2.1.4. Hệ thống thông tin về MTQL

2.2. Toàn cầu hóa

2.2.1. Đặc điểm của toàn cầu hóa

2.2.2. Các tác động của toàn cầu hóa

2.2.3. Quá trình toàn cầu hóa và kinh tế tri thức

Chương 3. Tổ chức và quản lý tổ chức

3.1. Chức năng của tổ chức và cơ cấu tổ chức

3.1.1. Bản chất và chức năng của tổ chức

3.1.2. Cơ cấu tổ chức và các mô hình tổ chức

3.2. Thiết kế tổ chức

3.2.1. Nguyên tắc thiết kế cơ cấu tổ chức

3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức

3.2.3. Quá trình thiết kế cơ cấu tổ chức

3.3. Quản lý tổ chức

3.3.1. Cán bộ quản lý tổ chức

3.3.2. Quản lý sự thay đổi của tổ chức.

Chương 4. Thông tin và quyết định quản lý

4.1. Thông tin quản lý

4.1.1. Khái niệm, Đặc điểm và vai trò của TTQL

4.1.2. Phân loại thông tin QL.

4.1.3. Yêu cầu đối với TTQL

4.1.4. Hệ thống đảm bảo TTQL.

4.1.5. Công cụ và kỹ thuật thông tin.

4.2. Quyết định quản lý

4.2.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của QĐQL

4.2.2. Hình thức biểu hiện và các loại QĐQL

4.2.3. Căn cứ ra QĐ và yêu cầu đối với QĐQL.

4.2.4. Phương pháp ra QĐQL

4.2.5. Quá trình của QĐQL

Chương 5. Lãnh đạo

5.1. Khái niệm, đặc điểm và căn cứ khoa học của lãnh đạo

5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của lãnh đạo

5.1.2. Căn cứ khoa học của lãnh đạo trong quản lý

5.2. Kỹ năng và nội dung của lãnh đạo

5.2.2. Nội dung lãnh đạo

5.3. Các phương pháp lãnh đạo

5.3.1. Các phương pháp lãnh đạo chung

5.3.2. Lãnh đạo theo nhóm

5.3.3. Tình huống trong lãnh đạo

5.3.4. Giao tiếp và đàm phán trong lãnh đạo

Chương 6. Kiểm tra

6.1. Bản chất và vai trò của kiểm tra

- 6.1.1. Khái niệm và bản chất của kiểm tra
- 6.1.2. Vai trò của kiểm tra
- 6.2. Nội dung và yêu cầu của kiểm tra
 - 6.2.1. Nội dung và mức độ kiểm tra
 - 6.2.2. Yêu cầu đối với kiểm tra
- 6.3. Quá trình và các hình thức, kỹ thuật kiểm tra
 - 6.3.1. Quá trình kiểm tra
 - 6.3.2. Các hình thức và kỹ thuật kiểm tra

7.2. Hình thức tổ chức dạy học

a. Lịch trình chung: (Ghi tổng số giờ tín chỉ cho mỗi cột)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần					Tổng
	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1	5	2	0	0	10	17
Chương 2	5	2	0	0	10	17
Chương 3	5	2	0	0	10	17
Chương 4	5	1	2	0	10	18
Chương 5	5	2	1	0	10	18
Chương 6	5	1	2	0	10	18
Tổng số	30	10	05	0	60	105

b. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Giảng đường đảm bảo đủ điều kiện cho giảng dạy bằng bảng và phấn, máy chiếu (projector) và ánh sáng tốt.

- Sinh viên dự lớp đầy đủ, hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm và thực hành và bài kiểm thi kết thúc học phần, có thái độ nghiêm túc trong nghe giảng và ghi chép bài cẩn thận. Tích cực và chủ động học tập.

8. Nguồn học liệu (Các giáo trình và tài liệu tham khảo)

a. Tài liệu bắt buộc

(1). Giáo trình Quản lý học; PGS TS Nguyễn thị Ngọc Huyền; PGS TS Đoàn thị Thu Hà; TS Đỗ thị Hải Hà; 2020 NXB Đại học Kinh tế quốc dân;

(2). Giáo trình Tâm lý học quản lý; Nguyễn Hữu Thụ chủ biên NXB Đại học Quốc gia Hà nội 2012.

b. Tài liệu tham khảo

(3). Việt nam 2035 hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ; Biên tập Nguyễn thị Phương Mai; NXB Hồng Đức 2016;

9. Phụ trách học phần

Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: nhngoan1952@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Lê Hoàng Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0904173736, E-mail: lehoangnga2015@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Giảng viên 2: Phạm Quý Thọ

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0912244884; Email: phamquytho@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

Giảng viên 3 Nguyễn Thị Lan Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0913383942; E-mail: nguyenlanhuong1060@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

1.2. Thông tin về học phần:

-Tên học phần(tiếng Việt): Quản lý nhà nước về kinh tế (State Economic Management)	
-Mã số học phần: SME1521	
-Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
-Số tín chỉ:	03
+Số tiết lý thuyết:	30
+Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+Số tiết thực hành:	-

+Số tiết hoạt động nhóm:	-
+Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Kinh tế học Khoa học quản lý
- Học phần song hành:	Quản lý doanh nghiệp Quản lý tiền tệ và ngân hàng

2. Mô tả học phần

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Học phần cung cấp các kiến thức chung về quản lý nhà nước; giúp học viên có khả năng tổng hợp, phân tích, luận giải các vấn đề cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế như nguyên tắc, phương pháp, công cụ, thông tin quản lý, quản lý nhà nước về các lĩnh vực và ngành kinh tế, từ đó học viên có thể dự báo và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho cơ quan và địa phương, nâng cao được kỹ năng phân tích, đánh giá, tổ chức vận hành, thực thi các chính sách kinh tế - xã hội và các kỹ năng quản lý khác để hoàn thành công việc.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT(X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Nâng cao kiến thức về lý thuyết của quản lý nhà nước về kinh tế trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế; Hiểu và vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam.	1.1,1.2,1.3	4.0
G2	Kỹ năng tư duy lý luận, phân tích tổng hợp; Nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá và ra quyết định, các kỹ năng quản lý để hoàn thành công việc, kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập để phát triển và triển khai những mô hình, giải pháp mới trong quản lý kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô.	2.1,2.2,2.3	4
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết các vấn đề nảy sinh và tự chịu trách nhiệm	3.1,3.2,3.3	4.0

Ghi chú:

- (1) Ký hiệu các mục tiêu của môn học
- (2) Mô tả mục tiêu môn học bao gồm các động từ Bloom (động từ hành động). Các chủ đề CDR(X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát
- (3) và (4) Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ tương ứng được phân bổ cho môn học.

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)(3)
G1.1	Có kiến thức chung về quản lý nhà nước về kinh tế, bản chất, nguyên tắc, công cụ, phương pháp quản lý, thông tin quản lý...	I,T
G1.2	Giải thích được sự cần thiết của sự cần thiết của quản lý nhà nước về kinh tế và yêu cầu đối với hoạt động này.	I,T
G1.3	Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế vào giải quyết một số vấn đề của thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam	T,U
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý kinh tế và chính sách kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân;	T,U
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý kinh tế để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách kinh tế có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách kinh tế; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách kinh tế;	T,U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế.	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách kinh tế;	T,U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý kinh tế;	T,U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý lý kinh tế.	U

(1): Kí hiệu CDR học phần

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CDR cấp độ 4 (X.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): Mức độ: I(Introduce):Giới thiệu, T(Teach): dạy, U(Utilize):Sử dụng.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Quản lý nhà nước về kinh tế với CDR Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế cho học phần Quản lý nhà nước về kinh tế

Quản lý nhà nước về kinh tế	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	5	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	U	U	U

Chú giải:

- Các CDR nhóm 1 thuộc kiến thức lập luận ngành, cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho sinh viên ngành quản lý kinh tế và các ngành liên quan đến Quản lý kinh tế;
- Các CDR nhóm 2 thuộc kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất, hình thành cho người học kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy hệ thống; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày, khả năng phản biện và giải quyết vấn đề;

- Các CDR nhóm 3 thuộc Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý nhà nước về kinh tế đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Có kiến thức chung về quản lý nhà nước về kinh tế, bản chất, nguyên tắc, công cụ, phương pháp quản lý, thông tin quản lý...	4.0	1.1
G1.2	Giải thích được sự cần thiết của sự cần thiết của quản lý nhà nước về kinh tế và yêu cầu đối với hoạt động này.	4.0	1.2
G1.3	Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế vào giải quyết một số vấn đề của thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam	5.0	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý kinh tế và chính sách kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân;	4.0	2.1
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý kinh tế để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách kinh tế có tính đột phá; để hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách kinh tế; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách kinh tế;	4.0	2.2

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế.	4.0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách kinh tế;	4.0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý kinh tế;	4.0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý lý kinh tế.	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần Đánh giá(1)	Bài đánh giá (2)	CĐR học phần (CLOs) (3)	Tỉ lệ (%)(4)
A1.Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20%
Sự chuyên cần	A1.1.1.Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G1.1	
Thái độ học tập	A1.1.2.Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G1.1,G1.2,G1.3	
A1.2.Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập	G2.1,G2.2,G2.3	
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G2.1,G2.2	
A1.3. Đánh giá giữa kì(*)			20%
	A1.3.1. Bài kiểm tra	G2.1,G2.2G2.3	
	A1.3.2.Bài tiểu luận		
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Tự luận	G1,G2,G3	

(1):Liệt kê các thành phần đánh giá học phần.

(2)Liệt kê có hệ thống các bài đánh giá.

(3) Các chuẩn đầu ra được đánh giá.

(4)Tỉ lệ điểm đối với bài đánh giá trong tổng điểm học phần.

(*): *Đánh giá giữa kì có thể tổ chức nhiều lần*

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

7.1. Kế hoạch giảng dạy theo lịch trình

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 1 đến Tiết 5	Chương 1: Tổng quan về quản lý Nhà nước về kinh tế 1.1. Nền kinh tế thị trường và thất bại thị trường 1.2. Các vấn đề đặt ra cho kinh tế thị trường 1.3. Nhà nước trong nền kinh tế thị trường 1.4. Vai trò, chức năng nhà nước trong nền kinh tế thị trường 1.5. Nguyên tắc quản lý kinh tế của nhà nước	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Thảo luận, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2
Tiết 5 đến Tiết 10	Chương 2: Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế 2.1. Cấu trúc bộ máy, phân cấp QLNN về kinh tế 2.2. Nhân lực cho quản lý nhà nước về kinh tế	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Thảo luận, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2
Tiết 10 đến Tiết 15	Chương 3. Công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế 3.1. Công cụ quản lý 3.2. Phương thức quản lý 3.3. Thông tin quản lý 3.4. Ra quyết định	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Thảo luận, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 15 đến Tiết 20	Chương 4: Quản lý nhà nước với các ngành kinh tế 4.1. Quản lý phát triển kinh tế xã hội 4.2. Quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp 4.3. Quản lý nhà nước đối với ngành công nghiệp 4.4. Quản lý nhà nước đối với ngành thương mại, dịch vụ	Nêu vấn đề, Thuyết giảng, Thảo luận, giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2
Tiết 20 đến Tiết 23	Chương 5: Quản lý nhà nước về doanh nghiệp 5.1. Những kiến thức chung về doanh nghiệp 5.2. Quản lý nhà nước đối về doanh nghiệp	Nêu vấn đề, Thuyết giảng, Thảo luận, Giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2
Tiết 23 đến tiết 26	Chương 6. Quản lý nhà nước đối với kinh tế đối ngoại 6.1. Khái niệm và các hình thức kinh tế đối ngoại 6.2. Phạm vi quản lý nhà nước về ngoại thương 6.3. Nội dung quản lý nhà nước về ngoại thương	Nêu vấn đề, Thuyết giảng, Thảo luận, giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2
Tiết 26 đến tiết 30	Chương 7. Quản lý nhà nước đối với tài chính công 7.1. Tổng quan về tài chính công 7.2. Sự quản lý của nhà nước trong tài chính công	Trình bày, hỏi-đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1,1.2,1.3 G2.1,2.2,2.3 G3.1,3.2,3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

7.2. Kế hoạch giảng dạy theo block

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức day học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block1 (Tiết1-2)	Chương1: Tổng quan về quản lý Nhà nước về kinh tế 1.1. Nền kinh tế thị trường và thất bại thị trường 1.2. Các vấn đề đặt ra cho kinh tế thị trường	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: các khuyết tật của nền kinh tế thị trường, các vấn đề đặt ra đối với kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.	- Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block2 (Tiết3-5)	Chương1 Tổng quan về quản lý Nhà nước về kinh tế 1.3. Nhà nước trong nền kinh tế thị trường 1.4. Vai trò, chức năng nhà nước trong nền kinh tế thị trường 1.5. Nguyên tắc quản lý kinh tế của nhà nước	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: vì sao cần quản lý nhà nước về kinh tế, có các chức năng gì, nội dung các nguyên tắc quản lý?	- Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block3 (Tiết5-6)	Chương 2: Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế 2.1. Cấu trúc bộ máy, phân cấp quản lý kinh tế về kinh tế	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: cấu trúc bộ máy quản lý nhà nước ở Việt Nam	- Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block4 (Tiết7-10)	Chương2: Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế 2.2. Nhân lực cho quản lý nhà nước về kinh tế	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Đặc điểm công chức, các vấn đề đặt ra với đội ngũ công chức viên chức ở VN	- Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block5 (Tiết 10-12)	Chương 3: Công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế 3.1.Công cụ quản lý	- Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm;	- Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block5 (Tiết12-tiết 13)	Chương 3. Công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế 3.2.Phương thức quản lý	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: nội dung các phương pháp quản lý kinh tế của nhà nước?	- Đọc trước Tài liệu 2 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block6 (Tiết13-15)	Chương 3. Công cụ, phương thức và ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế 3.3.Thông tin quản lý 3.4.Ra quyết định	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng;	- Đọc trước Tài liệu 1,2 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
		- Nêu vấn đề kích lệ học viên: có các loại thông tin nào trong quản lý, hệ thống thông tin quản lý là gì và như thế nào, quá trình ra quyết định quản lý...	thành nhiệm vụ được giao
Block7 (Tiết15-16)	Chương 4: Quản lý nhà nước với các ngành kinh tế 4.1. Quản lý phát triển kinh tế xã hội 4.2 Quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: nội dung quản lý nhà nước về nông nghiệp là gì...	- Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block8 (Tiết16-20)	Chương 4: Quản lý nhà nước với các ngành kinh tế 4.3. Quản lý nhà nước đối với ngành công nghiệp 4.4. Quản lý nhà nước đối với ngành thương mại, dịch vụ	- Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	- Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block9 (Tiết20-23)	Chương 5: Quản lý nhà nước với doanh nghiệp 5.1. Những kiến thức chung về doanh nghiệp	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: các loại doanh nghiệp và vai trò doanh nghiệp trong nền kinh tế?	- Đọc trước Tài liệu 1,2 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block10 (Tiết23-26)	Chương 5. Quản lý nhà nước với doanh nghiệp 5.2. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: tình hình hoạt động của doanh nghiệp ở địa phương và ở Việt Nam, liên hệ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp ở địa phương?	- Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block11 (Tiết26-27)	Chương 6. Quản lý nhà nước đối với kinh tế đối ngoại 6.1. Khái niệm và các hình thức kinh tế đối ngoại 6.2. Phạm vi quản lý nhà nước về ngoại thương 6.3. Nội dung quản lý nhà nước về ngoại thương	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Kinh tế đối ngoại là gì, bao gồm các hình thức nào, nội dung quản lý nhà nước về ngoại thương ở Việt Nam?...	- Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block12 (Tiết27-30)	Chương 7. Quản lý nhà nước đối với tài chính công 7.1. Tổng quan về tài chính công 7.2. Sự quản lý của nhà nước trong tài chính công	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; Giải thích các câu hỏi của học viên ; Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: tài chính công là gì, hệ thống tài chính công là gì, quan hệ tài chính công và nhà nước, chức năng, nguyên tắc quản lý nhà nước đối với tài chính công?	Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Số tín chỉ của Học phần là 03 nên mỗi buổi học 3- 4 tiết, do đó Block được thiết kế trung bình 3 tiết cho mỗi block.

8. Nguồn học liệu(các giáo trình ,tài liệu tham khảo,các phần mềm...)

8.1. Tài liệu bắt buộc

(1). GS.TS. Phan Huy Đường, 2010, Quản lý nhà nước về kinh tế, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo thêm

(2). PGS,TS. Nguyễn Văn Hiệu, 2020, Tài chính công, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Luật Doanh nghiệp, 2020.

4. Báo cáo phát triển kinh tế- xã hội của Quốc hội, các địa phương hằng năm

9. Quy định của học phần

9.1. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về ngân hàng và luật pháp. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

9.2. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của sinh viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Sinh viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.
- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông
- Địa chỉ/email: lehoangnga2015@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QUẢN LÝ KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Hữu Ngoan

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0913394482; Email: nhngoan1952@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Kim Liên

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương;
- Điện thoại, email: 0366440688; email: lienntk@thanhdong.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý doanh nghiệp, Quản lý tài nguyên môi trường, Hội nhập kinh tế quốc tế, Quản lý công nghiệp.

Giảng viên 3: TS. Lê Hồng Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương;
- Điện thoại: 0912572345, E-mail: lehonghuyenvptw@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, Quản lý kinh tế, Hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa (tiếng Anh): (Economic Management in Globalization)	
- Mã số học phần: EMG1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☐ Học phần đồ án tốt nghiệp
- Số tín chỉ:	03

+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	-
+ Số tiết hoạt động nhóm:	-
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Quản lý nhà nước về kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế. Học phần này trang bị cho người học những tri thức về toàn cầu hóa, môi trường toàn cầu hóa, tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia; chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu; quản lý tổ chức trong môi trường toàn cầu hóa; sự chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những tri thức này giúp người học hoàn thiện kỹ năng, nâng cao năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với tổ chức, với đất nước về hoạt động quản lý, hoạch định chính sách kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT(X.x.x)	TĐNL
G1	Kiến thức về toàn cầu hóa, chuỗi cung ứng toàn cầu, quản lý tổ chức trong toàn cầu hóa, sự chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia và Việt Nam với cuộc cách mạng lần thứ tư	1.1;1.2;1.3	5
G2	Khả năng tranh thủ các cơ hội và vượt qua các thách thức do toàn cầu hóa mang lại trong quản lý tổ chức, quản lý nhà nước về kinh tế	2.1;2.2;2.3	5
G3	Khả năng tự phát hiện, đề xuất và chịu trách nhiệm về các đề xuất để giải quyết các vấn đề nảy sinh về quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa	3.1; 3.2;3.3	5

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Mô tả được các đặc trưng, tác động của toàn cầu hóa; sự hình thành chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu; quản lý tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa; xu hướng chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia và các ngành, lĩnh vực của Việt Nam trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	I, T
G1.2	Giải thích được các đặc trưng, tác động của toàn cầu hóa; sự hình thành chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu; quản lý tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa; xu hướng chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia và các ngành, lĩnh vực của Việt Nam trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	I, T
G1.3	Vận dụng các kiến thức về toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để tổ chức nghiên cứu, đề xuất chính sách và thực hiện chính sách quản lý đối với tổ chức, doanh nghiệp	T, U
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý và chính sách kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân trong bối cảnh toàn cầu hóa;	T, U
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách, công cụ quản lý có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách;	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế.	
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách kinh tế;	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý kinh tế;	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý lý kinh tế.	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa

Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	5	4	5	4	4	5	4	5	5
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Mô tả được các đặc trưng, tác động của toàn cầu hóa; sự hình thành chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu; quản lý tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa; xu hướng chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia và các ngành, lĩnh vực của Việt Nam trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	5,0	1.1
G1.2	Giải thích được các đặc trưng, tác động của toàn cầu hóa; sự hình thành chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu; quản lý tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa; xu hướng chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia và các ngành, lĩnh vực của Việt Nam trước cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	4,0	1.2
G1.3	Vận dụng các kiến thức về toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để tổ chức nghiên cứu, đề xuất chính sách và thực hiện chính sách quản lý đối với tổ chức, doanh nghiệp	5,0	1.3

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý và chính sách kinh tế của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân trong bối cảnh toàn cầu hóa;	4.0	2.1
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách, công cụ quản lý có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách; đề triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách;	4.0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế.	5,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách kinh tế;	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý kinh tế;	5.0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý lý kinh tế.	5.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ(%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%

A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2, G1.3	15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống	G2.1, G2.2, G2.3	15%
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1; G2; G3.	50%

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x)	Bài đánh giá
1 đến 5	Chương 1. Toàn cầu hóa và môi trường toàn cầu hóa 1.1. Khái niệm toàn cầu hóa 1.2. Các đặc trưng cơ bản của toàn cầu hóa 1.3. Môi trường toàn cầu hóa 1.4. Mức độ tham gia toàn cầu hóa 1.5. Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển bền vững	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	- Đọc Chương 5, Giáo trình Quản lý học từ trang 223 đến 258 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.	G1, G2, G3	A1, A2
6 đến 10	Chương 2. Chuỗi cung ứng toàn cầu 2.1. Khái niệm 2.2. Cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu 2.3. Lợi ích của chuỗi cung ứng toàn cầu Thảo luận chương 1,2	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	- Đọc Chương 5, Giáo trình Quản lý học từ trang 223 đến 258 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.	G1, G2, G3	A1, A2
11 đến 13	Chương 3. Quản lý tổ chức trong môi trường toàn cầu hóa 3.1. Tổ chức và quản lý tổ chức 3.2. Cơ hội và thách thức đối với quản lý tổ chức trong toàn cầu hóa	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	- Đọc Chương 5, Giáo trình Quản lý học từ trang 223 đến 258 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ	G1, G2, G3	A1, A2

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x)	Bài đánh giá
	3.3. Các chức năng quản lý trong môi trường toàn cầu 3.4. Yêu cầu đối với quản lý tổ chức trong hội nhập và toàn cầu hóa		sở cá nhân hoặc nhóm.		
14 đến 18	Chương 4. Sự chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.1. Những thách thức đặt ra cho quản trị quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.2. Xu hướng từ quản lý sang quản trị trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.3. Xu hướng đề cao quản trị tốt trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.4. Tác động của xu hướng dịch chuyển sang quản trị đối với nhà nước Kiểm tra giữa kỳ	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	- Đọc Chương 2, Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa từ trang 30 đến 81 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.	G1, G2, G3 G1.1, G1.2, G1.3	A1, A2 A1.3.1
19 đến 23	Chương 5. Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 5.1. Nhận diện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cmcnl 4.0) 5.2. Chiến lược và chính sách ứng phó của một số nước trong cuộc cách mạng lần thứ 4 5.3. Tác động của cuộc CMCN 4.0 đối với lao động ngành chế biến, chế tạo	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	- Đọc Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư từ trang 25 đến 263 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.	G1, G2, G3	A1, A2

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x)	Bài đánh giá
	5.4. Ngành công nghiệp năng lượng trước cuộc cmcn 4.0 5.5. Ngành nông nghiệp trước cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0				
24 đến 28	Chương 5. Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 5.6. Ngành ngân hàng trong cuộc CMCN 4.0 5.7. Ngành du lịch trong cuộc cmcn 4.0 5.8. Ngành y tế trong cuộc CMCN 4.0 5.9. Ngành giáo dục và đào tạo việt nam trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 5.10. phát triển thương mại kỹ thuật số trong cuộc CMCN 4.0	Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	- Đọc Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư từ trang 265 đến 431 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.	G1, G2, G3	A1, A2
29 đến 30	Bài tập tình huống	- GV xây dựng “vấn đề” có liên quan đến nội dung dạy học.	- Đọc tài liệu và làm bài tập	G2.1, G2.2, G2.3	A1.3.2

Kế hoạch giảng dạy theo block

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 1 (Tiết 1-5)	Chương 1. Toàn cầu hóa và môi trường toàn cầu hóa 1.1. Khái niệm toàn cầu hóa 1.2. Các đặc trưng cơ bản của toàn cầu hóa 1.3. Môi trường toàn cầu hóa	- Nêu các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa Toàn cầu hóa	- Đọc Chương 5, Giáo trình Quản lý học từ trang 223 đến 258 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	1.4. Mức độ tham gia toàn cầu hóa 1.5. Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển bền vững		
Block 2 (Tiết 6-10)	Chương 2. Chuỗi cung ứng toàn cầu 2.1. Khái niệm 2.2. Cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu 2.3. Lợi ích của chuỗi cung ứng toàn cầu Thảo luận chương 1,2	Nêu vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu - Nêu câu hỏi thảo luận	- Đọc Chương 5, Giáo trình Quản lý học từ trang 223 đến 258 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm - Chuẩn bị câu hỏi và tham gia thảo luận
Block 3 (Tiết 11-13)	Chương 3. Quản lý tổ chức trong môi trường toàn cầu hóa 3.1. Tổ chức và quản lý tổ chức 3.2. Cơ hội và thách thức đối với quản lý tổ chức trong toàn cầu hóa 3.3. Các chức năng quản lý trong môi trường toàn cầu 3.4. Yêu cầu đối với quản lý tổ chức trong hội nhập và toàn cầu hóa	- Nêu vấn đề liên quan đến tổ chức và quản lý tổ chức	- Đọc Chương 5, Giáo trình Quản lý học từ trang 223 đến 258 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.
Block 4 (Tiết 14-18)	Chương 4. Sự chuyển dịch từ quản lý nhà nước sang quản trị quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.1. Những thách thức đặt ra cho quản trị quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.2. Xu hướng từ quản lý sang quản trị trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.3. Xu hướng đề cao quản trị tốt trong bối cảnh toàn cầu hóa 4.4. Tác động của xu hướng dịch chuyển sang quản trị đối với nhà nước Kiểm tra giữa kỳ	Nêu vấn đề về các thách thức và các xu hướng chuyển đổi quản lý trong bối cảnh toàn cầu hóa	- Đọc Chương 2, Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa từ trang 30 đến 81 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 5 (Tiết 19-23)	Chương 5. Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 5.1. Nhận diện cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cmcn 4.0) 5.2. Chiến lược và chính sách ứng phó của một số nước trong cuộc cách mạng lần thứ 4 5.3. Tác động của cuộc CMCN 4.0 đối với lao động ngành chế biến, chế tạo 5.4. Ngành công nghiệp năng lượng trước cuộc CMCN 4.0 5.5. Ngành nông nghiệp trước cuộc CMCN 4.0	Nêu vấn đề nhận diện cuộc CMCN 4.0 và tác động của nó đối với một số ngành	Đọc Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư từ trang 25 đến 263 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.
Block 6 (Tiết 24-28)	Chương 5. Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư 5.6. Ngành ngân hàng trong cuộc CMCN 4.0 5.7. Ngành du lịch trong cuộc cmcn 4.0 5.8. Ngành y tế trong cuộc CMCN 4.0 5.9. Ngành giáo dục và đào tạo việt nam trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 5.10. phát triển thương mại kỹ thuật số trong cuộc CMCN 4.0	Nêu vấn đề nhận diện cuộc CMCN 4.0 và tác động của nó đối với một số ngành	Đọc Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư từ trang 265 đến 431 - Chuẩn bị giải đáp “vấn đề” được giao trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.
Block 7 (Tiết 29-30)	Bài tập tình huống	Giao bài tập	Chuẩn bị bài tập Thảo luận trên lớp

Số tín chỉ của Học phần là 02 nên mỗi buổi học là 5 tiết/buổi, do đó Block được thiết kế theo 05 tiết cho mỗi block.

8. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm...)

8.1. Bắt buộc:

1. Giáo trình Quản lý học, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, năm 2020;

2. TS. Nguyễn Văn Quân, Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa, Nxb Tư pháp, năm 2023;
3. Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, năm 2017;

8.2. Đọc thêm

4. Toàn cầu hóa, hợp tác và đấu tranh, Nxb Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh, năm 2021;
5. Nhà nước trong thế giới đang chuyển đổi, Báo cáo phát triển thế giới năm 1997, Nxb Chính trị quốc gia năm 1998.

9. Qui định của học phần

9.1 Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học có tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức về quản lý nhà nước về kinh tế, nhà nước và pháp luật. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm, trong đó lấy phương pháp nêu vấn đề làm trung tâm.

- Giảng viên đóng vai trò là người cầm lái, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

9.2. Yêu cầu đối với người học

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của sinh viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Sinh viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

10. Phụ trách học phần

Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh, Trường Đại học Thành Đông, số 3, Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương.

Người chịu trách nhiệm: **PGS,TS. Nguyễn Hữu Ngoan**

Điện thoại, Email: 0913394482; nhngoan1952@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Thông tin chung:

1.1. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên 1: Phạm Quý Thọ

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0912244884; Email: phamquytho@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

Giảng viên 2: Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0903434746, E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

Giảng viên 3: Lê Hồng Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0912572345, E-mail: lehonghuyenvptw@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, Quản lý kinh tế, Hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Thông tin về học phần:

-Tên học phần(tiếng Việt): Phân tích chính sách kinh tế - xã hội (Economic-Social Policy Analysis)	
-Mã số học phần: EPA1521	
-Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức cơ sở ngành	
-Số tín chỉ:	03
+Số tiết lý thuyết:	30
+Số tiết thảo luận/bài tập:	15

+Số tiết thực hành:	-
+Số tiết hoạt động nhóm:	-
+Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Kinh tế học Khoa học quản lý
- Học phần song hành:	Quản lý doanh nghiệp Quản lý tiền tệ và ngân hàng

2. Mô tả học phần

Học phần Phân tích chính sách kinh tế - xã hội trang bị cho người học những kiến thức về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp Phân tích chính sách kinh tế - xã hội. Học phần trả lời các câu hỏi: (i) Phân tích chính sách kinh tế - xã hội là gì? (ii) Phân tích chính sách kinh tế - xã hội có các chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và nguyên tắc nào? (iii) Phân tích chính sách kinh tế - xã hội bao gồm những nội dung nào? (iv) Công tác phân tích chính sách công được tổ chức như thế nào? (v) Kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội được sử dụng như thế nào?

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT(X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp phân tích chính sách kinh tế - xã hội và viết báo cáo phân tích chính sách kinh tế - xã hội.	1.1,1.2,1.3	4,0
G2	Kỹ năng vận dụng vào thực tiễn hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội ở Việt Nam; Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình	2.1,2.2,2.3	4,0
G3	Giải quyết các vấn đề nảy sinh; có khả năng phát hiện các vấn đề mới, có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo, đề xuất và chịu trách nhiệm về các phát hiện, kết luận, khuyến cáo, đề xuất thông qua phân tích chính sách.	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Nhớ và hiểu phân tích chính sách kinh tế - xã hội là gì, các chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và nguyên tắc nào, bao gồm những nội dung nào, công tác phân tích chính sách kinh tế - xã hội được tổ chức như thế nào, kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội được sử dụng như thế nào?	I, T,U
G1.2	Vận dụng được các kiến thức của học phần phân tích chính sách kinh tế - xã hội vào hoạt động phân tích một chính sách cụ thể.	I, T,U
G1.3	Phân tích và đánh giá được một chính sách kinh tế - xã hội cụ thể để đưa ra các đề xuất, kiến nghị	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội để đưa ra các kết luận	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội để đưa ra các kết luận	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội	T, U
G3.1	Có năng lực phát hiện các nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội phù hợp	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận về nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội	T, U
G3.3	Dám đề xuất, khuyến cáo và chịu trách nhiệm về nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội	U

(1): Kí hiệu CDR học phần

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CDR cấp độ 5 (X.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): Mức độ I (Introduce): Giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): Sử dụng.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Phân tích chính sách kinh tế - xã hội với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Phân tích chính sách kinh tế - xã hội

Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	5	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Phân tích chính sách kinh tế - xã hội được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Phân tích chính sách kinh tế - xã hội đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nhớ và hiểu phân tích chính sách kinh tế - xã hội là gì, các chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và nguyên tắc nào, bao gồm những nội dung nào, công tác phân tích chính sách kinh tế - xã hội được tổ chức như thế nào, kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội được sử dụng như thế nào?	4,0	1.1
G1.2	Vận dụng được các kiến thức của học phần phân tích chính sách kinh tế - xã hội vào hoạt động phân tích một chính sách cụ thể.	4.0	1.2
G1.3	Phân tích và đánh giá được một chính sách kinh tế - xã hội cụ thể để đưa ra các đề xuất, kiến nghị	5,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội để đưa ra các kết luận	4.0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội để đưa ra các kết luận	4.0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội	4,0	2.3

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G3.1	Có năng lực phát hiện các nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội phù hợp	4.0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận về nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất, khuyến cáo và chịu trách nhiệm về nội dung, phương pháp, cách tổ chức và sử dụng kết quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ(%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			30%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,G1.3	15%
	A1.3.2. Bài tập tình huống	G2.1, G2.2,G2.3	15%
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Bài thi tự luận cuối kỳ	G1.1, G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	50%

(1): Liệt kê có hệ thống các thành phần đánh giá học phần.

(2): Liệt kê có hệ thống các bài đánh giá.

(3): Các chuẩn đầu ra được đánh giá.

(4): Tỉ lệ điểm đối với bài đánh giá trong tổng điểm học phần.

(*): Đánh giá giữa kì có thể tổ chức nhiều lần

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

a. Kế hoạch giảng dạy theo lịch trình

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức day học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá(6)
Tiết 1 đến Tiết 5	Chương 1- TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI 1.1- Sự cần thiết của phân tích chính sách kinh tế - xã hội 1.2- Các chức năng, nhiệm vụ của phân tích chính sách kinh tế - xã hội 1.3- Yêu cầu và nguyên tắc phân tích chính sách 1.4- Xây dựng các tiêu chí phân tích chính sách 1.5- Các yếu tố ảnh hưởng đến phân tích chính sách 1.6- Một số phương pháp phân tích chủ yếu	-Trình bày, hỏi-đáp -Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 5 đến Tiết 10	Chương 2- TỔ CHỨC CÔNG TÁC PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI 2.1. Xác định chủ thể phân tích chính sách 2.2- Tổ chức hệ thống phân tích chính sách 2.3- Tổ chức nhân sự phân tích chính sách 2.4- Tổ chức thông tin trong phân tích chính sách 2.5- Tổ chức trang bị kỹ thuật cho phân tích chính sách 2.6- Xây dựng thể chế về phân tích chính sách 2.7- Báo cáo kết quả phân tích	-Trình bày, hỏi-đáp -Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 10 đến Tiết 15	Thảo luận chương 1,2 Kiểm tra giữa kỳ	Nêu vấn đề; Dẫn dắt, gợi ý; - Tóm tắt và kết luận	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Chuẩn bị bài thảo luận - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết 15 đến	Chương 3. PHÂN TÍCH HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI	Trình bày, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 20	3.1- Khái niệm, mục tiêu, yêu cầu và nguyên tắc phân tích hoạch định chính sách 3.2- Phân tích tìm kiếm, lựa chọn vấn đề chính sách 3.3- Phân tích hoạch định chính sách 3.4- Nguồn tài liệu và phương pháp phân tích hoạch định chính sách 3.5- Báo cáo kết quả phân tích hoạch định chính sách	Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.		
Tiết 20 đến	Chương 4. PHÂN TÍCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI	Trình bày, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 23	4.1- Khái niệm, mục tiêu, yêu cầu và nguyên tắc phân tích thực hiện chính sách 4.2- Nguồn tài liệu và phương pháp phân tích hoạch định chính sách 4.3- Phân tích tình hình triển khai và duy trì chính sách 4.4. Phân tích các hình thức thực hiện chính sách 4.5. Phân tích các phương pháp thực hiện chính sách 4.6- Phân tích kết quả thực hiện chính sách 4.7- Báo cáo kết quả phân tích thực hiện chính sách	Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.		
Tiết 23 đến tiết 26	Chương 5. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH VÀ TỔNG KẾT CHÍNH SÁCH	Trình bày, hỏi-đáp -Thảo	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2

	5.1- Khái niệm, yêu cầu, nguyên tắc luận, và tiêu chí phân tích hoạt động đánh giá chính sách 5.2- Nguồn tài liệu và phương pháp phân tích phân tích hoạt động đánh giá chính sách 5.3- Phân tích hoạt động điều chỉnh chính sách 5.4- Phân tích hoạt động tổng kết chính sách	luận, trình bày, giải đáp	- - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.		
Tiết 26 đến tiết 30	Thảo luận chương 3,4,5	Nêu vấn đề; Dẫn dắt, gợi ý; - Tóm tắt và kết luận	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Chuẩn bị bài thảo luận - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc

(1)- PGS,TS. Phạm Văn Dũng, Giáo trình phân tích chính sách kinh tế - xã hội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.

8.2. Học liệu tham khảo:

(2)- Giáo trình hoạch định và phân tích chính sách công, Nxb Giáo dục, 2016.

(3)- PGS, TS. Nguyễn Hữu, TS. Lê Văn Hòa, Đại cương về phân tích chính sách công, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, 2013.

(4)- Triệu Văn Cường, Phân tích chi phí – Lợi ích, Nxb Lao động – Xã hội, 2016.

(5)- Cost – Benefit Analysis, Anthony E. Boardman, David H. Greenberg Aidan R. Vining, David L. Weimer, Cambridg, Fifth Edition 2018.

9. Qui định của học phần

a. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về chính sách công. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

b. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của sinh viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Sinh viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông

- Địa chỉ/email: thopq@thanhdong.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ TIỀN TỆ VÀ NGÂN HÀNG

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Lê Hoàng Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại, email: 0904173736, lehoangnga2015@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Giảng viên 2: Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0903434746, E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

Giảng viên 3: Phạm Ngọc Thắng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0903225194; E-mail: thangpn@thanhdong.edu.vn;
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng.

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần(tiếng Việt): Quản lý tiền tệ và ngân hàng (tiếng Anh): Money and banking management	
- Mã số học phần: AMB1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ:	03
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+ Số tiết thực hành:	-
+ Số tiết hoạt động nhóm:	-

+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Kinh tế học
- Học phần song hành:	Quản lý nhà nước về kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức chung về lĩnh vực tiền tệ-ngân hàng. Người học được cung cấp phương pháp tiếp cận hiện đại để hình thành tư duy phân tích, đánh giá thực tiễn các hoạt động của tiền tệ và hệ thống ngân hàng, từ đó nắm bắt được các hoạt động quản lý đối với tiền tệ và ngân hàng và vận dụng lý thuyết vào giải quyết những vấn đề quản lý nảy sinh trong lĩnh vực tiền tệ-ngân hàng của thế giới và Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của CTĐT(X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Kiến thức chung về tiền tệ và hoạt động của hệ thống ngân hàng	1.1,1.2,1.3	4,0
G2	Kỹ năng tư duy lý luận, phân tích tổng hợp; Hoàn thiện năng lực phát hiện và xử lý các vấn đề nảy sinh về lý thuyết và trong thực tiễn hoạt động tiền tệ- ngân hàng ở Việt Nam	2.1,2.2,2.3	4,0
G3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, giải quyết các vấn đề nảy sinh	3.1.3.2,3.3	5,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)(3)
G1.1	Mô tả được các kiến thức chung về tiền tệ - ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	I,T
G1.2	Giải thích được sự cần thiết của quản lý tiền tệ- ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	I,T
G1.3.	Phân tích được sự cần thiết của quản lý tiền tệ- ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	
G2.1	Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý tiền tệ- ngân hàng trong thực tiễn quản lý kinh tế ở Việt Nam	T,U

CDR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)(3)
G2.2	Vận dụng sáng tạo lý thuyết, kinh nghiệm vào thực tiễn phân tích, đánh giá tác động của chính sách tiền tệ đến hoạt động quản lý hệ thống ngân hàng; Trên cơ sở đó bước đầu hình thành năng lực dự báo những vấn đề tiền tệ- ngân hàng của Việt Nam và thế giới.	T,U
G3.1	Hình thành kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học	T,U
G3.2	Hình thành kỹ năng phối hợp nhóm và trình bày trước nhóm	T,U
G4.1	Giải quyết các vấn đề nảy sinh	U

(1):Kí hiệu CDR học phần

(2):Mô tả CDR, bao gồm các động từ Bloom, các chủ đề CDR cấp độ 4 (X.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3):Mức độ: I(Introduce):Giới thiệu, T(Teach): dạy, U(Utilize):Sử dụng.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Quản lý tiền tệ và ngân hàng với CDR Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế cho học phần Quản lý tiền tệ và ngân hàng

Quản lý tiền tệ và ngân hàng	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	5	4	4	5	4	5	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U	U	U

Chú giải:

Các CDR nhóm 1 thuộc kiến thức lập luận ngành, cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho học viên ngành Quản lý kinh tế;

- Các CDR nhóm 2 thuộc Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất, hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy hệ thống;

- Các CDR nhóm 3 thuộc Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày, khả năng phản biện và giải quyết vấn đề.

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý tiền tệ và ngân hàng kinh tế được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý tiền tệ và ngân hàng đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Mô tả được các kiến thức chung về tiền tệ - ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	2.0	1.1
G1.2	Giải thích được sự cần thiết của quản lý tiền tệ- ngân hàng trong nền kinh tế thị trường	2.0	1.2.
G2.1	Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý tiền tệ- ngân hàng trong thực tiễn quản lý kinh tế ở Việt Nam	3.0	2.1
G2.2	Vận dụng sáng tạo lý thuyết, kinh nghiệm vào thực tiễn phân tích, đánh giá tác động của chính sách tiền tệ đến hoạt động quản lý hệ thống ngân hàng; Trên cơ sở đó bước đầu hình thành năng lực dự báo những vấn đề tiền tệ- ngân hàng của Việt Nam và thế giới.	3.0	2.2
G3.1	Hình thành kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học	2.5	3.1
G3.2	Hình thành kỹ năng phối hợp nhóm và trình bày trước nhóm	3.0	3.2
G3.3	Giải quyết các vấn đề nảy sinh	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ (%) (4)
A1.Đánh giá quá trình			40%
A1.1.Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1.Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao(theonhómhoặc cá nhân)	G4.1,G4.2	05%
Thái độ học tập	A1.1.2.Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G4.1,G4.2, G3.1,G3.2	05%
A1.2.Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1.Có tài liệu học tập;	G4.1	05%
	A1.2.2.Nộp đủ sản phẩm được giao	G3.1,G3.2, G4.1,G4.2	15%
A1.3.Đánh giá giữa kì(*)			20%
	A1.3.1.Bài kiểm tra1	G1.1,G1.2,	20%
	A1.3.2.Bài kiểm tra2	G2.1,G2.2	

A2.Đánh giá cuối kì			60%
	Bài thi.bài tập tiểu luận cuối học phần	G2.1,G2.2	60%

(1):Liệt kê có hệ thống các thành phần đánh giá học phần.

(2):Liệt kê có hệ thống các bài đánh giá.

(3) Các chuẩn đầu ra được đánh giá.

(4)Tỉ lệ điểm đối với bài đánh giá trong tổng điểm học phần.

(*) Đánh giá giữa kì có thể tổ chức nhiều lần

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

a. Kế hoạch giảng dạy theo lịch trình

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết1 đến Tiết 8	Chương1: Tổng quan về tiền tệ và ngân hàng 1.1. Tổng quan về tiền tệ 1.1.1. Bản chất tiền tệ 1.1.2. Các chế độ tiền tệ 1.1.3. Cung- cầu tiền 1.2. Tổng quan về ngân hàng 1.2.1. Bản chất ngân hàng 1.2.2 Hệ thống ngân hàng hai cấp 1/2/3/ Hoạt động ngân hàng	Trình bày, hỏi-đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2 G4.1G4.2	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 9 đến Tiết 16	Chương2: Quản lý tiền tệ 2.1.Tổng quan về cơ quan quản lý tiền tệ và ngân hàng 2.1.1 Bản chất ngân hàng trung ương 2.1.2. Hoạt động của ngân hàng trung ương 2.2. Quản lý tiền tệ quốc gia 2.2.1. Thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia 2.2.2. Quản lý phát hành tiền và điều tiết lượng tiền cung ứng 2.2.3. Quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại hối 2.2.4. Kiểm soát lạm phát	Trình bày, hỏi-đáp Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G3.1 G3.2G4.1	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết 17 đến	Chương3 Quản lý ngân hàng thương mại	Trình bày, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G3.1 G3.2G4.1	A1.1, A1.3,A2
Tiết 26	3.1. Quản trị điều hành ngân hàng thương mại 3.1.1. Quản lý cấp giấy phép thành lập ngân hàng 3.1.2. Quản lý an toàn hệ thống ngân hàng 3.2. Quản lý hoạt động ngân hàng 3.2.1. Quản lý huy động vốn 3.2.2. Quản lý hoạt động cấp tín dụng 3.1.3. Quản lý hoạt động thanh toán qua tài khoản 2.1.5. Thanh tra, giám sát ngân hàng	Thảo luận, trình bày, giải đáp			
Tiết 27 đến	Chương4: Khủng hoảng tài chính- ngân hàng	Trình bày, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2 G2.1G2.2 G3.1G3.2G4.1	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 30	4.1. Tổng quan khủng hoảng tài chính- ngân hàng 4.1.1. Khái niệm khủng hoảng tài chính- ngân hàng 4.1.2 Các loại khủng hoảng tài chính- ngân hàng 4.1.3 Nguyên nhân khủng hoảng tài chính- ngân hàng 4.2. Các biện pháp ngăn ngừa và đối phó khủng hoảng 4.2.1. Vai trò của chính phủ và ngân hàng trung ương 4.2.2. Phối hợp chính sách tài chính- tiền tệ	Thảo luận, trình bày, giải đáp			

b. Kế hoạch giảng dạy theo block

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học(3)	Chuẩn bị của người học(4)
Block1 (Tiết1-3)	Chương1: Tổng quan về tiền tệ và ngân hàng 1.1. Tổng quan về tiền tệ 1.1.1. Bản chất tiền tệ 1.1.2. Các chế độ tiền tệ 1.1.3. Cung- cầu tiền	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên:	Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block2 (Tiết4-6)	Chương1 Tổng quan về tiền tệ và ngân hàng 1.2. Tổng quan về ngân hàng 1.2.1. Bản chất ngân hàng 1.2.2 Hệ thống ngân hàng hai cấp 1.2.3. Hoạt động ngân hàng	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên:	Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block3 (Tiết7-8)	Chương 2: Quản lý tiền tệ 2.1.Tổng quan về cơ quan quản lý tiền tệ và ngân hàng 2.1.1 Bản chất ngân hàng trung ương 2.1.2. Hoạt động của ngân hàng trung ương	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên:	Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block4 (Tiết7-16)	Chương2: Quản lý tiền tệ 2.2. Quản lý tiền tệ quốc gia	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ;	Đọc trước Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu;

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học(3)	Chuẩn bị của người học(4)
	2.2.1. Thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia 2.2.2. Quản lý phát hành tiền và điều tiết lượng tiền cung ứng 2.3. Quản lý ngoại hối và hoạt động ngoại hối 2.4. Kiểm soát lạm phát	- Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: các quy định về chứng khoán?...	- Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block5 (Tiết 17-18)	Chương3: Quản lý ngân hàng thương mại 3.1. Quản trị điều hành ngân hàng thương mại 3.1.1. Quản lý cấp giấy phép thành lập ngân hàng 3.1.2. Quản lý an toàn hệ thống ngân hàng	- Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm;	- Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block5 (Tiết19-tiết26)	Chương 3. Quản lý ngân hàng thương mại 3.2. Quản lý hoạt động ngân hàng 3.2.1. Quản lý huy động vốn 3.2.2. Quản lý hoạt động cấp tín dụng 3.1.3. Quản lý hoạt động thanh toán qua tài khoản	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: công ty đại chúng là gì, khung pháp luật về công ty đại chúng?...	- Đọc trước Tài liệu 2 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block6 (Tiết27-30)	Chương4. Khủng hoảng tài chính- ngân hàng 4.1. Tổng quan khủng hoảng tài chính- ngân hàng 4.1.1. Khái niệm	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên ; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng;	- Đọc trước Tài liệu 1,2 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học(3)	Chuẩn bị của người học(4)
	4.1.2 Các loại khủng- hoảng tài chính- ngân hàng 4.1.3 Nguyên nhân 4.2. Các biện pháp ngăn ngừa và đối phó khủng hoảng 4.2.1. Vai trò của chính phủ và ngân hàng trung ương 4.2.2. Phối hợp chính sách tài chính- tiền tệ	Nêu vấn đề kích lệ học- viên:	thành nhiệm vụ được giao

8. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm...)

a. Tài liệu bắt buộc

1. PGS, TS. Nguyễn Thị Mùi, *Lý thuyết tiền tệ và ngân hàng*, 2020, NXB Tài chính
2. Trịnh Thị Hoa Mai (chủ biên). *Giáo trình Kinh tế học tiền tệ- Ngân hàng*. NXB ĐHQG Hà Nội 2020

b. Học liệu tham khảo:

3. Fredric. S. Mishkin. *Tiền tệ- ngân hàng và thị trường tài chính* 2012, NXB Khoa học và kỹ thuật. Hà Nội
4. Paul R. Krugman- Maurice Obstfeld. *Kinh tế học quốc tế- Lý thuyết và chính sách*- Tập II, 1996. NXB CTQG Hà Nội
7. *Luật Ngân hàng Nhà nước*, 2010,
6. *Luật Các tổ chức tín dụng* 2017
7. George Soros. *Mô thức mới cho thị trường tài chính- Khủng hoảng tín dụng năm 2008 và ý nghĩa của nó*. NXB Trí thức 2008
8. Tạp chí Ngân hàng; Đầu tư chứng khoán; Chứng khoán Việt Nam.

9. Qui định của học phần

9.1. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về ngân hàng và luật pháp. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

9.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của sinh viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Sinh viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

10. Phụ trách học phần

- Khoa phụ trách: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông

- Địa chỉ/email: lehoangnga2015@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Thị Kim Liên

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương;
- Điện thoại, email: 0366440688; email: lienntk@thanhdong.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý doanh nghiệp, Quản lý tài nguyên môi trường, Hội nhập kinh tế quốc tế, Quản lý công nghiệp.

Giảng viên 2: Hoàng Bằng An

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương;
- Điện thoại: 0915892336; E-mail: anhoangbang@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 3: Đinh Văn Dần

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính; Tiến sĩ;
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Điện thoại: 0965185115
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế; Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Phát triển nông thôn.

1.2. Thông tin về học phần

<i>Học phần tiên quyết (prerequisites):</i> Không	
- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý doanh nghiệp (Business Administration)	
- Mã số học phần: CPM1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	02
+ Số tiết lý thuyết	20
+ Số tiết thảo luận	05
+ Số tiết ứng dụng	05
+ Số tiết hoạt động nhóm	-
+ Số tiết tự nghiên cứu	60

- Học phần song hành	Quản lý nhà nước về kinh tế
- Học phần bổ sung	Nghệ thuật lãnh đạo

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp những kiến thức và phương pháp quản lý doanh nghiệp mới trong từng giai đoạn thích hợp. Ra những quyết định đúng có tính sáng tạo, linh hoạt và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Có cái nhìn tổng quan của mỗi loại hình doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế hội nhập; Nắm vững tổng quan về quản lý doanh nghiệp; quản lý kế hoạch, tổ chức, kiểm tra giám sát và ra quyết định quản lý đúng có hiệu quả; Biết quản lý nhân sự giỏi, áp dụng những hình thức trả công, chế độ lương thưởng thích hợp để khuyến khích lao động yên tâm Sản xuất với năng suất chất lượng và hiệu quả cao nhất. Quản lý các yếu tố đầu vào và đầu ra trong doanh nghiệp và làm tốt công tác quản lý marketing cũng như quản lý chi phí Sản xuất, tài chính trong điều kiện phát triển khoa học công nghệ mới nhất là Công nghệ 4.0. Phát huy bản sắc văn hóa doanh nghiệp và quản lý tốt đạo đức, tính chuyên nghiệp, bản sắc của quản lý truyền thống với quản lý hiện đại trong công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao nhất.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Cung cấp cho Học viên có kiến thức và kỹ năng về quản lý doanh nghiệp thích ứng với nền kinh tế thị trường trong giai đoạn phát triển mới ở Việt nam và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.	1.1,1.2,1.3	4,0
2	Giúp cho người học biết vận dụng những kiến thức mới vào quản lý doanh nghiệp và tìm ra các phương án chiến lược có tính khả thi nhất trong hiện tại cũng như tương lai;	2.1,2.2,2.3	4,0
3	Học viên nắm và sử dụng được các công cụ quản lý mới vào các tình huống cụ thể trong thực tế quản lý của doanh nghiệp phù hợp ở từng địa phương, từng ngành kinh tế, từng doanh nghiệp cụ thể trong mỗi giai đoạn đạt kết quả và hiệu quả cao nhất.	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Mô tả được các kiến thức chung về quản lý doanh nghiệp; Kế hoạch doanh nghiệp; Tổ chức doanh nghiệp; Lãnh đạo doanh nghiệp; Kiểm tra, phân cấp trong quản lý và các kỹ năng quản lý; Vai trò nhà quản lý; lý thuyết và các quyết định về quản lý doanh nghiệp.	I,T
G1.2	Giải thích được sự cần thiết của quản lý doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	I,T
G1.3	Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý doanh nghiệp nhà nước vào giải quyết một số vấn đề của thực tiễn hoạt động quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam	T,U
G2.1	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức cơ bản về quản lý doanh nghiệp nhà nước vào giải quyết một số vấn đề của thực tiễn hoạt động quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam	T,U
G2.2	Có kỹ năng vận dụng sáng tạo lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	T,U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện các điểm mới về lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	T,U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận về lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	T,U
G3.3	Dám đề xuất, khuyến cáo và chịu trách nhiệm về lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Quản lý doanh nghiệp với CDR Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế cho học phần Quản lý doanh nghiệp

Quản lý doanh nghiệp	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	5	4	4	5	4	5	4
Mức độ giảng dạy ITU	IT	IT	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý doanh nghiệp được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý doanh nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Mô tả được các kiến thức chung về quản lý doanh nghiệp; Kế hoạch doanh nghiệp; Tổ chức doanh nghiệp; Lãnh đạo doanh nghiệp; Kiểm tra, phân cấp trong quản lý và các kỹ năng quản lý; Vai trò nhà quản lý; lý thuyết và các quyết định về quản lý doanh nghiệp.	4,0	1.1
G1.2	Giải thích được sự cần thiết của quản lý doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	4,0	1.2
G1.3	Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý doanh nghiệp nhà nước vào giải quyết một số vấn đề của thực tiễn hoạt động quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam	5,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức cơ bản về quản lý doanh nghiệp nhà nước vào giải quyết một số vấn đề của thực tiễn hoạt động quản lý doanh nghiệp ở Việt Nam	4,0	2.1
G2.2	Có kỹ năng vận dụng sáng tạo lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	4,0	2.2

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G2.3	Có kỹ năng phổ biến lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	5,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các điểm mới về lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận về lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	5,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất, khuyến cáo và chịu trách nhiệm về lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về kinh tế trong lãnh đạo, điều hành và thực thi quản lý doanh nghiệp; chủ động phân tích, đánh giá và đề xuất các chính sách quản lý doanh nghiệp.	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ (%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			40%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1.Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao(theonhómhoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2.Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,g3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1.Có tài liệu học tập;	G3.1,G3.2,G3.3	05%
	A1.2.2.Nộp đủ sản phẩm được giao	G3.1,G3.2,G3.3	15%
A1.3. Đánh giá giữa kì			20%
	A1.3.1.Bài kiểm tra1	G1.1,G1.2,	20%
	A1.3.2.Bài kiểm tra2	G2.1,G2.2	

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CĐR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ (%) (4)
A2. Đánh giá cuối kì			60%
	Bài thi.bài tập tiểu luận cuối học phần	G2.1,G2.2,G2.3 G3.1,G3.2,G3.3	60%

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về doanh nghiệp

- 1.1. Quan điểm và khái niệm về doanh nghiệp
- 1.2. Phân loại doanh nghiệp
- 1.3. Bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh doanh nghiệp
- 1.4. Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất và đơn vị phân phối
- 1.5. Môi trường hoạt động của doanh nghiệp
- 1.6 Thành lập, giải thể và phá sản doanh nghiệp

Chương 2: Tổng quan của quản lý doanh nghiệp

- 2.1. Khái niệm, vai trò, chức năng của quản lý doanh nghiệp
- 2.2. Kế hoạch doanh nghiệp
- 2.3. Tổ chức doanh nghiệp
- 2.4. Lãnh đạo doanh nghiệp
- 2.5. Kiểm tra, phân cấp trong quản lý và các kỹ năng quản lý
- 2.6. Vai trò nhà quản lý; lý thuyết và các quyết định về quản lý

Chương 3: Quản lý nhân sự trong doanh nghiệp

- 3.1 Khái niệm, vai trò, mục tiêu và chức năng của quản lý nhân sự trong doanh nghiệp
- 3.2 Khái niệm, ý nghĩa, nội dung, các bước và các phương pháp phân tích công việc trong doanh nghiệp
- 3.3 Nguồn lao động, bố trí và sử dụng lao động
- 3.4 Đào tạo và phát triển nhân lực trong doanh nghiệp
- 3.5 Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên
- 3.6 Trả công lao động (tiền lương) và chế độ đãi ngộ trong doanh nghiệp

Chương 4: Quản lý cung ứng các yếu tố đầu vào trong doanh nghiệp

- 4.1 Khái niệm và phương pháp phân tích lựa chọn cung ứng đầu vào
- 4.2 Quản lý mua sắm (nhu cầu và kế hoạch mua sắm các đầu vào)
- 4.3 Quản lý dự trữ (tồn kho)
- 4.4 Hệ thống lượng đặt hàng cố định

Chương 5: Quản lý tiêu thụ sản phẩm đầu ra và marketing trong doanh nghiệp

- 5.1 Quản lý tiêu thụ sản phẩm (Thị trường và kênh tiêu thụ sản phẩm)
- 5.2 Khái niệm, vai trò, quá trình phát triển marketing trong doanh nghiệp

5.3 Marketing hỗn hợp.

5.4 Hành vi của người tiêu dùng

5.5 Phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu

5.6 Chính sách sản phẩm

5.7 Chính sách giá cả

5.7 Chính sách phân phối

5.8 Chính sách xúc tiến bán hàng (chiêu thị)

Chương 6: Quản lý Tài chính và quản lý văn hóa công sở trong doanh nghiệp

6.1 Quản lý thu chi tài chính (Quản lý thu, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và hạch toán trong doanh nghiệp)

6.2 Quản lý văn hóa công sở trong doanh nghiệp. (xây dựng văn hóa; nội dung văn hóa doanh nghiệp; Tổ chức thực thi văn hóa công sở trong doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa...))

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: tham gia dự đủ số giờ
- Thảo luận, bài tập: Hoàn thành bài tập và tham gia thảo luận
- Dụng cụ học tập: Overhead, máy tính cá nhân

9. Tài liệu học tập

a. Tài liệu bắt buộc

- (1) PGS.,TS. Nguyễn Ngọc Huyền; GT Quản trị kinh doanh; NXB ĐHKQTĐ – 2019
- (2) Đinh Văn Dần – Nguyễn Viết Đăng – Quyền Đình Hà : GT Kinh tế thương mại và dịch vụ NXBNN (2009)
- (3) Đinh Văn Dần BG: Quản lý doanh Nghiệp (2009) QLDN nâng cao (2014) Trường ĐH Thành Đông.
- (4) Đinh Văn Dần BG: Quản trị marketing nâng cao Trường ĐH thành Đông (2014)
- (5) Đinh Văn Dần – Dương Văn Hiếu- Nguyễn Thị Minh Thu; GT Kinh tế ngành sản xuất (NXB tài Chính) 2019

b. Tài liệu tham khảo

- (6) Clifford M. Baumbach. Ph.D; Tổ chức và điều hành doanh nghiệp nhỏ; NXB khoa học kỹ thuật (1996) Sách dịch.
- (7) David Colman và Trevor Young; Nguyên lý kinh tế nông nghiệp Thị trường và giá cả trong các nước đang phát triển (NXBNN 1994) Sách dịch
- (8) Nguyễn Văn Diễm và Nguyễn Ngọc Quân (2007). Giáo trình quản trị nguồn nhân lực. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
- (9) Trần Xuân Cầu và Mai Quốc Chánh (2008). Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Hữu Ngoan

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên cao cấp, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0913394482; Email: nhngoan1952@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 2: Ngô Văn Hải

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, giảng viên chính,
- Thời gian, địa điểm làm việc: toàn thời gian, Trường Đại học Thành Đông, Số 3 Vũ Công Đán, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế & QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Số 3 Vũ Công Đán, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0913 539 593 Email ngohaiivkt@gmail.com

Giảng viên 3: Đinh Văn Đán

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính; Tiến sỹ;
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Điện thoại: 0965185115, Email: dinhvandandhn1.2022@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế; Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Phát triển nông thôn.

1.2. Thông tin về học phần

<i>Học phần tiên quyết (prerequisites):</i> Không	
- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý dự án (Project Management)	
- Mã số học phần: PMN1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ	02
+ Số tiết lý thuyết	15
+ Số tiết thảo luận	05
+ Số tiết ứng dụng	10

+ Số tiết tự nghiên cứu	60
- Học phần song hành	Quản lý nhà nước về kinh tế
- Học phần bổ sung	Nghệ thuật lãnh đạo

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp những kiến thức về quy trình xây dựng và quản lý chương trình, dự án. Giúp cho người ra quyết định có cái nhìn tổng quan của một chương trình dự án, và xem xét tính khả thi của một dự án.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
1	Cung cấp cho người học các phương pháp luận về quản lý chương trình, dự án.	1.1,1.21.3	4,0
2	Giúp cho người học nắm được các bước xây dựng một chương trình, dự án và các công thức để ứng dụng vào việc tìm ra các phương án khả thi nhất.	2.1,2.2,2.3	4,0
3	Học viên nắm và sử dụng được các công cụ vào các tình huống cụ thể trong thực tế. Giải quyết các phát sinh trong quản lý.	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)(3)
G1.1	Nhớ và hiểu các kiến thức về quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	I, T,U
G1.2	Vận dụng được các kiến thức về quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án ở Việt Nam.	I, T,U
G1.3	Phân tích và đánh giá được quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án ở Việt Nam.	I,T, U
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	T, U

CDR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)(3)
G2.3	Có kỹ năng phổ biến quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	T, U
G3.1	Có năng lực phát hiện các nội dung mới quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận về quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	T, U
G3.3	Dám đề xuất, khuyến cáo và chịu trách nhiệm về nội dung, quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Quản lý dự án với CDR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế cho học phần Quản lý dự án

Quản lý dự án	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý dự án đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Nhớ và hiểu các kiến thức về quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	4,0	1.1
G1.2	Vận dụng được các kiến thức về quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án ở Việt Nam.	4,0	1.2
G2.3	Phân tích và đánh giá được quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án ở Việt Nam.	4,0	1.3

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	4,0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	4,0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các nội dung mới quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	4,0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận về quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	4,0	3.2.
G3.3	Dám đề xuất, khuyến cáo và chịu trách nhiệm về nội dung, quy trình xây dựng, nội dung và quản lý chương trình, dự án.	4,0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ (%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			40%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1.Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao(theonhómhoặc cá nhân)	G3.1,G3.2, G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2.Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2, G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1.Có tài liệu học tập;	G4.1	05%
	A1.2.2.Nộp đủ sản phẩm được giao	G3.1,G3.2, G3.3	15%
A1.3. Đánh giá giữa kì(*)			20%
	A1.3.1.Bài kiểm tra1	G1.1,G1.2,	20%
	A1.3.2.Bài kiểm tra2	G2.1,G2.2	
A2. Đánh giá cuối kì			60%
	Bài thi.bài tập tiểu luận cuối học phần	G2.1,G2.2	60%

7. Kế hoạch giảng dạy

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá(6)
Tiết 1 đến Tiết 3	Chương 1: Nhập môn 1.1. Bản chất, khái niệm, đặc điểm của quản lý chương trình, dự án. 1.2. Mối quan hệ giữa quản lý chương trình, dự án và các hệ thống sản xuất khác. 1.3. Tổng quan về chương trình, dự án. 1.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự thành công của chương trình, dự án.	-Trình bày, hỏi-đáp -Thảo luận, trình bày, giải- đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi- đáp và trình bày.	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G3.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 4 đến Tiết 6	Chương 2: Xây dựng chương trình, dự án 2.1. Xây dựng mục tiêu, kết quả và các hoạt động của chương trình, dự án 2.2. Phương pháp khung logic 2.3. Phân tích các rủi ro của chương trình, dự án 2.4. Phân tích các tác động của chương trình, dự án	-Trình bày, hỏi-đáp -Thảo luận, trình bày, giải- đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi- đáp và trình bày.	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G3.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 7 đến Tiết 9	Chương 3: Quản lý dự án 3.1. Vai trò, chức năng của Nhà quản trị chương trình, dự án 3.2. Xây dựng cơ cấu bộ máy tổ chức của một chương trình, dự án	-Trình bày, hỏi-đáp -Thảo luận, trình bày, giải- đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi- đáp và trình bày.	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G3.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá(6)
Tiết 9 đến Tiết 12	Chương 4: Giám sát và đánh giá dự án 4.1. Các phương pháp đánh giá chương trình, dự án 4.2. Đánh giá tài chính, kinh tế, cho một chương trình, dự án	-Trình bày, hỏi-đáp -Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G3.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2
Tiết 13 đến Tiết 15	Chương 5 Phân tích Kinh tế xã hội và môi trường của chương trình và quản lý dự án 5.1. Phân tích kinh tế 5.2. Phân tích tài chính 5.2. Phân tích xã hội 5.3. Phân tích Môi trường	-Trình bày, hỏi-đáp -Thảo luận, trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị hỏi-đáp và trình bày.	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G3.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

8. Nguồn học liệu(các giáo trình ,tài liệu tham khảo,các phần mềm...)

a. Tài liệu bắt buộc

(1) Đỗ Kim Chung, Dự án phát triển Nông thôn (2009)

(2) Đinh Văn Dần, Lập và Phân Tích dự án (2009)

b. Tài liệu tham khảo

(3). PGS,TS Đoàn Thị Thu Hà, PGS,TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền, TS. Đỗ Thị Hải Hà, Giáo trình Quản lý học, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.

(4) *Các kỹ năng quản lý hiệu quả*, NXB Tổng hợp TpHCM, 2006.

(5) W.Bennis: *Để trở thành nhà quản lý giỏi*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2004

(6). A. Thompson, Jr. & A J.J.Strickland III, Strategic Management: Concepts & Cases, Richard D.Iwin, 1993.

(8) David I. Cleland, Project management: strategic design and implementation, 3rd edition, New York: McGraw-Hill, 1999.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QUẢN LÝ KINH TẾ DỊCH VỤ

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Quốc Ngữ

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh - Đại học Thành Đông
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh,
- Điện thoại: 0913246267, E-mail: ngu77904@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế dịch vụ; Kinh tế Tài nguyên - Môi trường

Giảng viên 2: Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD
- Điện thoại: 0903434746, E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

Giảng viên 3: Hoàng Bằng An

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương;
- Điện thoại: 0915892336; E-mail: anhoangbang@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý kinh tế dịch vụ (Service Economics Management)	
- Mã số học phần: SEM1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết thực hành:	-
+ Số tiết hoạt động nhóm:	-

+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần Quản lý Kinh tế dịch vụ là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế và ngành Quản trị kinh doanh, gồm 04 nội dung kiến thức về Dịch vụ và Kinh tế dịch vụ; các ngành dịch vụ phổ biến; Dịch vụ công và quản lý dịch vụ công; Xu hướng phát triển ngành dịch vụ trên thế giới hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của ngành dịch vụ Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT(X.x.x)	TĐNL
G1	Kiến thức về các qui luật kinh tế, xã hộithông thường ứng dụng trong lĩnh vực Dịch vụ	1.1,1.2,1.3	4,0
G2	Kỹ năng vận dụng các qui luật kinh tế, xã hội để giải thích các qui luật phát triển Dịch vụ	2.1,2.2,2.3	4,0
G3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm về phát hiện, đề xuất và tổ chức thực hiện quản lý kinh tế dịch vụ	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Mô tả được các khái niệm Dịch vụ, bản chất Dịch vụ, các đặc điểm cơ bản của Dịch vụ, phân loại dịch vụ, chất lượng dịch vụ và các yếu tố ảnh hưởng chất lượng dịch vụ, vai trò của dịch vụ; Kinh tế Dịch vụ, vai trò của kinh tế dịch vụ, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu môn học kinh tế dịch vụ.	I, T
G1.2	Giải thích được vị trí, vai trò của kinh tế dịch vụ đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia, địa phương.	I, T
G1.3	Phân tích và đánh giá được hướng phát triển ngành dịch vụ trên thế giới hiện nay	I,T,U

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G2.1	Có kỹ năng phân tích và Vận dụng sự hiểu biết về bản chất dịch vụ, các điểm cơ bản của dịch vụ; chất lượng dịch vụ và các yếu tố ảnh hưởng chất lượng dịch vụ; kinh tế dịch vụ, vai trò của kinh tế dịch vụ,... để nghiên cứu, đề xuất dự án, phương án hoàn thiện, phát triển các lĩnh vực dịch vụ ở, doanh nghiệp, địa phương.	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các xu hướng phát triển ngành dịch vụ trên thế giới hiện nay ... để giải thích, cảnh báo và ngăn ngừa các quá trình phát triển ngành dịch vụ ở từng địa phương, cả nước chưa hiệu quả.	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến xu hướng phát triển ngành dịch vụ trên thế giới hiện nay để phát triển ngành dịch vụ ở từng địa phương, cả nước.	T,U
G3.1	Hình thành kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học	T, U
G3.2	Hình thành kỹ năng phối hợp nhóm và trình bày trước nhóm	T, U
G3.3	Giải quyết các vấn đề nảy sinh	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Quản lý kinh tế dịch vụ với CĐR Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Quản lý Kinh tế cho học phần Quản lý Kinh tế dịch vụ

Quản lý kinh tế dịch vụ	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Ghi chú:

- Các CĐR nhóm 1 thuộc Kiến thức lập luận ngành, cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho học viên ngành Quản lý Kinh tế và các ngành liên quan đến Kinh tế;
- Các CĐR nhóm 2 thuộc Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất, hình thành cho học viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy hệ thống;
- Các CĐR nhóm 3 năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kinh tế Dịch vụ được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Kinh tế Dịch vụ đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Mô tả được các khái niệm Dịch vụ, bản chất Dịch vụ, các đặc điểm cơ bản của Dịch vụ, phân loại dịch vụ, chất lượng dịch vụ và các yếu tố ảnh hưởng chất lượng dịch vụ, vai trò của dịch vụ; Kinh tế Dịch vụ, vai trò của kinh tế dịch vụ, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu môn học kinh tế dịch vụ.	4,0	1.1
G1.2	Giải thích được vị trí, vai trò của kinh tế dịch vụ đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia, địa phương.	4,0	1.2.
G1.3.	Phân tích và đánh giá được hướng phát triển ngành dịch vụ trên thế giới hiện nay	4,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích và Vận dụng sự hiểu biết về bản chất dịch vụ, các điểm cơ bản của dịch vụ; chất lượng dịch vụ và các yếu tố ảnh hưởng chất lượng dịch vụ; kinh tế dịch vụ, vai trò của kinh tế dịch vụ,... để nghiên cứu, đề xuất dự án, phương án hoàn thiện, phát triển các lĩnh vực dịch vụ ở, doanh nghiệp, địa phương.	4,0	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các xu hướng phát triển ngành dịch vụ trên thế giới hiện nay ... để giải thích, cảnh báo và ngăn ngừa các quá trình phát triển ngành dịch vụ ở từng địa phương, cả nước chưa hiệu quả.	4,0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến xu hướng phát triển ngành dịch vụ trên thế giới hiện nay để phát triển ngành dịch vụ ở từng địa phương, cả nước.	4,0	2.3
G3.1	Hình thành kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học	4,0	3.1
G3.2	Hình thành kỹ năng phối hợp nhóm và trình bày trước nhóm	4,0	3.2
G3.3	Giải quyết các vấn đề nảy sinh	4,0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần(Gx.x)	Tỉ lệ(%)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1,G3.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			20%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G4.1	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.3	15%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			20%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1, G1.2,	20%
	A1.3.2. Bài kiểm tra 2 (kiểm tra bù)	G2.1, G2.2	
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Trắc nghiệm khách quan	G2.1, G2.2	50%

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 1 đến Tiết 9	Chương 1: Dịch vụ và Kinh tế Dịch vụ 1.1. Dịch vụ 1.1.1 Khái niệm Dịch vụ 1.1.2 Bản chất Dịch vụ 1.1.3 Đặc điểm cơ bản của Dịch vụ 1.1.4 Phân loại Dịch vụ 1.1.5 Chất lượng Dịch vụ và các yếu tố ảnh hưởng CLDV 1.1.6 Vai trò của Dịch vụ	Trình bày, học tập, phát vấn, hỏi-đáp Thảo luận và trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 6 đến trang 26 của tài liệu GT; - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1,G1.2 G2.3 G2.1, G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	1.2. Kinh tế Dịch vụ 1.2.1 Khái niệm 1.2.2 Vai trò của Kinh tế Dịch vụ 1.2.3 Đối tượng nghiên cứu Kinh tế Dịch vụ 1.2.4 Nhiệm vụ nghiên cứu 1.2.5 Phương pháp nghiên cứu				
Tiết 10 đến Tiết 19	Chương 2: Các ngành Dịch vụ phổ biến 2.1. Thương mại 2.2. Vận tải - Logistics 2.3. Bưu chính - Viễn thông 2.4. Ngân hàng, tài chính 2.5. Bảo hiểm 2.6. Kinh doanh bất động sản 2.7. Khách sạn, nhà hàng 2.8. Y tế, chăm sóc sức khỏe Thảo luận: câu hỏi ôn tập chương 2	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp Thảo luận và trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 26 đến trang 73 của tài liệu GT; - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1, G1.2 G2.3 G2.1, G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2
Tiết 20 đến Tiết 25	Chương 3: Quản lý nhà nước đối với dịch vụ công, kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam 3.1. Dịch vụ công 3.2. Quản lý Dịch vụ công	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 74 đến trang 95 của tài liệu GT. - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	G1.1, G1.2 G2.3 G2.1, G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 26 đến Tiết 30	Chương 4: Xu hướng phát triển ngành Dịch vụ trên thế giới hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với phát triển ngành Dịch vụ ở Việt Nam 4.1. Xu hướng 1: Kinh tế thế giới đang chuyển đổi sang nền kinh tế dịch vụ 4.2. Xu hướng 2: Công nghệ thông tin thúc đẩy toàn bộ ngành dịch vụ phát triển còn tài chính - ngân hàng và dịch vụ kinh doanh là những ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất 4.3 Xu hướng 3: Sản phẩm dịch vụ ngày càng có tính chất của sản phẩm hàng hóa 4.4 Xu hướng 4: Thuê ngoài (Outsourcing) ngày càng tăng trong ngành dịch vụ. Một trong những yếu tố thúc đẩy ngành dịch vụ hiện nay phát triển là xu hướng các công ty “thuê ngoài” nhiều hơn đối với các hoạt động trước đây vẫn tự mình tiến hành 4.5 Xu hướng 5: FDI vào ngành dịch vụ tăng nhanh và vượt quá FDI vào ngành chế tạo 4.6 Xu hướng 6: Thương mại	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp Thảo luận và trình bày, giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 96 đến trang 108 của tài liệu GT; - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1, G1.2, G2.3, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	dịch vụ (quốc tế) gia tăng song tỷ trọng vẫn kém xa thương mại hàng hóa 4.7 Xu hướng 7: Năng suất trong ngành dịch vụ không tăng nhanh 4.8 Giải pháp phát triển ngành dịch vụ Việt Nam trong thời kỳ hội nhập Thảo luận: chương 4				

Kế hoạch giảng dạy theo block

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 1 (Tiết 1-2)	Chương 1: Dịch vụ và Kinh tế Dịch vụ 1.1 Dịch vụ 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Bản chất dịch vụ 1.1.3 Đặc điểm cơ bản của Dịch vụ	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Hoạt động Dịch vụ có phải là hoạt động kinh tế phổ biến ?	- Đọc trước Tài liệu từ mục 1.1.1 đến hết mục 1.1.3 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 2 (Tiết 3-4)	Chương 1: Dịch vụ và Kinh tế Dịch vụ 1.1.4 Phân loại Dịch vụ 1.1.5 Chất lượng Dịch vụ và các yếu tố ảnh hưởng CLDV 1.1.6 Vai trò của Dịch vụ	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học	- Đọc trước từ mục 1.1.4 đến 1.1.6 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
		viên: nếu thiếu hoạt động dịch vụ thì nền kinh tế có phát triển hay không ? cuộc sống của con người gặp khó khăn gì ?	thành nhiệm vụ được giao
Block 3 (Tiết 5-6)	Chương 1: Dịch vụ và Kinh tế Dịch vụ 1.2.1 Khái niệm 1.2.2 Vai trò của Kinh tế Dịch vụ	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Kinh tế Dịch vụ Công nghiệp, Nông nghiệp ở những điểm nào ?	- Đọc trước mục 1.2.1 và 1.2.2 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 4 (Tiết 7-8)	Chương 1: Dịch vụ và Kinh tế Dịch vụ 1.2.3 Đối tượng nghiên cứu Kinh tế Dịch vụ 1.2.4 Nhiệm vụ nghiên cứu 1.2.5 Phương pháp nghiên cứu	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Quá trình nghiên cứu Kinh tế Dịch vụ có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu các lĩnh vực kinh tế khác được không ? tại sao ?	- Đọc trước mục 1.2.3 và 1.2.5 của Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 5 (Tiết 9)	Chương 1: Dịch vụ và Kinh tế Dịch vụ Thảo luận: Kinh tế Dịch vụ là ngành kinh tế hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển	Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm; Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình	- Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
		bày kết quả nhóm; - - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	
Block 5 (Tiết 10-11)	Chương 2: Các ngành Dịch vụ phổ biến 2.1 Dịch vụ Thương mại 2.2 Dịch vụ Vận tải - Logistics	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Chất lượng dịch vụ thương mại và dịch vụ vận tải có gì giống và khác nhau ?	- Đọc trước mục 2.1 và 2.2 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 6 (Tiết 11-12)	Chương 2: Các ngành Dịch vụ phổ biến 2.3 Dịch vụ Bảo chính - Viễn thông 2.4 Ngân hàng, tài chính	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của dịch vụ Bảo chính - Viễn thông và dịch vụ Ngân hàng Tài chính có gì giống và khác nhau ?	- Đọc trước mục 2.3 và 2.4 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 7 (Tiết 13-14)	Chương 2: Các ngành Dịch vụ phổ biến 2.5 Bảo hiểm 2.6 Kinh doanh bất động sản	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV;	- Đọc trước mục 2.5 và 2.6 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
		- Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Tại sao 2 ngành dịch vụ này ít phát triển ở vùng nông thôn ?	- Khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 8 (Tiết 15-16)	Chương 2: Các ngành Dịch vụ phổ biến 2.7 Khách sạn, nhà hàng 2.8 Y tế, chăm sóc sức khỏe	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Yếu tố nào là quan trọng nhất quyết định chất lượng dịch vụ y tế	- Đọc trước mục 2.7 và 2.8 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 9 (Tiết 17-18)	Chương 2: Các ngành Dịch vụ phổ biến Thảo luận: Trong các ngành Dịch vụ phổ biến nêu trên ngành dịch vụ nào được gọi là dịch vụ thiết yếu	- Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	- Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block 10 (Tiết 19-20)	Chương 3: Quản lý nhà nước đối với dịch vụ công, kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam 3.1. Dịch vụ công 3.2. Quản lý Dịch vụ công	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ sinh viên: tại sao phải quản lý dịch vụ công ?	- Đọc trước mục 3.1 và 3.2 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 11 (Tiết 21-22)	Chương 3: Quản lý nhà nước đối với dịch vụ công, kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam 3.3 Kinh nghiệm quốc tế về Quản lý Dịch vụ công 3.4 Đổi mới Quản lý Dịch vụ công ở Việt Nam	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: tại sao phải đổi mới quản lý dịch vụ công ở nước ta ?	- Đọc trước mục 3.3 và 3.4 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 12 (Tiết 23-25)	Chương 3: Quản lý nhà nước đối với dịch vụ công, kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam Thảo luận: Tại sao Nhà nước khuyến khích khu vực kinh tế ngoài nhà nước tham gia cung cấp dịch vụ công	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ sinh viên: tại sao một số lĩnh vực dịch vụ công nhà nước chưa mạnh dạn giao cho khu vực kinh tế tư nhân ?	- Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block 13 (Tiết 26-27)	Chương 4: Xu hướng phát triển ngành Dịch vụ trên thế giới hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với phát triển ngành Dịch vụ ở Việt Nam 4.1. Xu hướng 1: Kinh tế thế giới đang chuyển đổi sang nền kinh tế dịch vụ 4.2. Xu hướng 2: Công nghệ thông tin thúc đẩy toàn bộ ngành dịch vụ phát triển còn tài chính - ngân hàng và dịch vụ	- Kiểm tra tự học: Học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ sinh viên: tại sao kinh tế thế giới phải chuyển đổi sang nền kinh tế dịch vụ ?; vai trò của công nghệ thông tin đối với	- Đọc trước mục 4.1; 4.2; 4.3 và 4.4 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	kinh doanh là những ngành nghề dịch vụ ?; tại sao dịch vụ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất 4.3 Xu hướng 3: Sản phẩm dịch vụ ngày càng có tính chất của sản phẩm hàng hóa 4.4 Xu hướng 4: Thuê ngoài (Outsourcing) ngày càng tăng trong ngành dịch vụ. Một trong những yếu tố thúc đẩy ngành dịch vụ hiện nay phát triển là xu hướng các công ty “thuê ngoài” nhiều hơn đối với các hoạt động trước đây vẫn tự mình tiến hành	ngành dịch vụ ?; tại sao thuê ngoài ngày càng tăng trong ngành dịch vụ ?	
Block 14 (Tiết 28-29)	Chương 4: Xu hướng phát triển ngành Dịch vụ trên thế giới hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với phát triển ngành Dịch vụ ở Việt Nam 4.5 Xu hướng 5: FDI vào ngành dịch vụ tăng nhanh và vượt quá FDI vào ngành chế tạo 4.6 Xu hướng 6: Thương mại dịch vụ (quốc tế) gia tăng song tỷ trọng vẫn kém xa thương mại hàng hóa 4.7 Xu hướng 7: Năng suất trong ngành dịch vụ không tăng nhanh 4.8 Giải pháp phát triển ngành dịch vụ Việt Nam trong thời kỳ hội nhập	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; Giải thích các câu hỏi của HV; Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; Nêu vấn đề kích lệ học viên: tại sao đầu tư FDI vào ngành dịch vụ tăng nhanh và vượt quá FDI vào ngành chế tạo ?; tại sao tỷ trọng thương mại dịch vụ (quốc tế) kém xa tỷ trọng thương mại hàng hóa ?; vì sao năng suất trong ngành dịch vụ tăng chậm ?	Đọc trước mục 4.5; 4.6; 4.7 và 4.8 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 15 (Tiết 30)	Chương 4: Xu hướng phát triển ngành Dịch vụ trên thế giới hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với phát triển ngành Dịch vụ ở Việt Nam Thảo luận: Việt Nam phải làm gì để thích ứng với xu hướng của thế giới về phát triển ngành dịch vụ ?	Tổ chức cho học viên thảo luận theo nhóm; Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).

Số tín chỉ của Học phần là 02 nên mỗi tuần học 2 tiết/buổi, do đó Block được thiết kế theo 2 tiết cho mỗi block.

8. Nguồn học liệu

a. Tài liệu bắt buộc

- (1) Nguyễn Quốc Ngữ và Nguyễn Thị Thu Quỳnh, 2021. Giáo trình Kinh tế Dịch vụ. Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- (2). TS. Hà Văn Hội (2023), Quản Trị Doanh Nghiệp Kinh Doanh Dịch Vụ, Nxb Bru điện.

b. Tài liệu tham khảo thêm

- (3). TS. Hà Nam Khánh Giao (2023), Đo lường chất lượng dịch vụ tại Việt Nam từ phía khách hàng.
- (3) <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/cac-khu-vuc-kinh-te>.

9. Qui định của học phần

a. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô và Kinh tế Phát triển. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho học viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của học viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

b. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích

cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.
- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Thành Đông.
- Địa chỉ/email: ngu77904@gmail.com.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG THÔN

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Đinh Văn Đăn

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính; Tiến sỹ;
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh trường Đại học Thành Đông,
- Điện thoại: 0965185115, Email: dingvandan,dhn1.2022@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế; Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Phát triển nông thôn.

Giảng viên 2: Hoàng Bằng An

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: toàn thời gian, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại, email: 0915892336, anhoangbang@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế nông thôn; QLKT nông nghiệp

Giảng viên 3: Ngô Văn Hải

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, giảng viên chính,
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, Trường Đại học Thành Đông, Số 3 Vũ Công Đán, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế & QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Số 3 Vũ Công Đán, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0913 539 593 Email: ngohaivkt@gmail.com

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý kinh tế nông thôn (Rural Economic Management)	
- Mã số học phần: REM1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	25
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	5
+ Số tiết tự học:	60

Học phần tiên quyết:	Quản lý kinh tế nông nghiệp
Học phần song hành:	Phát triển nông thôn

2. Mô tả học phần

Học phần Quản lý kinh tế nông thôn là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế, gồm 05 lĩnh vực của Quản lý kinh tế nông thôn như: khái quát chung về quản lý kinh tế nông thôn; Quản lý quy hoạch nông thôn; Quản lý nguồn lực trong nông thôn; quản lý công nghiệp, thủ công nghiệp nông thôn; quản lý Dịch vụ nông thôn.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Kiến thức về quản lý kinh tế nông thôn, nông nghiệp	1.1,1.2,1.3	4,0
G2	Khả năng vận dụng các kiến thức vào thực tế	2.1,2.2,2.3	4,0
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giải quyết các vấn đề nảy sinh	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Có kiến thức quản lý kinh tế nông thôn, nông nghiệp về quy hoạch nông thôn, quản lý các nguồn lực, quản lý công nghiệp thủ công nghiệp trong nông thôn, quản dịch các dịch vụ nông thôn và quản lý cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn.	I, T
G1.2	Vận dụng các kiến thức về lý thuyết về quản lý kinh tế nông thôn vào thực tế nông thôn ở địa phương mình.	I, T
G1.3	Phân tích, đánh giá được các chính sách và thực hiện chính sách quản lý phát triển kinh tế nông thôn.	T, U
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý kinh tế nông thôn và chính sách phát triển kinh tế nông thôn của Nhà nước, doanh nghiệp, hộ gia đình	T,U
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý kinh tế nông thôn để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách kinh tế có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách phát triển kinh tế nông thôn; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết	T,U

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
	chính sách phát triển kinh tế nông thôn;	
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế nông thôn.	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế nông thôn, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách phát triển kinh tế nông thôn;	T,U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện chính sách quản lý kinh tế nông thôn;	T,U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý kinh tế nông thôn ở Việt Nam.	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Quản lý kinh tế nông thôn với CĐR Chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu sinh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu sinh cho học phần Quản lý kinh tế nông thôn

Quản lý kinh tế nông thôn	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	IT	IT	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chú giải:

- Các CĐR nhóm 1.2 thuộc Kiến thức lập luận ngành, cung cấp kiến thức cơ sở ngành cho học viên ngành Quản lý kinh tế và các ngành liên quan đến nông nghiệp, nông thôn;

- Các CĐR nhóm 2.3 thuộc Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất, hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy hệ thống;

- Các CĐR nhóm 3.2 thuộc Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày, khả năng phản biện và giải quyết vấn đề.

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý kinh tế nông thôn được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý kinh tế nông thôn đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Có kiến thức quản lý kinh tế nông thôn, nông nghiệp về quy hoạch nông thôn, quản lý các nguồn lực, quản lý công nghiệp thủ công nghiệp trong nông thôn, quản dịch các dịch vụ nông thôn và quản lý cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn.	4	1.1
G1.2	Vận dụng các kiến thức về lý thuyết về quản lý kinh tế nông thôn vào thực tế nông thôn ở địa phương mình.	4	1.2
G1.3	Phân tích, đánh giá được các chính sách và thực hiện chính sách quản lý phát triển kinh tế nông thôn.	4	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý kinh tế nông thôn và chính sách phát triển kinh tế nông thôn của Nhà nước, doanh nghiệp, hộ gia đình	4	2.1
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý kinh tế nông thôn để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách kinh tế có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách phát triển kinh tế nông thôn; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách phát triển kinh tế nông thôn;	4	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế nông thôn.	4	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới của quản lý kinh tế nông thôn, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách phát triển kinh tế nông thôn;	4	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện chính sách quản lý kinh tế nông thôn;	4	3.2

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý kinh tế nông thôn ở Việt Nam.	4	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G1.1,G1.2,G1.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1, G3.2, G3.3,	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			20%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G4.1	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1, G3.2, G3.3	15%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			20%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1,	20%
	A1.3.2. Bài kiểm tra 2 (kiểm tra bù)	G1.2,G1.3 G2.1, G2.2,G2.3	
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Trắc nghiệm khách quan	G2.1, G2.2	50%

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CDR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
Tiết 1	Chương 1: Khái quát	Trình bày,	- Mang theo	G1,G2	A1.1,

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
đến Tiết 9	chung về quản lý kinh tế nông thôn 1. Khái niệm 1.1. 1.1 Khái niệm về nông thôn 1.2. 1.2. Phát triển nông thôn 1.3. 1.3. Phát triển nông thôn bền vững 1.4. 1.4. Khái niệm về quản lý kinh tế 1.5. Những hợp phần cơ bản của nông thôn 1.6. Các thành phần kinh tế trong nông thôn 1.7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế phát triển nông thôn 1.2. Vai trò của quản lý kinh tế nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội 1.2.1. Quản lý kinh tế nông thôn đảm bảo cho quá trình sản xuất, an ninh lương thực và các nguyên liệu gia dụng khác cho đời sống con người 1.2.2. Quản lý kinh tế nông thôn góp phần tạo ra các tiền đề quan trọng và thực hiện hiện có hiệu quả tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 1.2.3. Quản lý kinh tế nông	phát vấn, hỏi-đáp	tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 1 đến trang 28 của Chương.1 của Bài giảng Quản lý kinh tế nông thôn		A1.2, A1.3, A2

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
	thôn là yếu tố kích thích các ngành phi nông nghiệp phát triển 1.2.4. Quản lý kinh tế nông thôn góp phần to lớn trong việc bảo vệ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch và phòng chống, ngăn ngừa thiên tai 1.2.5. Quản lý kinh tế nông thôn tạo điều kiện cho xuất khẩu thu ngoại tệ, tạo tích lũy ban đầu đầu tư trở lại cho phát triển kinh tế xã hội 1.2.6. Quản lý kinh tế nông thôn có vai trò tích cực trong tạo việc làm cho người nông dân 1.2.7. Quản lý kinh tế nông thôn góp phần ổn định chính trị xã hội, an ninh trật tự được giữ vững 1.2.8. Quản lý kinh tế nông thôn tạo cơ sở vật chất cho sự phát triển văn hoá ở nông thôn 1.3. Quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam				

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
	1.3.1. Quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 1.3.2. Đánh giá các thành tựu của nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 1.3.3. Những tồn tại, yếu kém				
	Thảo luận: Vai trò của quản lý kinh tế nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội.	Nêu vấn đề và giải đáp	Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G3	A1.2
Tiết 10 đến Tiết 17	Chương 2: Quản lý quy hoạch nông thôn 2.1.1. Sự cần thiết quản lý quy hoạch nông thôn 2.1.2. Quản lý quy hoạch nông thôn trên quan điểm đa mục tiêu 2.1.3. Quản lý quy hoạch nông thôn, phân bố không gian các cơ sở vật chất kỹ thuật và điều kiện sống cho con người 2.1.4. Quản lý quy hoạch nông thôn theo phương pháp mô hình “chữ thập” 2.1.5. Đánh giá hiệu quả phương án quy hoạch nông thôn	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp	-Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; -Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 29 đến trang 34 của Chương.2 của Bài giảng Quản lý kinh tế nông thôn	G1,G2	A1.1, A1.2, A1.3, A2
	Thảo luận: Quản lý quy hoạch nông thôn theo phương pháp mô hình “chữ thập”.	Nêu vấn đề và giải đáp	Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G3	A1.2.2

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
Tiết 18 đến Tiết 25	Chương 3: Quản lý các nguồn lực trong nông thôn 3.1. Quản lý đất đai 3.1.1. Nguyên tắc kinh tế sử dụng đất trong nông nghiệp, nông thôn 3.1.2. Biện pháp quản lý đất đai nông thôn 3.2. Quản lý ngân sách cấp huyện và xã 3.3. Về quản lý đối với các chủ thể kinh tế ở nông thôn 3.3.1. Đối với các nông, lâm trường và công ty nhà nước 3.3.2. Đối với khu vực kinh tế tập thể và HTX 3.3.3. Đối với khu vực doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 3.4. Huy động và quản lý nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn 3.5. Quản lý, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn 3.5.1. Những yêu cầu đặt ra trong quá trình sử dụng nguồn nhân lực ở nông	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; -Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 35 đến trang 60 của Chương.3 của Bài giảng Quản lý kinh tế nông thôn		

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
	thôn 3.5.2. Thực trạng chung về phát triển nhân lực nông nghiệp, nông thôn 3.6. Huy động và gắn kết các nguồn lực xây dựng nông thôn 3.7. Nâng cao hiệu quả quản lý phát triển kinh tế - xã hội nông thôn				
	Thảo luận: quản lý đối với các chủ thể kinh tế ở nông thôn và Huy động và gắn kết các nguồn lực xây dựng nông thôn	Nêu vấn đề và giải đáp	Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	G3	A1.2.2
Tiết 26 đến Tiết 32	Chương 4: Quản lý phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn 4.1. Mục tiêu 4.1.1. Mục tiêu tổng quát 4.1.2. Mục tiêu cụ thể 4.2. Vai trò quản lý phát triển công nghiệp nông thôn 4.2.1. Quản lý phát triển công nghiệp nông thôn về kinh tế 4.2.2. Quản lý phát triển công nghiệp nông thôn về xã hội 4.2.3. Quản lý phát triển công nghiệp nông thôn về	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 61 đến trang 75 của Chương.4 của Bài giảng Quản lý kinh tế nông thôn	G1,G2	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
	môi trường 4.3. Các nguyên tắc quản lý phát triển công nghiệp nông thôn 4.3.1. Các nguyên tắc quản lý lựa chọn các ngành công nghiệp phân bố ở nông thôn 4.3.2. Các nguyên tắc quản lý đảm bảo tính bền vững trong phát triển công nghiệp nông thôn 4.4. Thực trạng phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam 4.4.1. Mục tiêu phát triển công nghiệp 4.4.2. Thực trạng phát triển công nghiệp nông thôn 4.4.3. Thực trạng phát triển tiểu thủ công nghiệp 4.4.4. Một số giải pháp phát triển công nghiệp nông thôn 4.4.5. Quản lý dịch vụ nông thôn				
	Thảo luận: Các nguyên tắc quản lý phát triển công nghiệp nông thôn	Nêu vấn đề và giải đáp	Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G3	A1.2.2
Tiết 33 đến	Chương 5: Quản lý cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu	G1,G2	A1.1, A1.2, A1.3,

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
Tiết 39	5.1. Quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn 5.1.1. Sự cần thiết và vai trò quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn Nguồn gốc và bản chất của điện thế sinh vật 5.1.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn 5.1.3. Quản lý đường Nông thôn 5.1.4. Quản lý hệ thống thủy lợi 5.1.5. Quản lý hệ thống nước sạch 5.1.6. Quản lý hệ thống tưới tiêu và chống lũ lụt 5.1.7. Quản lý hệ thống điện 5.1.8. Quản lý hệ thống thông tin 5.2. Quản lý dịch vụ xã hội nông thôn 5.2.1. Vai trò quản lý dịch vụ xã hội nông thôn 5.2.2. Thực trạng các dịch vụ xã hội nông thôn 5.2.3. Quản lý các dịch vụ xã hội nông thôn 5.3. Quản lý môi trường nông thôn 5.3.1. Vai trò quản lý môi trường trong nông thôn		học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại trang 76 đến trang 91 của Chương.5 của Bài giảng Quản lý kinh tế nông thôn		A2

Tiết	Nội dung	Hình thức dạy học	Chuẩn bị của người học	CĐR của học phần (Gx)	Bài đánh giá
	5.3.2. Quản lý môi trường trong nông thôn				
	Thảo luận: Quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn và dịch vụ xã hội nông thôn	Nêu vấn đề và giải đáp	Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G3	A1.2.2

7.2. Kế hoạch giảng dạy theo block

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 1 (Tiết 1-2)	Chương 1: Khái quát chung về quản lý kinh tế nông thôn 1.1. 1.1.1. Khái niệm về nông thôn 1.2. 1.1.2. Phát triển nông thôn 1.1.3. Phát triển nông thôn bền vững 1.1.4. Khái niệm về quản lý kinh tế	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; Giải thích các câu hỏi của học viên; Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Phát triển nông thôn bền vững?	Đọc trước chương 1 đến hết mục 1.1.4 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 2 (Tiết 3-4)	Chương 1: Khái quát chung về quản lý kinh tế nông thôn 1.1.5. Những hợp phần cơ bản của nông thôn. 1.1.6. Các thành phần kinh tế trong nông thôn 1.1.7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế phát triển nông thôn	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Những hợp phần cơ bản của nông thôn?	Đọc trước mục 1.1.5 và 1.1.7 của chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 3 (Tiết 5-6)	Chương 1: Khái quát chung về quản lý kinh tế nông thôn 1.2. Vai trò quản lý kinh tế nông thôn trong phát triển kinh tế-xã hội 1.2.1. Quản lý kinh tế nông thôn đảm bảo cho quá trình sản xuất, an ninh lương thực và các nguyên liệu gia dụng khác cho đời sống con người 1.2.2. Quản lý kinh tế nông thôn góp phần tạo ra các tiền đề quan trọng và thực hiện hiện có hiệu quả tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 1.2.3. Quản lý kinh tế nông thôn là yếu tố kích thích các ngành phi nông nghiệp phát triển. 1.2.4. Quản lý kinh tế nông thôn góp phần to lớn trong việc bảo vệ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, du lịch và phòng chống, ngăn ngừa thiên tai 1.2.5. Quản lý kinh tế nông thôn tạo điều kiện cho xuất khẩu thu ngoại tệ, tạo tích lũy ban đầu đầu tư trở lại cho phát triển kinh tế xã hội 1.2.6. Quản lý kinh tế nông thôn có vai trò tích cực trong tạo việc làm cho người nông dân	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quang trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Hệ thống chỉ tiêu kinh tế phát triển nông thôn?	Đọc trước mục 1.2 của chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 4 (Tiết 7-8)	Chương 1: Khái quát chung về quản lý kinh tế nông thôn 1.2.7. Quản lý kinh tế nông thôn góp phần ổn định chính	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi	Đọc trước mục 1.2.7; 1.2.8 và 1.3.1 đến 1.3.3 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính;

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	trị xã hội, an ninh trật tự được giữ vững 1.2.8. Quản lý kinh tế nông thôn tạo cơ sở vật chất cho sự phát triển văn hoá ở nông thôn. 1.3.1. Quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 1.3.2. Đánh giá các thành tựu của nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 1.3.3. Những tồn tại, yếu kém	của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Quản lý kinh tế nông thôn tạo cơ sở vật chất cho sự phát triển văn hoá ở nông thôn.?	- Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 5 (Tiết 9)	Chương 1: Khái quát chung về quản lý kinh tế nông thôn Thảo luận: Vai trò của quản lý kinh tế nông thôn trong phát triển KT-XH	- Tổ chức cho học viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	- Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block 5 (Tiết 10-11)	Chương 2: Quản lý quy hoạch nông thôn 2.1.1. Sự cần thiết quản lý quy hoạch nông thôn 2.1. 2.1.2. Quản lý quy hoạch nông thôn trên quan điểm đa mục tiêu 2.2.	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Quản lý quy hoạch nông thôn trên quan điểm đa mục tiêu?	- Đọc trước mục 2.1 và 2.2 của Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 6 (Tiết 12-13)	Chương 2: Quản lý quy hoạch nông thôn	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội	- Đọc trước mục 2.3 và 2.4 của Tài liệu 1 và tóm

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
14)	2.4. 2.1.3. Quản lý quy hoạch nông thôn, phân bố không gian các cơ sở vật chất kỹ thuật và điều kiện sống cho con người 2.1.4. Quản lý quy hoạch nông thôn theo phương pháp mô hình “chữ thập”	đúng nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề khích lệ học viên: Quản lý quy hoạch nông thôn, phân bố không gian các cơ sở vật chất kỹ thuật và điều kiện sống cho con người?	tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 7 (Tiết 15-16)	Chương 2: Quản lý quy hoạch nông thôn 2.1.5. Đánh giá hiệu quả phương án quy hoạch nông thôn	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề khích lệ học viên: Đánh giá hiệu quả phương án quy hoạch nông thôn?	Đọc trước mục 2.5 và 2.6 của Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 8 (Tiết 17)	Chương 2: Quản lý quy hoạch nông thôn Thảo luận: Quản lý quy hoạch nông thôn theo phương pháp mô hình “chữ thập”.	Tổ chức cho học viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block 9 (Tiết 18-19)	Chương 3: Quản lý các nguồn lực trong nông thôn 3.1. Quản lý đất đai	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì;	Đọc trước mục 3.1 và 3.2 của Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	3.1.1. Nguyên tắc kinh tế sử dụng đất trong nông nghiệp, nông thôn 3.1.2. Biện pháp quản lý đất đai nông thôn 3.2. Quản lý ngân sách cấp huyện và xã	- Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề khích lệ học viên: Biện pháp quản lý đất đai nông thôn?	chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 10 (Tiết 20-21)	Chương 3: Quản lý các nguồn lực trong nông thôn 3.3. Về quản lý đối với các chủ thể kinh tế ở nông thôn 3.3.1. Đối với các nông, lâm trường và công ty nhà nước 3.3.2. Đối với khu vực kinh tế tập thể và HTX 3.3.3. Đối với khu vực doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề khích lệ học viên: Đối với khu vực kinh tế tập thể và HTX?	Độc trước mục 3.3 của Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 11 (Tiết 22-24)	Chương 3: Quản lý các nguồn lực trong nông thôn 3.4. Huy động và quản lý nguồn lực tài chính xây dựng nông thôn 3.5. Quản lý, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn 3.5.1. Những yêu cầu đặt ra trong quá trình sử dụng nguồn nhân lực ở nông thôn 3.5.2. Thực trạng chung về	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề khích lệ học viên: Những yêu cầu đặt ra trong quá trình sử dụng nguồn nhân lực ở nông thôn?	Độc trước mục 3.4 và 3.5 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	phát triển nhân lực nông nghiệp, nông thôn 3.6. Huy động và gắn kết các nguồn lực xây dựng nông thôn 3.7. Nâng cao hiệu quả quản lý phát triển kinh tế - xã hội nông thôn		
Block 12 (Tiết 25)	Thảo luận: quản lý đối với các chủ thể kinh tế ở nông thôn và Huy động và gắn kết các nguồn lực xây dựng nông thôn	- Tổ chức cho học viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	- Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block 13 (Tiết 26-27)	Chương 4: Quản lý phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn 4.1. Mục tiêu 4.1.1. Mục tiêu tổng quát 4.1.2. Mục tiêu cụ thể 4.2. Vai trò quản lý phát triển công nghiệp nông thôn 4.2.1. Quản lý phát triển công nghiệp nông thôn về kinh tế 4.2.2. Quản lý phát triển công nghiệp nông thôn về xã hội 4.2.3. Quản lý phát triển công nghiệp nông thôn về môi trường	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề khích lệ học viên: Quản lý phát triển công nghiệp nông thôn về kinh tế?	- Đọc trước mục 4.1 và 4.2 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 14 (Tiết 28-29)	Chương 4: Quản lý phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn 4.3. Các nguyên tắc quản lý	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - - Giải thích các câu	- Đọc trước mục 4.3 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	phát triển công nghiệp nông thôn 4.3.1. Các nguyên tắc quản lý lựa chọn các ngành công nghiệp phân bố ở nông thôn 4.3.2. Các nguyên tắc quản lý đảm bảo tính bền vững trong phát triển công nghiệp nông thôn	hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Các nguyên tắc quản lý đảm bảo tính bền vững trong phát triển công nghiệp nông thôn?	khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 15 (Tiết 30-31)	Chương 4: Các hiện tượng 4.4. Thực trạng phát triển công nghiệp nông thôn ở Việt Nam 4.4.1. Mục tiêu phát triển công nghiệp 4.4.2. Thực trạng phát triển công nghiệp nông thôn 4.4.3. Thực trạng phát triển tiểu thủ công nghiệp 4.4.4. Một số giải pháp phát triển công nghiệp nông thôn 4.4.5. Quản lý dịch vụ nông thôn	Kiểm tra tự học: Học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Một số giải pháp phát triển công nghiệp nông thôn?	Đọc trước mục 4.4 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 15 (Tiết 32)	Thảo luận: Các nguyên tắc quản lý phát triển công nghiệp nông thôn	Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).
Block 16 (Tiết 33-35)	Chương 5: Quản lý cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn 5.1. Quản lý cơ sở hạ tầng	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu	Đọc trước mục 5.1 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	nông thôn 5.1.1. Sự cần thiết và vai trò quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn Nguồn gốc và bản chất của điện thế sinh vật 5.1.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn 5.1.3. Quản lý đường Nông thôn 5.1.4. Quản lý hệ thống thủy lợi 5.1.5. Quản lý hệ thống nước sạch 5.1.6. Quản lý hệ thống tưới tiêu và chống lũ lụt 5.1.7. Quản lý hệ thống điện 5.1.8. Quản lý hệ thống thông tin	hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; -Nêu vấn đề kích lệ học viên: . Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn?	khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 17 (Tiết 35-36)	Chương 5: Quản lý cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn 5.2. Quản lý dịch vụ xã hội nông thôn 5.2.1. Vai trò quản lý dịch vụ xã hội nông thôn 5.2.2. Thực trạng các dịch vụ xã hội nông thôn 5.2.3. Quản lý các dịch vụ xã hội nông thôn	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Quản lý các dịch vụ xã hội nông thôn?	Đọc trước mục 5.2 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 17 (Tiết 37-38)	Chương 5: Quản lý cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn 5.3. Quản lý môi trường nông thôn 5.3.1. Vai trò quản lý môi trường	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của học viên; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng;	Đọc trước mục 5.3 của Chương 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	trường trong nông thôn 5.3.2. Quản lý môi trường trong nông thôn	nội dung khó hoặc quang trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Quản lý môi trường trong nông thôn?	gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 18 (Tiết 39)	Chương 5: Quản lý cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn Thảo luận: Quản lý cơ sở hạ tầng nông thôn và dịch vụ xã hội nông thôn	- Tổ chức cho học viên thảo luận theo nhóm; - Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; - Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; - Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	- Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).

Số tín chỉ của Học phần là 03 nên mỗi tuần học 4 tiết/buổi, do đó Block được thiết kế theo 1 hoặc 2 hoặc tiết cho mỗi block.

8. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm...)

8.1. Tài liệu bắt buộc

- Hoàng Bằng An, 2023. Bài giảng Quản lý kinh tế nông thôn. Khoa Kinh tế và QTKD, Trường Đại học Thành Đông..

8.2. Tài liệu tham khảo thêm

1. ThS. Nguyễn Thị Ánh - Ban Tuyên giáo Trung ương - Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở nước ta - Viện chiến lược và chính sách tài chính -10/2020 .
2. PGS.TS. Vũ Thị Bình - PGSTS. Nguyễn Thị Vòng và cộng sự - Giáo trình Quy hoạch phát triển nông thôn. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội – 2006.
3. TS. Mai Thanh Cúc- TS. Quyền Đình Hà và cộng sự - Giáo trình Phát triển nông thôn. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội- 2005.
4. PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền và Cộng sự - Giáo trình Kinh tế phát triển. Học viện Nông nghiệp Việt Nam - 2019

9. Qui định của học phần

9.1. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về Quản lý kinh tế và Quản trị kinh doanh. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

9.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của sinh viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Sinh viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

10. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách Khoa Kinh tế và QTKD trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Địa chỉ/email: anhoangbang@gmail.com.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Lê Hoàng Nga

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại, email: 0904173736, lehoangnga2015@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán.

Giảng viên 2: TS. Lê Hồng Huyền

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD
- Điện thoại: 0912572345, email: lehonghuyenvptw@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội

Giảng viên 2: Phạm Ngọc Thắng

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông
- Điện thoại: 0903225194; E-mail: thangpn@thanhdong.edu.vn;
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng.

1.2. Thông tin về học phần:

-Tên học phần(tiếng Việt): Quản lý tài chính công (Public Financial Management)	
-Mã số học phần: PFM1521	
-Thuộc khối kiến thức/kĩ năng: ☐ Kiến thức cơ sở ngành	
-Số tín chỉ:	03
+Số tiết lý thuyết:	30
+Số tiết thảo luận/bài tập:	15
+Số tiết thực hành:	-
+Số tiết hoạt động nhóm:	-
+Số tiết tự học:	60

- Học phần tiên quyết:	Khoa học quản lý
- Học phần song hành:	Quản lý doanh nghiệp Quản lý tiền tệ và ngân hàng

2. Mô tả học phần

Học phần Quản lý tài chính công trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, khái quát về tài chính công, quản lý tài chính công; kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thuế và quản lý thu thuế, về ngân sách nhà nước và quản lý ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách nhà nước và quản lý thu – chi ngân sách nhà nước, hệ thống ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, về cân đối ngân sách nhà nước và kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước, về nợ công và quản lý nợ công, về quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT(X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Nâng cao kiến thức về lý thuyết quản lý tài chính công trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế; Hiểu và vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về quản lý tài chính công ở Việt Nam.	1.1,1.2,1.3	4,0
G2	Nâng cao kỹ năng tư duy lý luận, phân tích tổng hợp; kỹ năng phân tích, đánh giá và ra quyết định, các kỹ năng quản lý để hoàn thành công việc, kỹ năng nghiên cứu, làm việc độc lập để phát triển và triển khai những mô hình, giải pháp mới trong quản lý kinh tài chính công ở cả tầm vĩ mô và vi mô.	2.1,2.2,2.3	4,0
G3	Nâng cao khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạch định và thực thi chính sách tài chính công	3.1,3.2,3.3	4,0

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)(3)
G1.1	Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý tài chính công	I,T,U
G1.2	Có kiến thức và vận dụng thành thạo các phương pháp và công cụ quản lý tài chính công	I,T,U
G1.3	Có kiến thức để giải thích được sự cần thiết của quản lý tài chính công và yêu cầu đối với hoạt động này.	I,T,U

G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý tài chính công và chính sách tài chính công của Nhà nước	T,U
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý tài chính công để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách tài chính công; để triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách tài chính công;	T,U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý tài chính công.	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới trong quản lý tài chính công, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách tài chính công;	T,U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý tài chính công;	T,U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý tài chính công.	U

5. Môi liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích môi liên hệ giữa CĐR học phần Quản lý tài chính công với CĐR Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế cho học phần Quản lý tài chính công

Quản lý tài chính công	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	5	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Quản lý tài chính công được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Quản lý tài chính công đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý tài chính công	4,0	1.1
G1.2	Có kiến thức và vận dụng thành thạo các phương pháp và công cụ quản lý tài chính công	4.0	1.2
G1.3	Có kiến thức để giải thích được sự cần thiết của quản lý tài chính công và yêu cầu đối với hoạt động này.	5,0	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý tài chính công và chính sách tài chính công của Nhà nước	4.0	2.1
G2.2	Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản lý tài chính công để phát hiện, nghiên cứu và đề xuất các chính sách có tính đột phá; đề hoạch định, thẩm định, phản biện các chính sách tài chính công; đề triển khai thực hiện có kết quả và đánh giá tổng kết chính sách tài chính công;	4.0	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý tài chính công.	4,0	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới trong quản lý tài chính công, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chính sách tài chính công;	4.0	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện quản lý tài chính công;	4,0	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề trong quản lý tài chính công.	4.0	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình			40%
<i>A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập</i>			10%

Sự chuyên cần	A1.1.1.Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao(<i>theo nhóm hoặc cá nhân</i>)	G2.1,G2.2,G3.3 G3.1,G3.2,G3.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2.Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G1.1,G1.2,G1.3G2 .1,G2.2,G3.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			10%
	A1.2.1.Có tài liệu học tập;	G1.1,G1.2,G1.3	05%
	A1.2.2.Nộp đủ sản phẩm được giao	G2.1,G2.2,G3.3 G3.1,G3.2,G3.3	15%
A1.3. Đánh giá giữa kì(*)			20%
	A1.3.1.Bài kiểm tra1	G1.1,G1.2,G1.3G2	20%
	A1.3.2.Bài kiểm tra2	.1,G2.2,G2.3	
A2. Đánh giá cuối kì			60%
	Bài thi.bài tập tiểu luận cuối học phần	G1.1,G1.2,G1.3G2 .1,G2.2,G3.3 G3.1,G3.2,G3.3	60%

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động của người học	Bài đánh giá
Từ tiết 1 đến tiết 4	Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG 1.1. Những vấn đề chung về tài chính công 1.2. Vai trò của chính phủ và tài chính công	LLT: 3	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu	A1.1, A1.2 A2.1 A2.2 A3
	Thảo luận: vai trò của chính phủ và tài chính công trong quản lý kinh tế - xã hội	TH: 1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình chất vấn và trả lời.	

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động của người học	Bài đánh giá
Từ tiết 5 đến tiết 9	Chương 2. THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ 2.1. Những vấn đề chung về thuế 2.1. Phân loại thuế 2.3. Gánh nặng về thuế 2.4. Hệ thống thuế và tính chất của hệ thống thuế tối ưu 2.5. Quản lý thu thuế	LLT:4	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 37 đến trang 72 và tài liệu 7.2 từ trang 280 đến 321	A1.1, A1.2 A2.1 A2.2 A3
	Thảo luận chương 2	TH:1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình chất vấn và trả lời.	
Từ tiết 10 đến tiết 14	Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3.1. Bản chất kinh tế và vai trò của ngân sách nhà nước 3.2. Thu ngân sách nhà nước 3.3. Chi ngân sách nhà nước 3.4. Mục lục ngân sách nhà nước 3.5. Quản lý ngân sách nhà nước 3.6. Nghiệp vụ Kho bạc nhà nước	LT: 4	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 73 đến trang 132	A1.1 A1.2 A2.1 A2.2 A3
	Thảo luận chương 3	TH:1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2.

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động của người học	Bài đánh giá
Từ tiết 15 đến tiết 20	Chương 4. QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 4.1. Khái quát về thu ngân sách nhà nước (NSNN) 4.2. Các khoản thu của ngân sách nhà nước 4.3. Phương thức quản lý thu ngân sách nhà nước 4.4. Quy trình quản lý thu ngân sách nhà nước 4.5. Cơ quan quản lý thu ngân sách nhà nước	LT:4	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 133 đến trang 168 và tài liệu 7.2 từ trang 99 đến trang 140	A1.1 A1.2 A2.1 A2.2 A3
	Thảo luận chương 4	TH:1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2
Từ tiết 21 đến tiết 25	Chương 5. QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 5.1. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước 5.2. Quản lý chi thường xuyên 5.3. Quản lý chi đầu tư phát triển 5.4. Quản lý các khoản chi khác của NSNN 5.5. Cơ quan quản lý nhà nước về chi ngân sách nhà nước 5.6. Tổ chức bộ máy quản lý chi ngân sách nhà nước	LT:4	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 169 đến trang 218 và tài liệu 7.2 từ trang 141 đến trang 245	A1.1 A1.2 A2.1 A2.2 A3
	Thảo luận chương 5	TH:1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động của người học	Bài đánh giá
Từ tiết 26 đến tiết 29	Chương 6. HỆ THỐNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6.1. Hệ thống ngân sách nhà nước 6.2. Phân cấp quản lý ngân sách	LT:2	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 219 đến trang 254	A1.1 A1.2, A2.1, A2.2, A3
	Thảo luận chương 6	TH:1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2
	Bài kiểm tra lần 1	TH:1		Làm bài	A3
Từ tiết 30 đến tiết 33	Chương 7. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 7.1. Khái quát về cân đối ngân sách nhà nước 7.2. Thâm hụt ngân sách nhà nước 7.3. Huy động vốn bù đắp thâm hụt ngân sách nhà nước	LT:3	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 255 đến trang 284	A1.2 A2.2 A3
	Thảo luận chương 7	TH:1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2.
	Giao bài tập nhóm				A2.2

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động của người học	Bài đánh giá
Từ tiết 34 đến tiết 37	Chương 8. KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC 8.1. Tổng quan về Kho bạc nhà nước 8.2. Kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước 8.3. Một số nội dung cơ bản về cam kết chi NSNN	LT: 2	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 285 đến trang 334	A1.1 A2.1 A2.2 A3
	Thuyết trình bài tập nhóm tại lớp	TH:2	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Làm việc nhóm chuẩn bị bài tập, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2
Từ tiết 38 đến tiết 41	Chương 9. NỢ CÔNG VÀ QUẢN LÝ NỢ CÔNG 9.1. Nợ quốc gia 9.2. Nợ công 9.3. Quản lý nợ công 9.4. Các mô hình cảnh báo quản lý nợ nước ngoài theo chuẩn quốc tế	LT: 2	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 235 đến trang 380	A1.2 A2.2 A3
	Thuyết trình bài tập nhóm tại lớp	TH:2	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Làm việc nhóm chuẩn bị bài tập, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2

Tiết	Các nội dung cơ bản của chương mục	Số tiết	PP giảng dạy	Hoạt động của người học	Bài đánh giá
Từ tiết 42 đến tiết 45	Chương 10. QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH 10.1. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách 10.2. Quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách	LT: 4	- Nêu vấn đề, - Thuyết giảng, - Hỏi đáp	Nghiên cứu trước tài liệu 7.1 từ trang 381 đến trang 417	A1.2 A2.2 A3
	Thuyết trình bài tập nhóm tại lớp	TH: 1	- Giải đáp và kết luận thảo luận	Làm việc nhóm chuẩn bị bài tập, thuyết trình chất vấn và trả lời.	A2.2

8. Học liệu

7.1. Sách và giáo trình

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	Nhà xuất bản
<i>I. Giáo trình chính</i>				
1	TS. Phan Hữu Nghị; PGS,TS. Lê Hùng Sơn	2020	Bài giảng Tài chính công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân
<i>II. Sách, giáo trình tham khảo</i>				
2	PGS,TS. Nguyễn Văn Hiệu và TS. Trần Thị Vân Anh	2020	Giáo trình Tài Chính Công	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
3.	TS. Vũ Cương và PGS,TS. Phạm Văn Vận	2012	Giáo trình Kinh tế công cộng	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

7.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hỏi đáp chính sách thuế	https://mof.gov.vn/hoidapcstc/	
2	Văn bản chỉ đạo điều hành	https://www.mpi.gov.vn/Pages/tthc2.aspx?idcm=256	

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường số	- Máy tính - Máy chiếu slide	01 01	Tất cả các chương

10. Qui định của học phần

a. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về tài chính công và luật pháp. Khi giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

b. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của sinh viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Sinh viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

11. Phụ trách học phần

- Khoa phụ trách: Khoa KT-QTKD, Trường đại học Thành Đông

- Địa chỉ/email: lehonghuyenvptw@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Quốc Ngữ

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD
- Điện thoại: 0913246267, E-mail: ngu77904@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế dịch vụ; Kinh tế Tài nguyên - Môi trường; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế Tập thể; Kinh tế nông thôn

Giảng viên 2: Hoàng Bằng An

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương;
- Điện thoại, Email: 0915892336; anhoangbang@gmail.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh.

Giảng viên 3: TS. Trần Thị Kim Liên

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương;
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương;
- Điện thoại: 0366440688, email: liennt@thanhdong.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý công nghiệp; Kinh tế Tài nguyên và môi trường; Kinh tế dịch vụ; Kinh tế Bảo hiểm;

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý tài nguyên và môi trường (Resource and Environmental Economics.)	
- Mã số học phần: ERE1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10

+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần Quản lý Tài nguyên và Môi trường là học phần cơ sở ngành thuộc Chương trình đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ ngành Quản lý Kinh tế và ngành Quản trị Kinh Doanh, gồm các nội dung kiến thức về Tài nguyên, Môi trường và Kinh tế Tài nguyên và Môi trường; các tài nguyên phổ biến; các vấn đề về môi trường; những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của ngành quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (CLOs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CĐR của CTĐT(PLOs)	Trình độ năng lực
CLO1	Có kiến thức và khả năng vận dụng về các qui luật kinh tế, xã hội thông thường ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế Tài nguyên và Môi trường	1.1,1.2,1.3	4
CLO2	Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình; Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quản lý tài nguyên môi trường	2.1,2.2,2.3	4
CLO3	Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nói, viết và hoạt động quản lý tài nguyên và môi trường	3.1,3.2,3.3	4

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR (Gx)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
G1.1	Mô tả được các khái niệm tài nguyên, môi trường, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phát triển bền vững; Kinh tế Tài nguyên, Kinh tế Môi trường, vai trò của Kinh tế Tài nguyên, Môi trường, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu môn học Kinh tế Tài nguyên và Môi trường	I, T
G1.2	Giải thích được vị trí, vai trò của Kinh tế Tài nguyên và Môi trường đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia, địa phương.	I, T
G1.3	Vận dụng kiến thức về tài nguyên môi trường và kinh tế tài nguyên môi trường,... để nghiên cứu, đề xuất dự án, phương án hoàn thiện, phát triển các lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ	

	môi trường ở doanh nghiệp, địa phương.	
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý tài nguyên, môi trường và chính sách của Nhà nước về tài nguyên, môi trường	T, U
G2.2	Có kỹ năng kiến thức về tài nguyên môi trường và kinh tế tài nguyên môi trường,... để nghiên cứu, đề xuất dự án, phương án hoàn thiện, phát triển các lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở doanh nghiệp, địa phương.	T, U
	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế tài nguyên môi trường.	
G3.1	Hình thành kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học	T, U
G3.2	Hình thành kỹ năng phối hợp nhóm và trình bày trước nhóm	T, U
G3.3	Giải quyết các vấn đề nảy sinh	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CDR học phần Kinh tế Tài nguyên và Môi trường với CDR Chương trình đào tạo cao học, tiến sỹ chuyên ngành Quản lý Kinh tế, Quản trị Kinh doanh được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Quản lý Kinh tế cho học phần Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

Kinh tế Tài nguyên và môi trường	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sỹ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy ITU	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kinh tế Tài nguyên và Môi trường được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Kinh tế Tài nguyên và Môi trường đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Mô tả được các khái niệm tài nguyên, môi trường, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và quản lý tài nguyên, bảo vệ môi	4	1.1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
	trường; phát triển bền vững; Kinh tế Tài nguyên, Kinh tế Môi trường, vai trò của Kinh tế Tài nguyên, Môi trường, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu môn học Kinh tế Tài nguyên và Môi trường		
G1.2	Giải thích được vị trí, vai trò của Kinh tế Tài nguyên và Môi trường đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia, địa phương.	4	1.2
G1.3	Vận dụng kiến thức về tài nguyên môi trường và kinh tế tài nguyên môi trường,... để nghiên cứu, đề xuất dự án, phương án hoàn thiện, phát triển các lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở doanh nghiệp, địa phương.	4	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các hoạt động quản lý tài nguyên, môi trường và chính sách của Nhà nước về tài nguyên, môi trường	4	2.1
G2.2	Có kỹ năng kiến thức về tài nguyên môi trường và kinh tế tài nguyên môi trường,... để nghiên cứu, đề xuất dự án, phương án hoàn thiện, phát triển các lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở doanh nghiệp, địa phương.	4	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực hành quản lý kinh tế tài nguyên môi trường.	4	2.3
G3.1	Hình thành kỹ năng tự học và nghiên cứu khoa học	4	3.1
G3.2	Hình thành kỹ năng phối hợp nhóm và trình bày trước nhóm	4	3.2
G3.3	Giải quyết các vấn đề nảy sinh	4	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR học phần (Gx.x)	Tỉ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G3.1G3.2G3.3	5%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G3.1G3.2G3.3	5%

A1.2. Hồ sơ học phần			20%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G3.1G3.2G3.3	5%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1G3.2G3.3	15%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			20%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1G1.2G2.3	20%
	A1.3.2. Bài kiểm tra 2 (kiểm tra bù)	G2.1G2.2G3.3	
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Trắc nghiệm khách quan	G2.1G2.2G2.3	50%

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

7.1. Nội dung

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 1 đến Tiết 6	Chương 1: Tài nguyên và Kinh tế Tài nguyên 1.5. Tài nguyên 1.1.1 Khái niệm Tài nguyên 1.1.2 Phân loại Tài nguyên 1.1.3 Giá trị của Tài nguyên 1.1.4 Quyền sở hữu Tài nguyên 1.2. Kinh tế Tài nguyên 1.2.1 Khái niệm 1.2.2 Vai trò và mối quan hệ giữa Kinh tế với Tài nguyên 1.2.3 Đối tượng nghiên cứu Kinh tế Tài nguyên 1.2.4 Nhiệm vụ nghiên cứu 1.2.5 Phương pháp nghiên cứu 1.3 Kinh tế một số Tài nguyên 1.3.1 Tài nguyên Đất 1.3.2 Tài nguyên Nước 1.3.3 Tài nguyên Rừng 1.3.4 Tài nguyên Thủy sản	Nêu vấn đề, giảng giải,	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu GT;	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết 7 đến 9	Thảo luận chương 1	- Nêu vấn đề, Giảng giải, Kết luận	- Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.2, A1.3, A2
Tiết 10 đến 15	Chương 2: Môi trường và Kinh tế Môi trường 2.1. Môi trường 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Các chức năng của Môi trường 2.1.3 Các vấn đề về Môi trường 2.2. Kinh tế Môi trường 2.2.1 Khái niệm 2.2.2 Mối quan hệ giữa Môi trường và phát triển 2.2.3 Đối tượng nghiên cứu Kinh tế Môi trường 2.2.4 Nhiệm vụ nghiên cứu 2.2.5 Phương pháp nghiên cứu	Nêu vấn đề, giảng giải,	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu tại tài liệu GT;	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2
Tiết 16 đến tiết 19	Thảo luận chương 2	- Nêu vấn đề, Giảng giải, Kết luận	- Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.2, A1.3, A2
Tiết 20 đến 25	Chương 3: Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với quản lý Tài nguyên và bảo vệ Môi trường 3.1 Phân loại Tài nguyên 3.2 Hoạt động của hệ kinh tế tác động tới Tài nguyên 3.3 Vai trò của hệ thống Tài nguyên 3.4 Nguyên nhân các vấn đề Môi trường 3.5 Giải pháp đối với vấn đề Môi trường 3.6 Các quan điểm cơ bản giữa phát triển kinh tế và quản lý Tài nguyên, bảo vệ Môi trường	Nêu vấn đề, giảng giải,	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu GT. - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết 26 đến tiết 30	Thảo luận: Chương 3	- Nêu vấn đề, Giảng giải, Kết luận	- Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.2, A1.3, A2
---------------------	---------------------	------------------------------------	--	--------------------------------	----------------------

7.2. Kế hoạch giảng dạy theo block

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 1 (Tiết 1-2)	Chương 1: Tài nguyên và Kinh tế Tài nguyên 1.1 Tài nguyên 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Phân loại Tài nguyên	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: quản lý Tài nguyên có phải là hoạt động kinh tế phổ biến ?	- Đọc trước Tài liệu từ mục 1.1.1 đến hết mục 1.1.2 và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 2 (Tiết 3-4)	Chương 1: Tài nguyên và Kinh tế Tài nguyên 1.1.3 Giá trị Tài nguyên 1.1.4 Quyền sở hữu Tài nguyên	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: nếu thiếu hoạt động quản lý Tài nguyên thì nền kinh tế có phát triển hay không ? cuộc sống của con người gặp khó khăn gì ?	- Đọc trước từ mục 1.1.3 đến 1.1.4 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 3 (Tiết 5-6)	Chương 1: Tài nguyên và Kinh tế Tài nguyên 1.2. Kinh tế Tài nguyên 1.2.1 Khái niệm 1.2.2 Vai trò và mối	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng;	- Đọc trước mục 1.2.1 và 1.2.2 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
	quan hệ giữa Kinh tế và Tài nguyên	Nêu vấn đề kích lệ học viên: Kinh tế Tài nguyên và Môi trường giống hoặc khác Kinh tế Công nghiệp, Nông nghiệp ở những điểm nào ?	nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 4 (Tiết 7-8)	Chương 1: Tài nguyên và Kinh tế Tài nguyên 1.2.3 Đối tượng nghiên cứu Kinh tế Tài nguyên 1.2.4 Nhiệm vụ nghiên cứu 1.2.5 Phương pháp nghiên cứu	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; Giải thích các câu hỏi của HV; Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; Nêu vấn đề kích lệ học viên: Quá trình nghiên cứu Kinh tế Tài nguyên và Môi trường có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu các lĩnh vực kinh tế khác được không ? tại sao ?	Đọc trước mục 1.2.3 , 1.2.4 và 1.2.5 của Tài liệu 1 và tóm tắt lại các nội dung chính; Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 5 (Tiết 9-10)	Chương 1: Tài nguyên và Kinh tế Tài nguyên 1.3 Kinh tế một số Tài nguyên 1.3.1 Tài nguyên Đất 1.3.2 Tài nguyên Nước 1.3.3 Tài nguyên Rừng 1.3.4 Tài nguyên Thủy sản Thảo luận: Kinh tế Tài nguyên và Môi trường là ngành kinh tế hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển	Tổ chức cho sinh viên thảo luận theo nhóm; Hỗ trợ các nhóm trong quá trình thảo luận; Cho đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm; Giải đáp các câu hỏi của các nhóm.	Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 5 (Tiết 11-12)	Chương 2: Môi trường và Kinh tế Môi trường 2.1 Môi trường 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Các chức năng của Môi trường 2.1.3 Các vấn đề về Môi trường	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: nắm vững các chức năng của môi trường; những vấn đề môi trường là gì ?	- Đọc trước mục 2.1 và 2.2 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 6 (Tiết 13-14)	Chương 2: Môi trường và Kinh tế Môi trường 2.2 Kinh tế Môi trường 2.2.1 Khái niệm 2.2.2 Mối quan hệ giữa Môi trường và phát triển	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Kinh tế môi trường có gì giống và khác nhau với các ngành kinh tế khác ?	- Đọc trước mục 2.2 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 7 (Tiết 15-16)	Chương 2: Môi trường và Kinh tế Môi trường 2.2.3 Đối tượng nghiên cứu Kinh tế Môi trường 2.2.4 Nhiệm vụ nghiên cứu 2.2.5 Phương pháp nghiên cứu	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: Nghiên cứu Kinh tế Môi trường có gì khác so với nghiên cứu các ngành kinh tế khác ?	- Đọc trước mục từ 2.2.3 đến 2.2.5 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 8 (Tiết 17-18)	Chương 2: Môi trường và Kinh tế	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào	- Đọc trước các mục ở chương 1 và 2 của Tài liệu

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
18)	Môi trường Thảo luận: câu hỏi ôn tập chương 1 và 2	chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; Nêu vấn đề kích lệ học viên: hiểu rõ các khái niệm về Tài nguyên, Môi trường; Kinh tế Tài nguyên và Kinh tế Môi trường	và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 9 (Tiết 19-20)	Chương 3: Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với quản lý Tài nguyên và bảo vệ Môi trường 3.1 Phân loại Tài nguyên 3.2 Hoạt động của hệ kinh tế tác động tới Tài nguyên 3.3 Vai trò của hệ thống Tài nguyên	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ sinh viên: nắm vững tác động qua lại giữa hệ kinh tế và hệ thống Tài nguyên	- Đọc trước mục 3.1 và 3.3 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao
Block 10 (Tiết 21-25)	Chương 3: Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với quản lý Tài nguyên và bảo vệ Môi trường 3.4 Nguyên nhân các vấn đề Môi trường 3.5 Giải pháp đối với vấn đề Môi trường 3.6 Các quan điểm cơ bản giữa phát triển kinh tế và quản lý Tài nguyên, bảo vệ Môi trường	- Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề kích lệ học viên: tại sao phải nêu quan điểm không đánh đổi môi trường lấy lợi ích kinh tế ?	- Đọc trước mục 3.4 và 3.6 của Tài liệu và tóm tắt lại các nội dung chính; - Sẵn sàng để trình bày khi được yêu cầu; - Chủ động tham gia/lập nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao

Block (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)
Block 11 (Tiết 26 - 30)	Chương 3: Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với quản lý Tài nguyên và bảo vệ Môi trường Thảo luận: Tại sao khi quyết định đầu tư dự án luôn tuân thủ nguyên tắc không đánh đổi môi trường lấy lợi nhuận dự án ?	Kiểm tra tự học: học viên gặp khó khăn gì, nội dung nào chưa rõ, hỏi gì; - Giải thích các câu hỏi của HV; - Trình bày tóm tắt các nội dung khó hoặc quan trọng; - Nêu vấn đề khích lệ sinh viên: tại sao một số lĩnh vực khai thác tài nguyên phải có quy định đánh giá tác động môi trường ? Tại sao khi quan tâm vấn đề bảo vệ Môi trường phải luôn chú trọng đến một số Tài nguyên như: Đất, Nước, Rừng, Thủy hải sản,...	Chuẩn bị trước trước câu hỏi thảo luận; - Trình bày trong nhóm và trước cả lớp (khi được yêu cầu).

8. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm...)

8.1. Tài liệu bắt buộc

- (1). TS. Nguyễn Quốc Ngữ - Bài giảng môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường. Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- (2). PGS, TS. Đinh Đức Trường, TS. Nguyễn Công Thành, TS. Ngô Thanh Mai (2023), Giáo trình Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

8.2. Tài liệu tham khảo thêm

- (3). Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh, Nguyễn Tiến Dũng (2023), Chiến lược và chính sách môi trường, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

9. Qui định của học phần

9.1. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô và Kinh tế Phát triển. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho học viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của học viên được thực hiện đúng theo Quy chế của Nhà trường.

9.2. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 100% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

10. Phụ trách học phần

- Khoa phụ trách: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.

- Địa chỉ/email: ngu77904@gmail.com.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Ngô Văn Hải

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, giảng viên chính,
- Thời gian, địa điểm làm việc: toàn thời gian, Trường Đại học Thành Đông, Số 3 Vũ Công Đán, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế & QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Số 3 Vũ Công Đán, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0913 539 593 Email ngohaivkt@gmail.com

Giảng viên 2: Đinh Văn Đán

- Chức danh, học hàm học vị: Giảng viên chính; Tiến sĩ;
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Trường Đại học Thành Đông
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương.
- Điện thoại: 0965185115, Email: dinhvandandhn1.2022@gmail.com;
- Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế; Quản lý kinh tế; Quản trị kinh doanh; Phát triển nông thôn.

Giảng viên 3: Ngô Trí Long

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ.
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0903434746, E-mail: ngotrilong2@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, chính sách kinh tế - xã hội, Tài chính, giá cả, ngân hàng.

1.2 Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (Economic-Social Development Strategy and Plan)	
- Mã số học phần : SES1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức cơ sở ngành	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết bài tập:	10
+ Số tiết kiểm tra:	2
- Học phần tiên quyết	Khoa học quản lý

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học Kế hoạch và chiến lược phát triển KT-XH là môn học lý luận quản lý ứng dụng, nghiên cứu các vấn đề lý luận, phương pháp luận và phương pháp cụ thể về xây dựng, thực hiện, theo dõi đánh giá hệ thống kế hoạch & chiến lược phát triển KT-XH trong nền kinh tế thị trường.

Để nghiên cứu tốt môn học này cần nắm vững nguyên lý cơ bản về kinh tế; hệ thống lý thuyết của nền kinh tế thị trường và lý luận về kinh tế học phát triển (Vĩ mô, vi mô và kinh tế công cộng).

Ngoài ra, môn học này còn là sự kết hợp của nhiều môn khoa học khác như khoa học quản lý, triết học... và một số môn mang tính ứng dụng như dự báo kinh tế.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của CTĐT (X.x.x) (3)	TĐNL (4)
G1	Trang bị phương pháp luận và phương pháp cụ thể về xây dựng, thực hiện, theo dõi đánh giá hệ thống kế hoạch & chiến lược phát triển KT-XH trong nền kinh tế thị trường.	1.1;1.2;1.3	4
G2	Khả năng vận dụng kiến thức được học vào thực tế	2.1;2.2;2.3	4
G3	Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm; có khả năng nghiên cứu độc lập; Giải quyết các vấn đề nảy sinh	3.1;3.2;3.3	4

4. CHUẨN ĐẦU RA (các mục tiêu cụ thể hay CĐR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1.	Có kiến thức chức năng, bản chất, nội dung của chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy trình phương pháp xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ; nội dung thực hiện, giám sát và đánh giá chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	I
G1.2.	Có kiến thức và sử dụng quy trình phương pháp xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển	T, U

CĐR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.3.	Có kiến thức để tổ chức hoạt động nghiên cứu và tổ chức xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	
G2.1.	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và luận giải cơ sở khoa học của các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	T,U
G2.2.	Có kỹ năng vận dụng kiến thức về chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để phát hiện, nghiên cứu, đề xuất, hoạch định, thẩm định, phản biện, triển khai thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	T,U
G2.3.	Có kỹ năng phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện những vấn đề mới về chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tự định hướng và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực tổ chức thực hiện và tổng kết chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;	T,U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong nghiên cứu khoa học và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội;	T,U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về những phát hiện và cách thức giải quyết các vấn đề về chiến lược và kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội.	U

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CĐR môn học (G.x.x) (3)	Tỷ lệ (%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			50,0
<i>A1.1. Sự chuyên cần và thái độ học tập</i>			10,0
<i>Sự chuyên cần</i>	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (nhóm hoặc cá nhân)	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2G2.3	5,0
<i>Thái độ học tập</i>	A1.1.2. Tham gia tích cực thảo luận và các hoạt động trên lớp	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2G2.3	5,0
<i>A1.2. Hồ sơ môn học</i>			20,0
	A1.2.1. Có tài liệu học tập	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2G2.3	5,0

	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm nhiệm vụ được giao	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2G2.3 G3.1G3.2G3.3	15,0
<i>A1.3.Đánh giá giữa kỳ</i>			20,0
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1G1.2G1.3	10,0
	A1.3.2. Bài kiểm tra 2	G2.1G2.2G2.3	10,0
A2. Đánh giá cuối kỳ			50,0
	Thi hết môn học	G1.1G1.2G1.3 G2.1G2.2G2.3 G3.1G3.2G3.3	50,0

6. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 1 đến Tiết 9	CHƯƠNG 1. BẢN CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN CỦA KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 1.1. KHÁI NIỆM KẾ HOẠCH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTXH 1.1.1. Khái niệm kế hoạch phát triển KTXH 1.1.2. Khái niệm chiến lược phát triển KTXH 1.2. CHỨC NĂNG CỦA CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 1.2.1 Chức năng của Chiến lược và Kế hoạch phát triển KTH 1.2.2 Phân loại kế hoạch phát triển KTXH 1.3. BẢN CHẤT CỦA KẾ HOẠCH TRONG CÁC PHƯƠNG THỨC KẾ HOẠCH HÓA 1.3.1. Bản chất của kế hoạch 1.3.2. Kế hoạch là một công cụ của Nhà nước (Chính phủ).	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp Thảo luận và trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu -Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1, G2, G3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	1.3.3. Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế thị trường 1.4. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 1.4.1. Căn cứ vào thị trường 1.4.2. Chú trọng đến những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân: 1.4.3. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch 1.5. PHÂN CẤP TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH Ở VIỆT NAM 1.5.1. Kế hoạch cấp trung ương 1.5.2. Kế hoạch cấp địa phương 1.6. CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI 1.6.1. Chỉ tiêu đo lường phát triển Kinh tế Xã hội 1.6.2. Hệ thống chỉ tiêu phản ánh sự phát triển 1.6.3 Các phương pháp tiếp cận trong lập chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH 1.7. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN TRONG LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC & KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 1.7.1 Quan điểm nhấn mạnh vào tăng trưởng 1.7.2 Quan điểm nhấn mạnh vào công bằng và bình đẳng trong XH 1.7.3 Quan điểm phát triển toàn diện				
Tiết 10 đến Tiết 15	CHƯƠNG 2: NỘI DUNG CỦA CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 2.1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTXH 2.1.1. Khái niệm	Trình bày, phát	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi	G1, G2, G3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	2.1.2. Chức năng và các đặc điểm đặc trưng của chiến lược phát triển KTXH 2.2. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 2.2.1. Bản chất của quy hoạch phát triển KTXH 2.2.2. Chức năng của QHPT 2.2.3. Yêu cầu phát triển bền vững của QHPT 2.3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 2.3.1. Khái quát chung về KHPT 2.3.2. Hệ thống KH phát triển KTXH 2.3.3. KH 5 năm phát triển KTXH 2.3.4. Kế hoạch hàng năm phát triển KTXH 2.3. CHƯƠNG TRÌNH & DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KTXH 2.3.1. Bản chất 2.3.2. Sự khác nhau của Chương trình, Dự án và các công cụ Chiến lược và Kế hoạch phát triển 2.3.2. Chức năng của chương trình, dự án	vấn, hỏi-đáp Thảo luận và trình bày, giải đáp	chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.		
Tiết 16 đến Tiết 20	CHƯƠNG 3: TRÌNH TỰ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN 3.1. QUI TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 3.1.1. Phân tích tiềm năng và thực trạng phát triển KT-XH 3.1.1 Khái niệm và các yêu cầu cơ bản 3.1.2. Nội dung đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển KTXH	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị bài thảo	G1, G2, G3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	3.1.2.1. Phân tích tiềm năng phát triển KTXH 3.1.2.2. Phân tích thực trạng phát triển KTXH 3.1.2.3. Tổng hợp các vấn đề then chốt 3.1.3. Các phương pháp sử dụng 3.1.3.1. Thu thập hệ thống thông tin 3.1.3.2. Phương pháp thống kê, mô tả 3.1.3.3. Phương pháp phân tích theo chuỗi 3.1.3.4. Phương pháp phân tích, đánh giá thông qua so sánh chéo 3.1.3.5. So sánh với mục tiêu đặt ra 3.1.4. Các công cụ phục vụ phân tích tiềm năng và thực trạng 3.1.4.1 Phương pháp bình phương nhỏ nhất 3.1.4.2. Ma trận phân tích thực trạng (ma trận SWOT) 3.2. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU 3.2.1. Khái niệm và nội dung 3.2.1.1. Mục tiêu 3.2.1.2. Chỉ tiêu kế hoạch 3.2.2. Phương pháp xác định mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch 3.2.2.1. Xác định các vấn đề then chốt 3.2.2.2. Đánh giá các vấn đề then chốt và hình thành “cây vấn đề” 3.2.2.3. Xây dựng “Cây mục tiêu” 3.2.2.4. Hình thành các cấp mục tiêu và xác định mục tiêu ưu tiên 3.2.2.5. Xây dựng các chỉ tiêu 3.3. XÁC ĐỊNH CÁC CÂN ĐỐI ĐỐI VỚI MÔ CHỦ YẾU		luận và trình bày.		

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	3.3.1 Khái niệm 3.3.2. Nội dung 3.4. Các giải pháp thực hiện 3.4.1. Xây dựng hệ thống luật pháp 3.4.2. Hình thành hệ thống thể chế 3.4.3. Đề xuất các chính sách điều tiết nền KT				
Tiết 21 đến Tiết 25	CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH PT 4.1. XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN 4.1.1. Xây dựng văn bản hướng dẫn 4.1.2. Ban hành văn bản hướng dẫn 4.2. TỔ CHỨC TẬP HUẤN VÀ PHỔ BIẾN NỘI DUNG 4.2.1 Tập huấn cho các cơ quan chủ trì thực hiện 4.2.2. Tuyên truyền và phổ biến đối với doanh nghiệp, tổ chức và công dân 4.3. PHÂN CÔNG, PHÂN NHIỆM CHO CÁC CHỦ THỂ 4.3.1. Phân công, phân nhiệm cho các cơ quan trung ương 4.3.2. Phân công, phân nhiệm cho các cơ quan địa phương 4.3.4. Huy động doanh nghiệp và các tổ chức 4.4. PHÂN BỐ CÁC NGUỒN LỰC 4.4.1. Phân bổ nguồn lực tài chính 4.4.2. Phân bổ nguồn lực đất đai và tài nguyên thiên nhiên	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp Thảo luận và trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu -Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1, G2, G3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	4.4.3. Phân bổ nguồn lực khoa học và công nghệ				
Từ tiết 26 đến tiết 30	CHƯƠNG 5: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC VÀ KH PHÁT TRIỂN 5.1. NỘI DUNG THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ (M&E) 5.1.1. Khái niệm theo dõi và đánh giá 5.1.1.1 Theo dõi (TD) 5.1.1.2. Đánh giá (ĐG) 5.1.2. Phân biệt theo dõi & đánh giá 5.1.3. Sự phối hợp, bổ trợ giữa TD và ĐG 5.1.4. Vai trò của theo dõi đánh giá 5.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP THEO DÕI ĐÁNH GIÁ 5.2.1. Theo dõi đánh giá thực hiện 5.2.2. Theo dõi đánh giá dựa trên kết quả 5.3. QUY TRÌNH THỰC HIỆN TD&ĐG 5.3.1. Lập kế hoạch theo dõi đánh giá 5.3.2. Tổ chức theo dõi và đánh giá	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu - Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1, G2, G3	A1.1, A1.2, A1.3, A2

7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm...)

7.1. Tài liệu bắt buộc

(1). GS,TS. Ngô Thắng Lợi (2023), Giáo trình Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) TS. Trần Xuân Trường (2023), Phát triển vùng, Nxb Đại học Thái Nguyên.

7.2. Tài liệu đọc thêm

(3) Đỗ Kim Chung, 2008, Kế hoạch và chiến lược phát triển, Bài giảng cho Plan-Intenrational Vietnam.

(4) Ngân hàng Thế giới, Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi, Báo cáo tình hình phát triển thế giới, năm 1997, Nxb Chính trị quốc gia 1998.

8. Qui định của học phần

8.1. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô và Kinh tế Phát triển. Về phương pháp giảng dạy, cần

vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động, sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho học viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của học viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

8.2. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Thành Đông.

- Email: ngohaivkt@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ LAO ĐỘNG

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Nguyễn Thị Lan Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Điện thoại: 0913383942; E-mail: nguyenlanhuong1060@yahoo.com
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

Giảng viên 2: Phạm Quý Thọ

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0912244884; Email: phamquytho@gmail.com
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

Giảng viên 3: Đinh Thị Hồng Duyên

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn bộ thời gian, Khu nhà chính; Trường Đại học Thành Đông, số 3 Vũ Công Đán, P. Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.
- Các hướng nghiên cứu chính: Chính sách kinh tế - xã hội, Kinh tế lao động, Phát triển Kinh tế - xã hội.

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế và quản lý lao động (Economics and Labor Management)	
- Mã số học phần: ELM1521	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức chuyên ngành	
- Số tín chỉ:	02
+ Số tiết lý thuyết:	20
+ Số tiết thảo luận/bài tập:	10
+ Số tiết tự học:	60
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn; Hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực; Tổ chức và quản lý tiền công, tiền lương; Quan hệ lao động và quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL (4)
G1	Cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về quản lý nguồn nhân lực trong các đơn vị tổ chức bao gồm những học thuyết về quản lý nguồn nhân lực, các phương pháp xác định nguồn nhân lực; công tác hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và đào tạo phát triển nguồn nhân lực; các vấn đề có liên quan đến quản lý tiền công, tiền lương; vấn đề quan hệ lao động; và thực tiễn công tác quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.	1.1,1.2,1.3	4
G2	Khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế và quản lý lao động vào nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn; Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình	2.1,2.2,2.3	4
G3	Có năng lực phát hiện, khuyến cáo, đề xuất và giải quyết các vấn đề quản lý lao động	3.1,3.2,3.3	4

4. Chuẩn đầu ra học phần

CDR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CDR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1.1	Mô tả được quản lý nguồn nhân lực trong các đơn vị tổ chức bao gồm những học thuyết về quản lý nguồn nhân lực, các phương pháp xác định nguồn nhân lực; công tác hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và đào tạo phát triển nguồn nhân lực; các vấn đề có liên quan đến quản lý tiền công, tiền lương; vấn đề quan hệ lao động; và thực tiễn công tác quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.	I, T
G1.2	Giải thích được vị trí, vai trò của quản lý nhân lực trong tổ chức và doanh nghiệp.	I, T

CĐR (Gx) (1)	Mô tả chuẩn đầu ra (CĐR) (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)
G1.3	Vận dụng các kiến thức về kinh tế và quản lý lao động trong hoạt động thực tiễn và nghiên cứu khoa học	T, U
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp	T, U
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;	T, U
G2.3	Có kỹ năng phổ biến các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;	T,U
G3.1	Có năng lực phát hiện các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;	T, U
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp	T, U
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp	U

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Kinh tế và quản lý nhân lực với CĐR Chương trình đào tạo ngành Quản lý Kinh tế được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản lý kinh tế và Quản trị Kinh doanh cho học phần Kinh tế và Quản lý lao động

Kinh tế và Quản lý lao động	Các chuẩn đầu ra cấp độ 5 của Chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý phân nhiệm cho học phần								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	3.3
Trình độ năng lực	4	4	5	4	4	4	4	4	4
Mức độ giảng dạy	ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	U	U	U

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Kinh tế và Quản lý lao động ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Kinh tế và Quản lý lao động đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
G1.1	Mô tả được quản lý nguồn nhân lực trong các đơn vị tổ chức bao gồm những học thuyết về quản lý nguồn nhân lực, các phương pháp xác định nguồn nhân lực; công tác hoạch định, tuyển dụng, đánh giá và đào tạo phát triển nguồn nhân lực; các vấn đề có liên quan đến quản lý tiền công, tiền lương; vấn đề quan hệ lao động; và thực tiễn công tác quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.	4	1.1
G1.2	Giải thích được vị trí, vai trò của quản lý nhân lực trong tổ chức và doanh nghiệp.	4	1.2
G1.3	Vận dụng các kiến thức về kinh tế và quản lý lao động trong hoạt động thực tiễn và nghiên cứu khoa học	4	1.3
G2.1	Có kỹ năng phân tích và lựa chọn các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp	4	2.1
G2.2	Có kỹ năng đánh giá các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;	4	2.2
G2.3	Có kỹ năng phổ biến các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;	4	2.3
G3.1	Có năng lực phát hiện các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp;	4	3.1
G3.2	Có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp	4	3.2
G3.3	Dám đề xuất và chịu trách nhiệm về các phương pháp quản lý nguồn nhân lực phù hợp với tổ chức, doanh nghiệp	4	3.3

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	CDR học phần (Gx.x) (3)	Tỉ lệ(%) (4)
A1. Đánh giá quá trình			50%
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			10%

Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ các hoạt động được giao (theo nhóm hoặc cá nhân)	G2.1,G2.2,G2.3	05%
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	G2.1,G2.2,G2.3	05%
A1.2. Hồ sơ học phần			20%
	A1.2.1. Có tài liệu học tập;	G2.1,G2.2,G2.3	05%
	A1.2.2. Nộp đủ sản phẩm của nhiệm vụ được giao	G3.1,G3.2,G3.2	15%
A1.3. Đánh giá giữa kì (*)			20%
	A1.3.1. Bài kiểm tra 1	G1.1,G1.2,G1.3	20%
	A1.3.2. Bài kiểm tra 2 (kiểm tra bù)	G2.1,G2.2,G2.3	
A2. Đánh giá cuối kì			50%
	Trắc nghiệm khách quan	G2.1,G2.2,G2.3	50%

7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Tiết 1 đến Tiết 9	CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN 1.1. Khái niệm và vai trò của nguồn nhân lực 1.1.1 Một số khái niệm có liên quan đến nguồn nhân lực 1.1.2. Vai trò của nguồn nhân lực 1.1.3. Phân loại nguồn nhân lực 1.1.4. Phương pháp dự báo nguồn nhân lực 1.2. Khái niệm và tầm quan trọng của quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức 1.2.1. Khái niệm quản lý nguồn nhân lực 1.2.2. Tầm quan trọng chiến lược của quản lý nguồn nhân lực 1.2.3. Quá trình phát triển của quản lý nguồn nhân lực 1.3. Chức năng của của quản lý nguồn	- Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp -Thảo luận và trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1G1.2 G1.3 G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	nhân lực 1.3.1. Các chức năng cơ bản của quản lý nguồn nhân lực 1.3.2. Vai trò, chức năng của phòng quản lý nguồn nhân lực 1.4. Một số học thuyết về quản lý nguồn nhân lực 1.5. Những thách thức đối với quản lý nguồn nhân lực trong thế kỷ 21 1.5.1. Những thách thức đối với quản lý nguồn nhân lực trong thế kỷ 21 1.5.2. Những thách thức trong quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam				
Từ tiết 10 đến tiết 15	CHƯƠNG 2: HOẠCH ĐỊNH, TUYỂN DỤNG, ĐÁNH GIÁ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC 2.1. Hoạch định nguồn nhân lực 2.1.1. Vai trò của hoạch định nguồn nhân lực 2.1.2. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực 2.2. Phân tích công việc 2.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phân tích công việc 2.2.2. Quy trình thực hiện phân tích công việc 2.2.3. Phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc 2.2.4. Nội dung của bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc 2.3. Tuyển dụng nguồn nhân lực 2.3.1. Nguồn ứng viên tuyển dụng	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp Thảo luận và trình bày, giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; Nghiên cứu trước tài liệu Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1G1.2 G1.3 G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức đạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	2.3.2. Nội dung, trình tự quá trình tuyển dụng nguồn nhân lực 2.3.3. Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng 2.4. Đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên 2.4.1. Mục đích 2.4.2. Nội dung, trình tự thực hiện 2.4.3. Các phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc 2.5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2.5.1. Khái niệm và vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2.5.2. Vốn nhân lực và vấn đề đào tạo nguồn nhân lực 2.5.3. Các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 2.5.4. Lập kế hoạch đào tạo 2.5.5. Hiệu quả kinh tế của đào tạo nguồn nhân lực				
Từ tiết 16 đến tiết 20	CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TIỀN CÔNG, TIỀN LƯƠNG 3.1. Khái niệm và vai trò của tiền công, tiền lương 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Vai trò 3.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, tiền lương 3.2. Khái niệm và vai trò của quản lý tiền công, tiền lương trong các doanh nghiệp 3.2.1. Khái niệm về quản lý tiền công, tiền lương	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp -Thảo luận và trình bày, giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; Nghiên cứu trước tài liệu chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1G1.2 G1.3 G2.1G2.2 G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức đạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CDR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
	3.2.2. Vai trò của quản lý tiền công, tiền lương trong doanh nghiệp 3.2.3. Những vấn đề cần lựa chọn khi xây dựng hệ thống thù lao lao động 3.2.4. Chế độ tiền lương, tiền công 3.3. Các hình thức trả lương, trả công cho người lao động 3.3.1 Hình thức trả lương theo sản phẩm 3.3.2. Hình thức trả lương theo thời gian				
Từ tiết 21 đến tiết 25	CHƯƠNG 4. QUAN HỆ LAO ĐỘNG 4.1. Khái niệm và bản chất của quan hệ lao động 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Bản chất 4.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ lao động 4.2. Nguyên tắc và một số hình thức quan hệ lao động 4.2.1. Các nguyên tắc chủ yếu trong xác lập và vận hành quan hệ lao động 4.2.2. Một số hình thức quan hệ lao động 4.3. Cơ chế hoạt động của quan hệ lao động 4.3.1. Cơ chế hai bên 4.3.2. Cơ chế ba bên 4.3.3. Sự thống nhất giữa cơ chế hai bên và cơ chế ba bên 4.4. Tranh chấp lao động và đình công 4.4.1. Tranh chấp lao động 4.4.2. Đình công	- Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp - Thảo luận và trình bày, giải đáp	- Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; - Nghiên cứu trước tài liệu chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1G1.2 G1.3 G2.1G2.2G2.3 G3.1G3.2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

Tiết (1)	Nội dung (2)	Hình thức dạy học (3)	Chuẩn bị của người học (4)	CĐR học phần (Gx.x) (5)	Bài đánh giá (6)
Từ tiết 25 đến tiết 30	CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI 5.1. Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam 5.1.1. Các chính sách có liên quan đến quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam 5.1.2. Những ưu điểm và hạn chế trong quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam 5.1.3. Một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý nguồn nhân lực 5.2. Quản lý nguồn nhân lực ở một số nước trên thế giới 5.2.1. Chính sách quản lý nguồn nhân lực ở một số nước trên thế giới 5.2.2. Kinh nghiệm quản lý nguồn nhân lực của một số doanh nghiệp trên thế giới	Trình bày, phát vấn, hỏi-đáp -Thảo luận và trình bày, giải đáp	Mang theo tài liệu học tập, vở ghi chép; Nghiên cứu trước tài liệu Chuẩn bị bài thảo luận và trình bày.	G1.1G1. 2 G1.3 G2.1G2. 2G2.3 G3.1G3. 2 G3.3	A1.1, A1.2, A1.3,A2

7. Nguồn học liệu (các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm...)

71.. Tài liệu bắt buộc

(1). PGS,TS. Trần Xuân Cầu, PGS,TS. Mai Quốc Chánh (2013), Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

(2). Trần Kim Dung (2009) Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực. Nxb Giáo dục

7.2. Tài liệu tham khảo thêm

(1). Nguyễn Thị Lan Hương (2002). Thị trường lao động Việt Nam – Định hướng và phát triển. NXB Lao động - Xã hội

(2). Bruce E. Kaufman (2003). The Economics of Labor Markets. NXB Thomson South- Western

(3). David Begg (1991) Economics. The Mc Graw – Hill Companies, Inc.

8. Qui định của học phần

8.1. Yêu cầu đối với giảng viên

- Đây là môn học mang tính liên ngành, đòi hỏi người dạy phải có kiến thức cơ sở về Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô và Kinh tế Phát triển. Về phương pháp giảng dạy, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp nhằm giúp người học phát huy tính chủ động,

sáng tạo và các khả năng phân tích, tổng hợp các vấn đề cũng như phương pháp thảo luận nhóm.

- Giảng dạy, hướng dẫn cho học viên phương pháp học tập, thực hành và tự học các nội dung theo yêu cầu của học phần.

- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của học viên được thực hiện đúng theo Quy chế.

8.2. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: sự chuyên cần của học viên được đánh giá bằng điểm số, yêu cầu dự bài giảng tối thiểu 80% số buổi học; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và qui định.

- Hoàn thành (các) bài kiểm tra định kì.

9. Phụ trách học phần

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa KT-QTKD, Trường Đại học Thành Đông.

- Địa chỉ/email: huongntl@thanhdong.edu.vn.
